

**ĐẠI HỌC Y DƯỢC TPHCM
BỆNH VIỆN ĐẠI HỌC Y DƯỢC**

Số: 122./BVĐHYD-VTTB

V/v mời chào giá

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 4 năm 2021

Kính gửi: Quý nhà cung cấp

Bệnh viện Đại học Y Dược TPHCM mời các Quý nhà cung cấp có quan tâm, có khả năng cung cấp Vật tư y tế tiêu hao báo giá theo phụ lục danh mục đính kèm.

Đề nghị Quý nhà cung cấp gửi file word/excel và bản scan báo giá có đóng dấu (theo mẫu đính kèm) đến email moichaogia@umc.edu.vn và gửi bản giấy có đóng dấu về phòng Vật tư thiết bị - lầu 4 – khu A, Bệnh viện Đại học Y Dược TPHCM (địa chỉ 215 Hồng Bàng, Phường 11, Quận 5, TPHCM).

- Hồ sơ gửi kèm theo báo giá bao gồm các tài liệu sau:

+ Hợp đồng trúng thầu tại các Cơ sở y tế trong vòng 12 tháng/ hóa đơn GTGT tham khảo giá chào.

+ Tài liệu kỹ thuật của hàng hóa, giấy đăng ký lưu hành (nếu có), giấy chứng nhận lưu hành tự do (nếu có).

- Thời gian nhận báo giá: đến hết ngày 8.5/2021

- Điện thoại liên hệ: 028 3952 5243 (Nguyễn Thị Kim Loan – Phòng Vật tư thiết bị).

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đơn vị Quản lý Đấu thầu (để đăng tin);
- Lưu: VT, VTTB (B11-144-nvdung) (03).

KT. GIÁM ĐỐC



Phạm Văn Tấn

Phó Giám đốc

PHỤ LỤC DANH MỤC VẬT TƯ Y TẾ TIÊU HAO MỜI CHÀO GIÁ

(Kèm theo Công văn mời chào giá số ...7.22.../BVĐHYD-VTTB ngày 26/ 4/2021)

STT	Mã thông tư 04	Phân nhóm TT 14	Tên danh mục	Yêu cầu đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
1	N01.01.010	6	Bông đệm lót khi bó bột cổ định gãy xương, cỡ 10x2.7cm	Bông đệm lót khi bó bột cổ định gãy xương, giảm chèn ép và các biến chứng trong bột, - 100% sợi bông tự nhiên, không bụi, đều không gây chèn ép, dễ cắt, da không bị đen sau bó bột, - Cỡ 10cm x 2,7cm, - Tiêu chuẩn ISO/ CE	Gói/1 cuộn	Cuộn	550
2	N01.01.010	6	Bông đệm lót khi bó bột cổ định gãy xương, cỡ 15x2.7cm	Bông đệm lót khi bó bột cổ định gãy xương, giảm chèn ép và các biến chứng trong bột, - 100% sợi bông tự nhiên, không bụi, đều không gây chèn ép, dễ cắt, da không bị đen sau bó bột - Cỡ 15x2.7cm - Tiêu chuẩn ISO/ CE	Gói/1 cuộn	Cuộn	550
3	N02.01.020	6	Băng thun 10cm x 4.5m	Băng thun dùng trong cố định băng gạc, nẹp bột, băng ép và băng hỗ trợ trong bong gân, giãn dây chằng - Chất liệu: Sợi polyester, spandex và sợi cotton, màu trắng - Kích thước: 10cm x 4.5m - Độ co giãn: khoảng 200%, có lỗ thoát khí nhỏ - Có kiểm tra vi sinh, vi khuẩn hiếu khí <100 cfu/g - Đóng gói từng cuộn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE	Gói/ 1 cuộn	Cuộn	18.780
4	N02.01.020	6	Băng thun 15cm x 4.5m	Băng thun dùng trong cố định băng gạc, nẹp bột, băng ép và băng hỗ trợ trong bong gân, giãn dây chằng - Chất liệu: Sợi polyester, spandex và sợi cotton, màu trắng - Kích thước: 15cm x 4.5m - Độ co giãn: khoảng 200%, có lỗ thoát khí nhỏ - Có kiểm tra vi sinh, vi khuẩn hiếu khí <100 cfu/g - Đóng gói từng cuộn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE	Gói/ 1 cuộn	Cuộn	1.200
5	N02.01.020	6	Băng thun 7,5cm x 4,5m	Băng thun dùng trong cố định băng gạc, nẹp bột, băng ép và băng hỗ trợ trong bong gân, giãn dây chằng - Chất liệu: Sợi polyester, spandex và sợi cotton, màu trắng - Kích thước: 7,5cm x 4,5m - Độ co giãn: khoảng 200%, có lỗ thoát khí nhỏ - Có kiểm tra vi sinh, vi khuẩn hiếu khí <100 cfu/g - Đóng gói từng cuộn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE	Gói/ 1 cuộn	Cuộn	2.040
6	N02.02.020	6	Băng dính có oxit kẽm, 10cm x4.5m	Băng dính cố định, co giãn dùng băng ép - Chất liệu: vải cotton 100%, phủ keo có oxit kẽm không dùng dung môi - Lực dính 2-9 N/cm - Độ co giãn tối thiểu 90% - Kích thước: 10cm x 4.5m - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE	Hộp 1 cuộn	Cuộn	1.500
7	N02.02.020	3	Băng dính dùng trong hỗ trợ và giải áp cho lớp cơ sâu	Băng dính dùng trong hỗ trợ và giải áp cho lớp cơ sâu, đặc biệt cho da nhạy cảm - Chất liệu: 50% Polyester và 50% Cotton, lớp vải cotton mỏng, nhẹ, co giãn đa chiều, chống thấm nước. Bề mặt có phủ lớp keo Acrylic không chứa latex được thiết kế gọn sóng tinh tế và dày tạo độ dính và nâng mô cao; có lớp giấy bảo vệ mặt sau. - Băng dán có thể kéo giãn thêm từ 40 đến 60% (10 cm có thể kéo giãn tới 14 đến 16 cm) - Dán và lưu được trên da 3-5 ngày. - Kích thước: 5cm x 5m. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ FDA	Hộp 1 cuộn	Cuộn	50

STT	Mã thông tư 04	Phân nhóm TT 14	Tên danh mục	Yêu cầu đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
8	N02.02.020	3	Băng dính dùng trong phục hồi chức năng	Băng dính dùng trong phục hồi chức năng, hỗ trợ cố định và giải áp cho lớp cơ sâu, phù hợp ứng dụng điều trị với khả năng kéo giãn của lớp da tại các vùng như mặt trước khớp gối, lưng dưới và vùng cổ. - Chất liệu: 100% Cotton. Lớp vải cotton dày, co giãn 1 chiều, chống thấm nước. Bề mặt có phủ lớp keo Acrylic không chứa latex được thiết kế gọn sóng tinh tế & dày tạo độ dính và nâng mô cao; có lớp giấy bảo vệ mặt sau. - Băng dán được thiết kế có thể kéo giãn thêm từ 40 đến 60% (10 cm có thể kéo giãn tới 14 đến 16 cm) - Dán và lưu được trên da 3 - 5 ngày. - Kích thước: 5cm x 4m. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ FDA	Hộp 1 cuộn	Cuộn	50
9	N02.02.020	3	Băng dính tác động vô lớp hạ bì, dành cho da nhạy cảm	Băng dính dùng trong phục hồi chức năng dành cho các ứng dụng điều trị lớp nông, hỗ trợ lưu thông hệ bạch huyết, giảm sưng, phù nề - Chất liệu: 100% Cotton, co giãn đa chiều, chống thấm nước. Bề mặt có phủ lớp keo Acrylic không chứa latex được thiết kế tạo đường vân giống vân tay trên băng dán; có lớp giấy bảo vệ mặt sau. - Băng dán được thiết kế có thể kéo giãn thêm từ 40 đến 60% (10 cm có thể kéo giãn tới 14 đến 16 cm) - Dán và lưu được trên da 3 - 5 ngày. - Kích thước: 5cm x 5m. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ FDA	Hộp 1 cuộn	Cuộn	50
10	N02.03.080	6	Gạc xốp (foam), cỡ 10x10cm	Gạc xốp (foam) dùng trong băng vết thương tiết dịch từ trung bình đến nhiều - Chất liệu: 1 lớp Polyurethane, 1 lớp foam bọt biển - Kích thước: 10 x 10cm - Khả năng thấm hút và giữ dịch $\geq 199\text{g}/100\text{cm}^2$ - Đóng gói tiết khuẩn từng miếng - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE	Hộp/ 10 miếng	Miếng	500
11	N02.03.080	3	Gạc xốp (foam), cỡ 10x20cm	Gạc xốp (foam) dùng cho vết thương cấp tính tiết dịch, bỏng độ 2, vết thương do chấn thương, vết mổ và vết thương mãn tính, - Chất liệu: lớp xốp polyurethane siêu thấm và lớp lipido-colloid vi bám dính, Lực vi bám dính: 2,5-7kPa. Khối lượng tấm $180\text{g}/\text{m}^2 \pm 40\text{g}/\text{m}^2$. Khả năng thấm hút tại 1/2 giờ: $\geq 4300\text{g}/\text{m}^2$ - Kích thước: 10cmx12cm, - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/CE	Hộp 10 miếng	Miếng	100
12	N02.03.090	3	Gạc lưới, cỡ 10 x 10cm	Gạc lưới là lớp băng phụ, giúp tăng sinh nguyên bào sợi, đỡ băng không đau, tăng khả năng hấp thu dịch lên lớp băng chính, dùng cho vết thương < 10cm - Chất liệu: dệt lưới 100% polyester, tấm lipido-colloid. - Lực vi bám dính: 2,5-7kPa. Khối lượng tấm $180\text{g}/\text{m}^2 \pm 40\text{g}/\text{m}^2$. Khả năng thấm hút tại 1/2 giờ: $\geq 4300\text{g}/\text{m}^2$ - Kích thước: mắt lưới < 0,5mm ² , gạc 10 x 10cm - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE	Hộp 10 miếng	Miếng	3.350
13	N02.03.090	3	Gạc lưới, cỡ 15 x 20cm	Gạc lưới là lớp băng phụ, giúp tăng sinh nguyên bào sợi, đỡ băng không đau, tăng khả năng hấp thu dịch lên lớp băng chính, dùng cho vết thương < 10cm - Chất liệu: dệt lưới 100% polyester, tấm lipido-colloid. - Lực vi bám dính: 2,5-7kPa. Khối lượng tấm $180\text{g}/\text{m}^2 \pm 40\text{g}/\text{m}^2$. Khả năng thấm hút tại 1/2 giờ: $\geq 4300\text{g}/\text{m}^2$ - Kích thước: mắt lưới < 0,5mm ² , gạc 15 x 20cm - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE	Hộp 10 miếng	Miếng	20
14	N02.04.030	3	Keo dán mô nội soi 0.5ml	Keo dán mô nội soi - Thành phần N-butyl-2-cyanoacrylat - Thể tích 0.5ml - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn CE/ISO/FDA	Hộp/ 10 Lọ	Lọ	340
15	N02.04.030	4	Miếng keo sinh học dán mô và cầm máu, 45 x 90mm	Miếng keo sinh học dán mô và cầm máu dùng trong phẫu thuật sọ não, cột sống. - Thành phần: collagen bò - Gồm có 2 mặt, bề mặt đặt vào mô được phủ NHS-PEG, bề mặt không bám dính đánh dấu bằng các chấm hình vuông màu xanh - Kích thước 45 x 90mm. - Tiêu chuẩn: ISO - Tương đương loại Hemopatch	hộp/ 3 miếng	Miếng	10

STT	Mã thông tư 04	Phân nhóm TT 14	Tên danh mục	Yêu cầu đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
16	N02.04.030	4	Miếng keo sinh học dán mô và cầm máu, 45 x 45 mm	Miếng keo sinh học dán mô và cầm máu dùng trong phẫu thuật sọ não, cột sống. - Thành phần: collagen bò - Gồm có 2 mặt, bề mặt đặt vào mô được phủ NHS-PEG, bề mặt không bám dính đánh dấu bằng các chấm hình vuông màu xanh - Kích thước 45 x 45 mm - Tiêu chuẩn: ISO - Tương đương loại Hemopatch	hộp/ 3 miếng	Miếng	15
17	N02.04.030	4	Miếng keo sinh học dán mô và cầm máu, 27 x 27 mm	Miếng keo sinh học dán mô và cầm máu dùng trong phẫu thuật sọ não, cột sống. - Thành phần: collagen bò - Gồm có 2 mặt, bề mặt đặt vào mô được phủ NHS-PEG, bề mặt không bám dính đánh dấu bằng các chấm hình vuông màu xanh - Kích thước 27 x 27 mm - Tiêu chuẩn: ISO - Tương đương loại Hemopatch	hộp/ 5 miếng	Miếng	20
18	N02.04.060	6	Vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm, bằng Polyurethane dạng bọt xốp có phủ bạc, 10 x 7,5 x 3cm	Vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm, bao gồm: - Chất liệu: miếng xốp bằng Polyurethane dạng bọt xốp, có phủ bạc - Kích thước: 10 x 7,5 x 3cm - Bộ phận đi kèm: đầu nối, ống dẫn, kẹp khóa, băng dán - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE - Hỗ trợ đặt máy	Gói/ 1 bộ	Bộ	240
19	N02.04.060	6	Vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm, bằng Polyurethane dạng bọt xốp có phủ bạc, 16 x 12,5 x 3cm	Vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm, bao gồm: - Chất liệu: miếng xốp bằng Polyurethane dạng bọt xốp, có phủ bạc - Kích thước: 16 x 12,5 x 3cm - Bộ phận đi kèm: đầu nối, ống dẫn, kẹp khóa, băng dán - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE - Hỗ trợ đặt máy	Gói/ 1 bộ	Bộ	200
20	N02.04.060	6	Vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm, bằng Polyurethane dạng bọt xốp có phủ bạc, 26 x 15 x 3cm	Vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm, bao gồm: - Chất liệu: miếng xốp bằng Polyurethane dạng bọt xốp, có phủ bạc - Kích thước: 26 x 15 x 3cm - Bộ phận đi kèm: đầu nối, ống dẫn, kẹp khóa, băng dán - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE - Hỗ trợ đặt máy	Gói/ 1 bộ	Bộ	90
21	N02.04.060	4	Bộ dây dẫn bơm tưới rửa dùng cho máy điều trị vết thương áp lực âm	Bộ dây dẫn bơm tưới rửa dùng cho máy điều trị vết thương áp lực âm - Chất liệu: Nhựa tổng hợp - Thiết kế: Bộ gồm bình điều khiển nối với máy kèm dây gắn sẵn và co nối 38mm với dây cấp và túi nước rửa, điều chỉnh lượng nước bơm tưới rửa vết thương. - Dùng cho máy điều trị vết thương bằng phương pháp hút áp lực âm có chức năng tưới rửa - Hỗ trợ đặt máy tại Bệnh viện - Tiêu chuẩn: ISO/CE/FDA - Hoặc tương đương loại v.a.c ulta cassette	Gói/ 1 bộ	Bộ	25
22	N02.04.060	6	Vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm, xốp 10x7.5x3cm	Vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm điều trị vết thương, giúp loại bỏ dịch tiết, vi khuẩn, gồm miếng xốp hút dịch, không thấm nước, tấm phim trong suốt; Ống dẫn dịch được kết nối sẵn với tấm hút và có khóa, - Kích thước xốp: 10x7.5x3cm; - Kích thước tấm phim: 20 x 30cm; chiều dài ống dẫn dịch: 2m, - Tiệt khuẩn, - Tiêu chuẩn ISO/CE/FDA, - Tương thích can chứa, bộ lọc vi khuẩn cùng loại, - Hỗ trợ đặt máy tại bệnh viện	Gói/ 1 bộ	Bộ	12
23	N02.04.060	6	Vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm, xốp 18x12.5x3cm	Vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm điều trị vết thương, giúp loại bỏ dịch tiết, vi khuẩn, gồm miếng xốp hút dịch, không thấm nước, tấm phim trong suốt; Ống dẫn dịch được kết nối sẵn với tấm hút và có khóa, - Kích thước xốp: 18 x 12,5 x 3cm; - Kích thước tấm phim: 35 x 32cm; chiều dài ống dẫn dịch: 2m, - Tiệt khuẩn, - Tiêu chuẩn ISO/CE/FDA, - Tương thích can chứa, bộ lọc vi khuẩn cùng loại, - Hỗ trợ đặt máy tại bệnh viện	Gói/ 1 bộ	Bộ	4

STT	Mã thông tư 04	Phân nhóm TT 14	Tên danh mục	Yêu cầu đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
24	N02.04.060	6	Vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm, xốp 20x15x3cm	Vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm điều trị vết thương, giúp loại bỏ dịch tiết, vi khuẩn, gồm miếng xốp hút dịch, không thấm nước, tấm phim trong suốt; Ống dẫn dịch được kết nối sẵn với tấm hút và có khóa, - Kích thước xốp: 26 x 15 x 3cm; - Kích thước tấm phim: 35 x 32cm; chiều dài ống dẫn dịch: 2m, - Tiệt khuẩn, - Tiêu chuẩn ISO/CE/FDA, - Tương thích can chứa, bộ lọc vi khuẩn cùng loại, - Hỗ trợ đặt máy tại bệnh viện	Gói/ 1 bộ	Bộ	12
25	N03.01.020	6	Bơm tiêm dầu thẳng, lệch tâm, không kim, 20ml	Bơm tiêm dầu thẳng, lệch tâm, không kim, thể tích 20ml - Thân bơm tiêm: chất liệu Polypropylene, trong suốt, bên trong được phủ silicone, có vòng giữ ngăn ngừa pít tông bị kéo ra ngoài, bên ngoài có vạch chia thể tích, rõ ràng, dễ đọc Đường kính trong của bơm tiêm: khoảng 2cm - Đầu bơm tiêm: thiết kế dầu thẳng, lệch tâm, tương thích với các đầu kim tiêm, dây truyền - Pít tông: chất liệu bằng Polypropylene, trong suốt, nút chặn không chứa latex, đường kính của chỗ ấn khoảng 2.5cm - Đóng gói tiệt khuẩn từng cái - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE	Hộp 120 cái	Cái	25.000
26	N03.01.080	3	Bơm tiêm cân quang, cỡ 190ml	Bơm tiêm cân quang cho theo máy bơm tiêm điện, bộ bao gồm: - 01 ống bơm thể tích 190ml + Chất liệu: Piston (makrolon), đầu cao su (santoprene TPV), thân ống bơm (Eastman PET MN052), nắp che bụi (huntsman P5M4K-046). + Đường kính trong khoảng 4,6 cm + Chiều dài: khoảng 18,7cm. - Đầu bơm tiêm: kết nối luer lock. - 1 ống lấy thuốc nhanh chữ J, chất liệu bằng polyethylene. - Bơm tiêm và dây nối chịu áp lực khoảng 300psi - Có dấu chỉ phát hiện nhanh ống bơm đã được nạp thuốc. - Tương thích với máy bơm tiêm điện CT Imaxeon Salient (hai nồng độ). - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn: ISO	Hộp/ 1 bộ	Bộ	720
27	N03.02.040	4	Kim dùng cho buồng tiêm truyền cấy dưới da, các cỡ	Kim dùng cho buồng tiêm truyền cấy dưới da, các cỡ - Chất liệu: kim bằng thép không gỉ, dây nối bằng polyurethane, không latex, không PVC, không DEHP - Kích cỡ: 20G (đường kính kim 0,7mm), 22G (đường kính kim 0.9mm), chiều dài kim 15mm, chiều dài dây nối 25 cm - Cấu tạo: Kim gấp góc có để cố định không màu nối với dây nối, có khóa kẹp - Đóng gói tiệt khuẩn từng cái - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO Hoặc tương đương loại Cytocan non-coring needle	Hộp/ 25 cái	Cái	320
28	N03.02.060	4	Kim lấy máu, lấy thuốc, các cỡ	Kim lấy máu, lấy thuốc và kim tiêm các cỡ - Chất liệu kim bằng Crôm-Nikel, phủ silicone, đầu kim 3 mặt vát, thành kim mỏng, trơn láng. Kích cỡ: 18G (đường kính 1,2mm; chiều dài 40mm); 23G (đường kính 0,6mm; chiều dài 25mm); 25G (đường kính 0,5mm, chiều dài 16mm), 26G (đường kính 0.45, chiều dài khoảng 6 - 12mm) - Chuôi kim bằng nhựa Polypropylen, không chứa DEHP, đầu nối luer lock, tương thích với các đầu nối male, mã màu theo kích cỡ kim - Đóng gói tiệt khuẩn từng cái - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE	Hộp 100 Cái	Cái	1.045.000
29	N03.02.060	6	Kim gây tê nha khoa 27G	Kim gây tê nha khoa - Chất liệu: thép không gỉ - Cỡ kim: 27G (0.4mm) - Chiều dài thân kim: 21mm, 30mm. - Đầu kim vát nhọn, bén, phù hợp vùng gây tê, mềm, dễ uốn cong - Tương thích với bơm tiêm inox đang sử dụng tại Bệnh viện - Tiệt khuẩn	Hộp/ 100 cái	Cái	1.500

STT	Mã thông tư 04	Phân nhóm TT 14	Tên danh mục	Yêu cầu đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
30	N03.02.080	5	Kim tiêm dùng 1 lần, cỡ 23Gx1"	- Kim tiêm lấy máu, lấy thuốc, dùng 1 lần - Chất liệu: bằng thép không gỉ, có đủ độ cứng cơ khí và không bị oxy hóa, - Kích thước: 23G x 1" - Cấu tạo: bề mặt kim nhẵn, bóng không có tạp chất, vát đầu kim sắc không có gờ. Liên kết giữa đốc kim và thân kim chắc chắn, không bị bẻ gãy, thân kim không bị tuột khỏi đốc kim. Có nắp đậy đầu kim. Không có chất gây sốt (pyrogene) - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO - Tiệt khuẩn từng cái - Tương đương loại Vinahankook	Hộp/10 vi/ 10 cái	Cái	52.800
31	N03.03.010	6	Kim chọc dò ối, cỡ 21G	- Kim chọc dò để lấy mẫu nước ối - Kim 22- 21G dài 90 - 150 mm - Mỗi cm trên thân có khắc xoắn ốc giúp nhìn rõ ràng dưới hướng dẫn siêu âm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/CE/FDA	Gói/1 cái	Cái	200
32	N03.03.050	3	Catheter tĩnh mạch trung tâm 3 đường bằng polyurethane, 7Fr, dài 16->20 cm	- Catheter tĩnh mạch trung tâm 3 đường sử dụng trong ghép gan - Catheter polyurethane, phủ thuốc kháng khuẩn AGB+, đầu catheter BlueFlexTip, bơm tiêm, dây springwire có đầu Advancer làm thẳng đầu cong chữ J, - Cỡ 7Fr, dài 16->20 cm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA	Gói/1 cái	Cái	100
33	N03.03.050	3	Catheter đo cung lượng tim liên tục, cỡ 7.5Fr, dài 110cm	- Catheter đo cung lượng tim liên tục đo các chỉ số CCO/SVO2/RCEDV - Catheter bằng Polyvinylchlorua (PVC) - Cỡ 7.5Fr, dài 110cm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn CE/ISO/FDA - Tương thích với monitor Vigilance	Gói/1 cái	Cái	25
34	N03.03.050	4	Catheter tĩnh mạch đặt từ tĩnh mạch ngoại biên cho trẻ sơ sinh hoặc sinh non bằng polyurethane, 28G, dài 8cm	- Catheter tĩnh mạch đặt từ tĩnh mạch ngoại biên cho trẻ sơ sinh hoặc sinh non - Bao gồm: * 01 ống thông bằng polyurethane 28G, dài 8cm, trên thân có vạch chia mỗi cm, có cánh cố định, lưu lượng dòng chảy 1.6ml/phút * 01 kim dẫn bằng thép không gỉ 24G, dài 19mm và 01 thuốc dây. - Tiêu chuẩn CE	Gói/1 cái	cái	100
35	N03.03.080	6	Kim lọc thận nhân tạo, phủ silicone, cỡ 17G	- Kim lọc thận nhân tạo dùng để lấy máu và trả máu trong thận nhân tạo - Kim bằng thép không gỉ, 3 mặt vát, phủ silicone, cỡ 17G, đường kính 1.4 mm, dài 25mm. - Dây bằng Polyvinylchloride, không Pyrogenic, không Latex dài 30cm, đường kính trong 3.5mm; - Lưu lượng trung bình 210mL/phút; - Các bộ phận khác đi kèm: có đầu bảo vệ an toàn nằm sau cánh, có âm báo kích hoạt an toàn, thành kim siêu mỏng - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE	Hộp/50 cái	Cái	4.000
36	N03.03.130	3	Kim đốt bằng vi sóng điều trị u gan dưới hướng dẫn siêu âm	- Kim đốt bằng vi sóng điều trị u gan dưới hướng dẫn siêu âm - Chất liệu kim bằng thép không gỉ, cứng, ít xâm lấn. - Đầu kim bằng ceramic, 3 mặt vát, có bọc lớp đồng ở phần phát sóng. - Chiều dài kim đốt các cỡ: 14cm, 19cm, 29cm. - Tiệt khuẩn - Kim có kênh làm lạnh với cặp cảm biến nhiệt giúp bảo vệ các mô lành. - Hỗ trợ đặt máy tại bệnh viện	Hộp/ 01 cái	Cái	20
37	N03.05.010	6	Dây truyền dịch dài >170cm	- Dây truyền dịch dùng trong liệu pháp truyền cho người bệnh, do cvp - Chất liệu: nhựa PVC, không chứa DEHP - Chiều dài dây > 170 cm - Bầu đếm giọt 1 ngăn, 1ml/ 20 giọt - Đặc tính: có vent đuôi khí, màng lọc 46 microns được đặt ở cuối đường dây. - Kẹp cuộn điều chỉnh tốc độ, dây trong, mềm để quan sát - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO	50 bộ/hộp	Bộ	2.200
38	N03.05.010	4	Dây truyền thuốc tương phản chụp CT	- Dây truyền thuốc tương phản chụp CT, vật liệu PUR, PVC (không chứa DEHP và cao su). - Áp suất chịu tối đa 20 bar. - Dây truyền thuốc đầu phía bệnh nhân gồm ống truyền thuốc với nắp bảo vệ và kết nối Luer Lock đực, một bộ lọc cận bản với van một chiều và một bộ cảm biến áp suất. - Dây truyền thuốc đầu phía thiết bị có 3 kim lấy thuốc với bộ lọc không khí tích hợp trong đường dẫn khí. - Thời gian hoạt động tối đa cho phép 24 giờ cho nhiều bệnh nhân, - Tiệt khuẩn, - Tiêu chuẩn ISO/CE	hộp/ cái	Cái	360

STT	Mã thông tư 04	Phân nhóm TT 14	Tên danh mục	Yêu cầu đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
39	N03.05.040	3	Dây nối dài sử dụng trong truyền dịch nhanh	Dây nối dài sử dụng trong truyền dịch nhanh - Bằng nhựa trong, không chứa nhôm - Dây nối dài 54" có khóa dạng trục lăn nối với dây nối kép, có cổng tiêm truyền thuốc. Đầu dây có khóa luer lock. - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn CE/ISO/FDA - Tương thích máy truyền dịch nhanh Belmont	Gói/1 cái	cái	5
40	N03.05.040	3	Dây nối kép dùng trong truyền dịch nhanh	Dây nối kép dùng trong truyền dịch nhanh - Bằng nhựa trong, không chứa nhôm - Dây nối kép hình chữ Y dùng cho người bệnh dài 54 inch có khóa dạng trục lăn. Đầu dây có khóa luer lock. - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn CE/ISO/FDA - Tương thích máy truyền dịch nhanh Belmont	Gói/1 cái	Cái	20
41	N03.05.050	4	Dây truyền thuốc tương phản chụp CT, dài 2.5m	Dây truyền thuốc tương phản chụp CT, vật liệu PUR, PVC (không chứa DEHP và caosu), chiều dài 2.5m, - Áp suất chịu tối đa 20 bar - Dây truyền bao gồm ống với hai nắp bảo vệ và có một đầu kết nối Luer Lock với van một chiều tích hợp ở phía đầu bệnh nhân. Dây truyền thuốc được kết nối với một đầu kết nối Luer Lock cái. Một van một chiều thứ hai được tích hợp trong dây. Các van một chiều này tự động đóng. - Thời gian hoạt động tối thiểu cho phép 24 giờ cho nhiều bệnh nhân, - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/ CE	gói/ 10 cái	Cái	360
42	N03.05.060	3	Khóa 3 ngã đi kèm dây dẫn dài 10cm	Khóa 3 ngã đi kèm dây dẫn dài 10cm - Chất liệu: Polyamide, không chứa DEHP - Dây nối dài khoảng 10 cm, thể tích mỗi 0,9ml, 1 đầu male dạng xoắn vặn, đảm bảo tương thích với các loại catheter, 1 đầu có khóa 3 ngã gồm 2 cổng female đảm bảo tương thích với hệ thống dây truyền - Kháng lực khoảng 2 bar hoặc tương đương - Yêu cầu khi sử dụng: Không nứt gãy, rò rỉ khi kết nối với hệ thống dây truyền hoặc khi truyền với các loại thuốc, nhũ dịch béo - Đóng gói tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE	Thùng/ 200 cái	Cái	4.500
43	N03.05.060	4	Khóa đi kèm dây dẫn, 3 nhánh	Khóa đi kèm dây dẫn loại 3 nhánh - Chất liệu: Polyurethane - Chiều dài mỗi nhánh khoảng 12.7cm - Gồm 4 đầu nối: 1 đầu male bằng nhựa Acrylic, thiết kế dạng khóa xoay, tương thích với các loại catheter; 3 đầu nối an toàn không kim bằng Polyurethane, mỗi đầu nối có van 1 chiều bằng silicone, đầu kết nối xoắn vặn, tương thích với đầu nối của bơm tiêm, dây truyền, không có khoảng chết trong đầu nối giúp ngăn cục máu đông và sự tương tác của thuốc - Có 3 khóa áp lực dương - Thể tích đuổi khí khoảng 0.3ml - Tốc độ dòng chảy: 10ml/giây - Chịu áp lực khoảng ≥ 300 psi - Thời gian lưu khoảng 5 - 7 ngày hoặc ≥ 200 lần sử dụng - Đóng gói tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE/ FDA	Hộp/100 cái	Cái	2.000
44	N03.05.060	4	Khóa đi kèm dây dẫn, 1 nhánh	Khóa đi kèm dây dẫn, loại 1 nhánh - Chất liệu: Polyurethane - Chiều dài: 15cm - Gồm 2 đầu nối: 1 đầu male bằng nhựa Acrylic, thiết kế dạng khóa xoay, tương thích với các loại catheter, 1 đầu nối an toàn không kim bằng Polyurethane, có van 1 chiều bằng silicone, đầu kết nối xoắn vặn, tương thích với đầu nối của bơm tiêm, dây truyền - Có 1 khóa áp lực dương - Thể tích đuổi khí khoảng 0.16ml - Tốc độ dòng chảy: 10ml/giây - Chịu áp lực khoảng ≥ 300 psi - Thời gian lưu khoảng 5 - 7 ngày hoặc ≥ 200 lần sử dụng - Đóng gói tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE/ FDA	Hộp/100 cái	Cái	90.000

STT	Mã thông tư 04	Phân nhóm TT 14	Tên danh mục	Yêu cầu đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
45	N03.05.060	4	Khóa đi kèm dây dẫn, 2 nhánh	- Khóa đi kèm dây dẫn, loại 2 nhánh - Chất liệu: Polyurethane - Chiều dài mỗi nhánh 24cm - Gồm 3 đầu nối: 1 đầu male bằng nhựa Acrylic, thiết kế dạng khóa xoay, tương thích với các loại catheter; 2 đầu nối an toàn không kim bằng Polyurethane, mỗi đầu nối có van 1 chiều bằng silicone, đầu kết nối xoắn vặn, tương thích với đầu nối của bơm tiêm, dây truyền - Có 2 khóa áp lực dương - Thể tích buồng khí khoảng 0.4ml - Tốc độ dòng chảy: 10ml/giây - Chịu áp lực khoảng ≥ 300 psi - Thời gian lưu khoảng 5 - 7 ngày hoặc ≥ 200 lần sử dụng - Đóng gói tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE/ FDA	Hộp/100 cái	Cái	30.000
46	N03.06.020	6	Găng tay sạch có bột, các cỡ	- Găng tay sạch có bột dùng trong thăm khám, chăm sóc người bệnh, các cỡ - Chất liệu: latex cao su thiên nhiên, có bột nhẹ - Thiết kế găng tay có các ngón thẳng, phù hợp với hình dáng bàn tay của người sử dụng, viền gân ở cổ tay - Kích cỡ: XS, S, M, L (chiều dài tối thiểu 220 mm) - Độ dày vùng trơn nhẵn: tối thiểu 0.08 mm, tối đa 2.00 mm - Độ dày vùng nhám: tối thiểu 0.11 mm, tối đa: 2.03 mm - Đặc tính: Lực kéo đứt tối thiểu trước khi già hóa nhanh 7.0N, Độ giãn dài tối thiểu khi đứt trước khi già hóa nhanh 650%, Lực kéo tối thiểu khi đứt sau khi già hóa nhanh 6.0N, Độ giãn dài tối thiểu khi đứt sau khi già hóa nhanh 500%, hàm lượng protein $\leq 200\text{mcg/dm}^2$, hàm lượng bột $\leq 10\text{mg/dm}^2$ - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE/FDA	Hộp/ 50 đôi	Đôi	1.000.000
47	N03.06.020	6	Găng tay sạch không bột, các cỡ	- Găng tay sạch không bột, dùng trong thăm khám, chăm sóc người bệnh, các cỡ - Chất liệu: latex cao su thiên nhiên - Thiết kế găng tay có các ngón thẳng, phù hợp với hình dáng bàn tay của người sử dụng, viền gân ở cổ tay - Kích cỡ: XS, S, M, L (chiều dài tối thiểu 220 mm) - Độ dày vùng trơn nhẵn: tối thiểu 0.08 mm, tối đa 2.00 mm - Độ dày vùng nhám: tối thiểu 0.11 mm, tối đa: 2.03 mm - Đặc tính: Lực kéo đứt tối thiểu trước khi già hóa nhanh 7.0N, Độ giãn dài tối thiểu khi đứt trước khi già hóa nhanh 650%, Lực kéo tối thiểu khi đứt sau khi già hóa nhanh 6.0N, Độ giãn dài tối thiểu khi đứt sau khi già hóa nhanh 500%, hàm lượng protein $\leq 50\text{mcg/dm}^2$, hàm lượng bột $\leq 2\text{mg/dm}^2$ - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE/FDA	Hộp/ 50 đôi	Đôi	3.000.000
48	N03.07.060	3	Túi chứa dịch dùng trong lọc máu, cỡ 7000ml	- Túi chứa dịch dùng trong lọc máu - Chất liệu: Polyethersulfone - Thể tích: 7000 ml - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE - Hỗ trợ đặt máy lọc máu	Thùng/ 50 cái	Cái	200
49	N03.07.060	6	Can chứa dịch tiết 800ml	- Can chứa dịch tiết, - Chất liệu GPPS, trong suốt cho phép nhìn được màu dịch bên trong, có thước kẻ chia thể tích, trong bình có miếng bọt ngăn dịch đổ ra ngoài, - Đường kính 13,1cm, chiều cao 17,1cm, thể tích 800ml, - Tiêu chuẩn ISO/CE/FDA, - Tương thích vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm, bộ lọc vi khuẩn cùng loại, - Hỗ trợ đặt máy tại bệnh viện	gói/cái	Cái	24
50	N04.01.010	3	Cannula mạch máu dùng trong tưới trực tiếp mô tạng	- Cannula mạch máu dùng trong tưới trực tiếp mô tạng - Chất liệu là PVC - Đầu ống 3mm, dài 2inch (5.1 cm) - Thân có chắn phóng xạ, đầu nối vặn xoắn - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE/FDA	Hộp/ 20 cái	Cái	20
51	N04.01.010	3	Cannula truyền dung dịch liệt tim xuôi dòng qua gốc động mạch chủ, loại thẳng	- Cannula truyền dung dịch liệt tim xuôi dòng qua gốc động mạch chủ - Cannula bằng PVC, có đầu chắn bức xạ, kiểm soát áp lực động mạch chủ, kim chọc bằng thép không gỉ - Kích thước: Chiều dài Ca-nuyn: 2.5 in (6.4 cm), cỡ 18Ga (4Fr) thẳng - Tiêu chuẩn ISO/CE/FDA - Hoặc tương đương DLP Aortic root Ca-nuyn	Hộp/ 20 cái	Cái	50
52	N04.01.010	3	Cannula truyền dung dịch liệt tim xuôi dòng qua gốc động mạch chủ, loại chữ Y	- Cannula truyền dung dịch liệt tim xuôi dòng qua gốc động mạch chủ - Cannula bằng PVC, có đầu chắn bức xạ, kiểm soát áp lực động mạch chủ, kim chọc bằng thép không gỉ - Kích thước: Chiều dài Ca-nuyn: 5.5 in (14cm) cỡ 12-14-16Ga (5-7-9Fr) chữ Y, nhánh đo áp lực có khóa - Tiêu chuẩn ISO/CE/FDA - Hoặc tương đương DLP Aortic root Ca-nuyn	Hộp/ 20 cái	Cái	70

STT	Mã thông tư 04	Phân nhóm TT 14	Tên danh mục	Yêu cầu đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
53	N04.01.020	4	Ống ca-nuyn mở khí quản 1 nòng, có bóng, các cỡ	- Ống Ca-nuyn mở khí quản 1 nòng, có bóng - Chất liệu: nhựa PVC trong suốt y tế, dẻo cứng ban đầu và mềm ở nhiệt độ cơ thể, không gây kích ứng cho người bệnh - Kích thước: gồm 7 cỡ tương ứng đường kính trong từ 6.0 đến 10.0mm, đường kính ngoài từ 9.2 đến 14.0mm, chiều dài từ 64.5 đến 87.5mm, có đường cân quang trên thân ống, độ cong chuẩn 105 độ - Bóng tròn loại soft-seal mềm mại - Đóng gói tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE/ FDA - Hoặc tương đương loại Blue line ultra	Gói/1 cái	Cái	10
54	N04.01.050	6	Bộ nong lấy sỏi qua da	- Bộ nong lấy sỏi qua da dùng để tạo đường hầm trong phẫu thuật lấy sỏi qua da, giảm áp lực bề thận - Bộ gồm: 01 cái Giá đỡ vừa tán vừa hút, kích cỡ: 18Fr x 13cm - Các que nong, kích thước từ: 8Fr - 18Fr 01 cái Kim chọc dò, kích thước: 18G x 23cm 01 cái Guide wire PTFE, kích thước: 0.032" x 80cm, đầu J - Ống thông 02 nhánh silicon Fr14x5ml	Bộ / Hộp	Bộ	48
55	N04.01.080	6	Ống thở ô-xy 2 nhánh dòng lưu lượng cao	- Ống thở ô-xy 2 nhánh dòng lưu lượng cao, - Chất liệu: gọng mũi bằng nhựa, dây đeo bằng vải, các size S, M, L - Khối lượng khoảng 38g, lưu lượng dòng khí 35lpm - 45lpm - 60 lpm, - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/CE/FDA - Hỗ trợ đặt máy tại bệnh viện	hộp/ 25 cái	cái	20
56	N04.01.080	3	Ống thở ô-xy 2 nhánh, người lớn	- Ống thở ô-xy 2 nhánh, người lớn - Chất liệu bằng nhựa PVC mềm, màu trắng trong hoặc màu xanh lá trong, không chứa latex, không chứa DEHP - Chiều dài khoảng 1.8 - 2.1m, đường kính 2 nhánh mũi khoảng 4.5 - 5.0mm - Đặc tính: có đệm đỡ nhỏ trước mũi giúp giữ đúng vị trí tránh xô dịch, thiết kế 2 gọng mũi cong, mềm mại, lưu lượng từ 0.5 - 4 lít/phút, đầu nối thiết kế khóa xoắn, tương thích với hệ thống oxy nguồn tại Bệnh viện - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE	Thùng/ 50 cái	Cái	82.000
57	N04.01.090	4	Ống thông cảm máu bằng cao su 18fr, dài 85cm	- Ống thông cảm máu - Chất liệu: bằng cao su - Kích thước: cỡ 18Fr dài 85cm - Thiết kế: * Catheter 3 đường: 2 nhánh bên có nắp đậy, 1 nhánh giữa có dây dẫn, * 2 bóng: 1 bóng thực quản, 1 bóng dạ dày * Có dấu cân quang đầu và cuối mỗi bóng, có vạch chia khoảng cách rõ ràng - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn: ISO/ CE	Gói/1 cái	Cái	50
58	N04.01.090	4	Ống thông tiểu 1 nhánh	- Ống thông tiểu 1 nhánh - Chất liệu: cao su tự nhiên, phủ silicone, màu vàng - Kích cỡ: 6Fr đến 24Fr, chiều dài khoảng 40cm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE	Hộp 10 cái	Cái	5.800
59	N04.01.090	3	Ống thông đặt nong niệu quản, tán sỏi qua da bằng polyurethan, cỡ 6-> 8Fr, dài 80cm	- Ống thông đặt nong niệu quản, tán sỏi qua da - Chất liệu bằng Polyurethan - Kích cỡ: 6,7,8Fr, dài 80cm - Thiết kế: trơn láng, 5 mắt, đầu mở, thẳng, có vạch chia chiều dài, - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE/FDA	Gói/1 cái	Cái	80
60	N04.01.090	3	Ống thông niệu đạo 3 đường bằng silicone, cỡ 18- >22 fr	- Ống thông niệu đạo 3 đường dùng trong cắt đốt nội soi tiền liệt tuyến - Chất liệu: 100% Silicone - Kích cỡ: 18-> 22 Fr - Thiết kế: đầu cong Dufour, có bóng dung tích từ 30 - 70ml, bơm rửa, dẫn lưu tốt - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn CE/ISO/FDA	Gói/1 cái	Cái	80
61	N04.02.030	5	Ống dẫn lưu ổ bụng cỡ 28	- Ống dẫn lưu ổ bụng cỡ 28 - Bằng cao su tự nhiên dẻo, có 6 lỗ nằm dọc theo chiều dài của ống để tránh nghẹt và tăng khả năng dẫn lưu, không gây kích thích hay phản ứng mô của cơ thể, bề mặt trơn láng để giảm thiểu nguy cơ nhiễm trùng, - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn CE/ISO	Gói/ 1 cái	Cái	2.820

STT	Mã thông tư 04	Phân nhóm TT 14	Tên danh mục	Yêu cầu đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
62	N04.02.070	3	Ống hút dịch dùng trong sinh thiết nội mạc tử cung	Ống hút dịch dùng trong sinh thiết nội mạc tử cung - Chất liệu: Vỏ bằng nhựa polypropylen trong suốt - Chiều dài: khoảng 26,5cm; đường kính trong khoảng 2,6mm; đường kính ngoài khoảng 3,1mm, - Đặc điểm: có vạch chia mỗi 1cm, đầu tù, có lỗ mở khoảng 2mm có các cạnh sắc bên cách đầu xa khoảng 4cm. Pit tổng bằng nhựa acetal mềm, di chuyển tạo chân không cho lòng ống không cần nối với nguồn hút áp lực - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE	Gói/1 cái	Cái	100
63	N04.02.070	4	Dây rửa hút dịch, tương thích máy Phaco Whitestar Signature	Dây rửa hút dịch dùng trong phẫu thuật mắt - Chất liệu: bằng silicone - Thiết kế: bơm kép, phối hợp bơm nhu động và bơm Venturi, dùng 1 lần. - Tương thích máy Phaco Whitestar Signature - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: CE	Hộp/ 1 bộ	Bộ	20
64	N04.03.020	3	Bộ dây lọc máu hoàn hồi	Bộ dây lọc máu hoàn hồi dùng chính máu bị mất của người bệnh để truyền trở lại cho người bệnh trong trường hợp chảy máu nhiều trong mổ và sau mổ cho trẻ em - Chất liệu bằng nhựa trong suốt không có DOP và Atossic PVC, - Gồm Bình chứa máu 4 lít, bộ hút máu vào bình qua 1 màng lọc. • Cốc lọc có vòng quay 360 độ quay ly tâm • Wash volume : 200 ml • Empty Flow : 150 ml/phút • Concentrate Flow : 200 ml/phút • Túi chứa dịch thải 5 lít, Các loại dây dẫn chống xoắn cho bơm hút XVAC, - Tiết khuẩn, - Tiêu chuẩn ISO/CE - Tương thích với Máy tách tế bào và truyền máu tự động XTRA Cell Save,	Hộp/ 1 Bộ	Bộ	5
65	N04.03.030	6	Bộ dây thở kèm bình làm ấm dòng lưu lượng cao	Bộ dây thở kèm bình làm ấm dòng lưu lượng cao, - Bộ ống thở bằng nhựa, dây gia nhiệt bằng kim loại, - Ống sóng 22mm - 150cm, - Bộ dây thở kèm bình làm ấm - Tiết khuẩn, - Tiêu chuẩn ISO/CE/FDA - Hỗ trợ đặt máy tại bệnh viện	gói/ cái	cái	20
66	N04.03.040	3	Bộ phận gắn đầu biến áp lực	Bộ phận gắn đầu biến áp lực để chuyển tín hiệu áp lực chính xác đến bộ phận cảm biến niệu dòng - Đầu nối: Male - Tiêu chuẩn CE/ISO/FDA - Hỗ trợ đặt máy	Hộp/ 25 cái	Cái	360
67	N04.03.100	4	Đầu nối an toàn không kim, chịu áp lực cao	Đầu nối an toàn không kim - Đầu nối bằng Polyurethane, van bằng silicone y tế, không chứa DEHP - Chiều dài khoảng 3cm - Thể tích chứa khí khoảng 0.1ml, tốc độ dòng chảy khoảng 10ml/giây - Chịu được áp lực khoảng ≥ 300 psi - Đầu nối luer lock, tương thích với các loại catheter, dây nối, đảm bảo không rò rỉ - Van dạng lò xo, mặt van phẳng, dễ sát trùng, đóng kín trước và sau khi tiêm truyền - Số lần sử dụng ≥ 200 lần tiêm truyền - Thời gian lưu khoảng 5 - 7 ngày - Đóng gói tiết khuẩn từng cái - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE/FDA	Hộp/ 100 cái	Cái	48.000
68	N04.03.100	3	Ống nối catheter tới người bệnh	Ống nối catheter tới người bệnh - Chất liệu: Polyvinylchlorua (PVC) - Chiều dài 150cm, - Hỗ trợ đặt máy - Tiêu chuẩn CE/ISO	Hộp/ 25 cái	Cái	360
69	N04.03.100	3	Ống nối từ bộ phận bơm tới catheter	Ống nối từ bộ phận bơm tới catheter - Chất liệu: Polyvinylchlorua (PVC)/ Silicone - Chiều dài 400 cm, - Hỗ trợ đặt máy - Tiêu chuẩn CE/ISO	Hộp/ 25 cái	Cái	180
70	N04.04.010	6	Ống thông (catheter) tĩnh mạch rốn bằng Polyvinylchlorua, cỡ 3.5 -> 5 Fr, dài 38cm	Ống thông (catheter) tĩnh mạch rốn sơ sinh, trong suốt - Bằng nhựa Polyvinylchlorua (PVC), có vạch cân quang và vạch chia mỗi cm, - Cỡ 3.5 đến 5 Fr, dài khoảng 38cm - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/FDA/CE	Gói/1 cái	Cái	40

STT	Mã thông tư 04	Phân nhóm TT 14	Tên danh mục	Yêu cầu đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
71	N04.04.010	3	Catheter lấy huyết khối các cỡ 2F-7F	Catheter lấy huyết khối trong lòng mạch - Chất liệu bóng: Cao su, catheter bằng PEBAX - Có vạch đánh dấu độ sâu - Đường kính các cỡ 2F, 3F, 4F, 5F, 6F, 7F. Dài 80cm. - Đường kính bóng lần lượt 4,5mm, 8mm, 10,5mm, 13mm, 13,5mm, 14mm. - Thể tích bóng 0,05ml, 0,2ml, 0,75ml, 1,5ml, 1,6ml, 1,75ml - Tiêu chuẩn ISO/ CE	Gói/1 cái	Cái	25
72	N04.04.010	3	Catheter lấy huyết khối đầu kim loại các cỡ 3F - 7F	Catheter lấy huyết khối trong lòng mạch, đầu kim loại - Chất liệu bóng: Cao su, catheter bằng PEBAX - Có vạch đánh dấu độ sâu - Hai dải chắn bức xạ ở hai đầu gần và xa của quả bóng tăng cường khả năng hiển thị dưới huỳnh quang - Tương thích với dây dẫn tiêu chuẩn 0,18", 0,25", 0,35", 0,38" - Đường kính 3F, 4F, 5.5F, 6F, 7F; dài 80cm; đường kính bóng 6mm, 10mm, 12mm, 13mm, 14mm; thể tích bóng 0,2ml, 0,75ml, 1,5ml, 1,6ml, 1,75ml - Tiêu chuẩn ISO/CE	Gói/1 cái	Cái	25
73	N04.04.010	3	Ổng thông nong đường mật	Ổng thông nong đường mật - Đường kính 4 -> 11.4Fr - Chiều dài catheter 195cm - Đường kính đầu catheter 3cm - Kênh làm việc 2.8; 3.2; 3.7; 4.2mm - Dây dẫn 0.035" - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/ CE/FDA	Hộp/ 1 cái	Cái	3
74	N04.04.010	3	Catheter đo áp lực 2 đường bằng polyvinylclorua, cỡ 7Fr, dài 47cm	Catheter đo áp lực 2 đường, đầu thẳng - Chất liệu: PVC (Polyvinylclorua) - Kích thước: 7Fr, dài: 47cm - Tiêu chuẩn CE/ISO - Hỗ trợ đặt máy	Hộp/ 10 cái	Cái	120
75	N04.04.010	3	Catheter đo áp lực ổ bụng bằng polyvinylclorua, cỡ 9Fr, dài 47cm	Catheter đo áp lực ổ bụng, đầu bóng - Chất liệu: Polyvinylclorua (PVC) / Polyisoprene - Kích thước: 9Fr, dài 47cm - Tiêu chuẩn CE/ISO - Hỗ trợ đặt máy	Hộp/ 10 cái	Cái	1.500
76	N04.04.010	3	Catheter thâm phân phúc mạc dùng để lọc các chất chuyển hóa, nước điện giải ra khỏi cơ thể, giúp cân bằng nội môi cho người lớn	Catheter thâm phân phúc mạc dùng để lọc các chất chuyển hóa, nước điện giải ra khỏi cơ thể, giúp cân bằng nội môi cho người lớn, - Bằng silicone, trong suốt, 2 nút chặn dài 1cm, khoảng cách giữa 2 nút là 6cm, đường kính trong 2.6mm (8Fr), đường kính ngoài 4.9mm (15Fr), chiều dài ống thông 62cm, đoạn hút dịch dài 20cm, - Đầu ống có 22 lỗ nhỏ giúp dịch thẩm phân lưu thông nhẹ nhàng giảm khó chịu cho bệnh nhân, 2 nút chặn, 1 nút đặt dưới da, 1 nút đặt ở màng bụng để hạn chế nhiễm trùng, có dấu cân quang để kiểm tra vị trí đặt, - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn CE/ISO/FDA	Hộp/ 5 cái	Cái	10
77	N04.04.010	3	Catheter thâm phân phúc mạc dùng để lọc các chất chuyển hóa, nước điện giải ra khỏi cơ thể, giúp cân bằng nội môi cho trẻ em,	Catheter thâm phân phúc mạc dùng để lọc các chất chuyển hóa, nước điện giải ra khỏi cơ thể, giúp cân bằng nội môi cho trẻ em, - Bằng Silicone, trong suốt, 2 nút chặn dài 0.75cm, khoảng cách giữa 2 nút 3cm, đường kính trong 2.6mm (8Fr), đường kính ngoài 4.9mm (15Fr), chiều dài ống thông 31cm, đoạn hút dịch dài 20cm, - Đầu ống sẽ đặt dưới rãnh khung chậu cổ định ống tốt hơn. Đầu ống có 10 lỗ nhỏ giúp dịch thẩm phân lưu thông nhẹ nhàng giảm khó chịu cho bệnh nhân, có dấu cân quang để kiểm tra vị trí đặt, - Tiệt khuẩn, - Tiêu chuẩn chất lượng CE/ISO/FDA	Hộp/ 5 cái	Cái	20
78	N04.04.010	4	Catheter động mạch, tĩnh mạch dưới đòn trẻ sơ sinh	Catheter động mạch, tĩnh mạch dưới đòn trẻ sơ sinh. dùng để đo huyết áp động mạch, truyền dịch, truyền thuốc, - Bằng polyurethane, - Gồm 1 catheter Đường kính 2Fr, chiều dài 4cm; 1 kim dẫn đường cỡ 22G, chiều dài 42mm; 1 guidewire 23cm, đường kính 0.46mm, - Tốc độ truyền dịch 17 ml/phút. - Tiệt khuẩn, - Tiêu chuẩn ISO /CE/FDA	Cái/ hộp	Cái	40

STT	Mã thông tư 04	Phân nhóm TT 14	Tên danh mục	Yêu cầu đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
79	N04.04.010	6	Catheter lọc thận nhân tạo cho trẻ em	Catheter lọc thận nhân tạo cho trẻ em, dùng đặt catheter lọc máu có suy thận, - Bằng Polyurethan tương thích sinh học, mềm mại khi đặt trong cơ thể., - Catheter 6.5Fr dài 10cm, dây dẫn đường 0.021" x 50cm, - Tốc độ dòng: A= 104ml/phút; V= 96ml/phút, - Bộ phận đi kèm: Dao mổ số 11, cây nông, kim dẫn Y, bơm tiêm 5ml, khóa heparin, băng dán cố định. - Tiết khuẩn, - Tiêu chuẩn CE, ISO - Tương thích với máy lọc máu Prismaflex	1 bộ/ gói	bộ	12
80	N04.04.010	3	Ống thông chữ T giữ đường mở khí quản, Silicon mềm, các cỡ	Ống thông chữ T nhằm duy trì một đường khí quản tái hẹp và phải mở khí quản trong thời gian trên 6 tháng - Chất liệu: Silicon, có cân quang - Cấu tạo gồm: 01 ống chữ T kiểu vuông góc, 02 bộ vòng giữ và đóng đầu ống gồm 7 cỡ - Ống chữ T gồm 3 nhánh: - Nhánh thanh quản: Dài từ 29 đến 33mm, đường kính từ 10 đến 16mm - Nhánh ra da: Dài từ 38 đến 65mm, đường kính từ 8 đến 11mm - Nhánh xuống phổi: Dài từ 72mm đến 75mm, đường kính từ 10mm đến 16mm - Bao gồm: Vòng giữ ống, Nút ống dài 15mm - Tiêu chuẩn Chất lượng: ISO/CE	Gói/1 cái	Cái	2
81	N04.04.020	3	Ống thông đường dẫn hỗ trợ xuyên vách liên nhĩ, dài 63cm	Ống thông đường dẫn hỗ trợ xuyên vách liên nhĩ - Lỗ bên có đường kính < 0,025" - Vò bện tăng cung cấp mô-men xoắn, kiểm soát lực đẩy mạnh và chống xoắn - Van cầm máu, bít kín dây dẫn 0.014" và chống hút không khí vào trong - Đánh dấu chấn bức xạ ở đầu kim và thân cho khả năng hiển thị dưới tia X. - Cỡ 8Fr, 8.5Fr dài 63cm - Tiêu chuẩn ISO/CE/FDA - Hoặc tương đương loại Swartz	Hộp/ 1 cái	Cái	3
82	N04.04.020	3	Ống thông dẫn đường can thiệp tim bẩm sinh và mạch máu ngoại biên, dài 30-> 110cm	Ống thông dẫn đường can thiệp tim bẩm sinh và mạch máu ngoại biên, mạch tạng và các mạch máu khác - Chất liệu: Lõi thép không gỉ cuộn, lớp vỏ ngoài bằng chất liệu PTFE, phủ AQ Hydrophilic - Kích thước: + Đường kính: 4Fr đến 16Fr + Chiều dài 30 đến 110cm - Tiêu chuẩn ISO/CE/FDA - Hoặc tương đương loại Ống thông mở đường dài - Long sheath	Hộp/ 1 cái	Cái	50
83	N04.04.020	3	Ống thông dẫn đường hỗ trợ đưa các dụng cụ can thiệp mạch vành đến các tổn thương khó tiếp cận	Ống thông dẫn đường hỗ trợ đưa các dụng cụ can thiệp mạch vành đến các tổn thương khó tiếp cận, - Bằng dây thép, - Độ dài ống thông 145cm, đường kính trong 1.33mm, độ dài trực đoạn xa 25cm, đánh dấu tại vị trí 900mm và 1000mm so với đầu tip, bao lớp thân ái nước, - Tương thích với ống thông can thiệp 6F trở lên, - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/CE/FDA	Hộp/ 1 cái	Cái	20
84	N04.04.030	3	Vi ống thông can thiệp mạch máu não, bằng Polymer, đường kính trong 0.027 inch, dài 155cm	Vi ống thông can thiệp mạch máu não - Chất liệu: Polymer. - Kích thước: + Đường kính trong: 0.027 inch + Chiều dài: 155 cm - Cấu tạo: Lớp lót PTFE bên trong - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/CE/FDA hoặc tương đương loại Neuroslider	Hộp/1 cái	Cái	20
85	N04.04.030	4	Vi ống thông can thiệp mạch máu tạng và ngoại biên, sợi bện Tungsten phủ hydrophilic, đầu tip 1.9F	Vi ống thông can thiệp mạch máu tạng và ngoại biên. - Chất liệu: sợi bện Tungsten tăng khả năng hiển thị và duy trì hình dạng lòng trong ống, phủ Hydrophilic đoạn 65 - 100 cm. - Đầu tip dạng thẳng, cong 45 độ, cong 80 độ - Đầu tip 1.9F. Áp lực bơm lên tới 1000 psi. - Đường kính 0.022 inch, 0.027 inch, chiều dài khả dụng 105, 125, 150cm. - Tiêu chuẩn ISO/CE/FDA - Tiết khuẩn Hoặc tương đương loại PARKWAY SOFT	Hộp/1 cái	Cái	350

STT	Mã thông tư 04	Phân nhóm TT 14	Tên danh mục	Yêu cầu đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
86	N04.04.030	4	Vi ống thông can thiệp mạch máu tạng và ngoại biên, sợi bên Tungsten phủ hydrophilic, đầu tip 2.6F	Vi ống thông can thiệp mạch máu tạng và ngoại biên - Chất liệu: sợi bên Tungsten tăng khả năng hiển thị và duy trì hình dạng lòng trong ống, phủ Hydrophilic đoạn 65 - 100 cm. - Đường kính trong ống: 0.69mm, đường kính ngoài đoạn xa/ đoạn gần: 2.6Fr/2.8Fr (0.88/0.93mm). - Áp lực bơm 1000psi - Có kèm torque rời. Dây dẫn đi kèm 0.021" với hình dạng đầu tip: angle hoặc multi curve - Tiêu chuẩn ISO/CE/FDA - Tiệt khuẩn Hoặc tương đương loại Masters Parkway HF kit	Hộp/1 cái	Cái	400
87	N04.04.030	3	Vi ống thông can thiệp mạch máu ngoại biên và động mạch vành	Vi ống thông can thiệp mạch máu ngoại biên và động mạch vành. - Bảng Polytetrafluoroethylene (PTFE), phủ Pebax - Kích thước đầu gần (F)/ đầu xa (F) : 2.1F/2.8F, 2.4F/2.8F, 2.8F/2.8F, 2.9F/2.9F. Chiều dài 110cm, 130cm, 150cm - Có 3 loại đầu: Cỏ thẳng, Cong cỏ thiên nga và cong 45 độ - Đầu gần nhỏ hơn đầu xa phủ lớp Hydrophilic 80cm, - Tiệt khuẩn, - Tiêu chuẩn chất lượng ISO/CE/FDA	Hộp/1 cái	Cái	200
88	N04.04.030	3	Vi ống thông can thiệp dùng trong TOCE gan, mạch máu tạng và ngoại biên	Vi ống thông can thiệp dùng trong TOCE gan, mạch máu tạng và ngoại biên - Chất liệu bằng nhựa Urethane, nhựa polyamide (lớp ngoài trực) và nhựa Fluoro (lớp bên trong trực), - Chiều dài khả dụng 110cm, 130cm, và 150cm. Với hình dạng đầu tip thẳng - Đường kính ngoài tại vị trí của marker, đầu xa, đầu gần có kích thước lần lượt tương đương: 2.7Fr, 2.8Fr - Đường kính trong là 0.70mm (0.027inch). - Tương thích với dây dẫn có đường kính tối đa 0.54mm (0.021inch) - Áp lực truyền tối đa là 6,895kPa (1,000psi) - Tiệt khuẩn, - Tiêu chuẩn ISO/CE/FDA,,	Hộp/1 cái	Cái	50
89	N05.02.020	4	Chỉ đặc biệt siêu bền	Chỉ đặc biệt siêu bền dùng trong nội soi khớp vai và gối, - Bảng polyethylene trọng lượng siêu cao phân tử, - Đường kính chỉ 26- 48 mm, 1/2C, dài 92cm, kim hình tròn, chỉ liền kim, chống mài mòn gấp 10 lần chỉ polyester, độ bền gấp 3 lần chỉ polyester cùng cỡ, - Khả năng chịu lực kéo thẳng tối đa của chỉ cỡ số 2 là: 46 ± 3 lbs, chỉ cỡ số 5 là: 100 ± 1 lbs - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/CE	gói/ cái	Cái	10
90	N05.02.030	3	Chỉ khâu không tiêu bằng tổng hợp Polypropylene và Polyethylene, số 3/0, 90cm, 2 kim tròn, 1/2C, 26mm	Chỉ khâu không tiêu tổng hợp, đơn sợi khâu da, mô mềm, thần kinh, nhãn khoa, vi phẫu mạch máu, phẫu thuật động mạch. - Chỉ bằng Polypropylene + Polyethylene, 3/0, dài 90cm, độ bền kéo chỉ 5N, - 2 Kim tròn, chất liệu thép 300(304), 26mm, 1/2C, phủ silicone. - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/CE/FDA	Hộp/36 tép	Tép	432
91	N05.02.030	3	Chỉ khâu không tiêu tổng hợp, kim tròn bằng thép dài 3mm, số 11/0	Chỉ khâu không tiêu tổng hợp, đơn sợi, thời gian chịu lực 15 - 20%/1 năm, độ bền kéo chỉ 9N, giảm kéo rách, tổn thương mô khi xuyên qua, sợi chỉ linh hoạt mềm dẻo, giảm sự bó chặt. - Chất liệu: polyamide 6 - Kích cỡ: 11/0 - Độ dài chỉ 10cm - Kim tròn bằng thép 300 (304), dài 3mm, 3/8C, phủ silicon, đầu kim micro (vi phẫu) - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE/FDA	Hộp/12 tép	Tép	12
92	N05.02.030	3	Chỉ khâu không tiêu đa sợi bằng Polyester, 2/0 75cm 2 kim tròn, 1/2C 17mm, miếng đệm 6x3mm	Chỉ khâu không tiêu tổng hợp, đa sợi dùng trong thay van động mạch chủ, van hai lá/ ba lá - Chỉ bằng Polyester, 2/0, dài 75cm phủ silicone. - 2 Kim tròn, chất liệu thép 300(304), 17mm, 1/2 C, - Miếng đệm bằng PTFE 6x3mm - Tiệt khuẩn, đóng gói tép/8 sợi: 4 sợi xanh, 4 sợi trắng - Tiêu chuẩn ISO/CE/FDA	Hộp/06tép	Tép	114
93	N05.02.030	3	Chỉ khâu không tiêu đa sợi bằng Polyester, 2/0 75cm 2 kim tròn, 1/2C 22mm, miếng đệm 6x3mm	Chỉ khâu không tiêu tổng hợp, đa sợi dùng trong thay van động mạch chủ, van hai lá/ ba lá - Chỉ bằng Polyester, 2/0, dài 75cm phủ silicone. - 2 Kim tròn, chất liệu thép 300(304), 22mm, 1/2 C, - Miếng đệm bằng PTFE 6x3mm - Tiệt khuẩn, đóng gói tép/8 sợi: 4 sợi xanh, 4 sợi trắng - Tiêu chuẩn ISO/CE/FDA	Hộp/06tép	Tép	200

STT	Mã thông tư 04	Phân nhóm TT 14	Tên danh mục	Yêu cầu đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
94	N05.02.030	3	Chỉ khâu không tiêu đa sợi bằng Polyester, 2/0 75cm 2 kim tròn, 1/2C 22mm, miếng đệm mềm 6x3mm	Chỉ khâu không tiêu tổng hợp, đa sợi dùng trong thay van động mạch chủ, van hai lá/ ba lá - Chỉ bằng Polyester, 2/0, dài 75cm phủ silicone. - 2 Kim tròn, chất liệu thép 300(304), 22mm, 1/2 C, - Miếng đệm mềm bằng PTFE 6x3mm - Tiệt khuẩn, đóng gói tếp/8 sợi: 4 sợi xanh, 4 sợi trắng - Tiêu chuẩn ISO/CE/FDA	Hộp/06tếp	Tếp	150
95	N05.02.030	3	Chỉ khâu không tiêu đơn sợi bằng polypropylene, số 4/0, dài 90cm, 2 kim tròn dầu tròn 17mm, 1/2C	Chỉ khâu không tiêu mạch máu, đơn sợi, - Chỉ bằng Polypropylene, 4/0 dài 90cm, giữ lực vết thương vĩnh viễn, bề mặt trơn láng - 2 Kim tròn đầu tròn, màu đen, bằng hợp kim Ethalloy, dài 17mm, 1/2C, vùng kẹp kim phẳng - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/CE/FDA	Hộp/12 tếp	Tếp	144
96	N05.02.050	6	Chỉ khâu tiêu chậm bằng Polycaprolacton đơn xoắn quanh kim, dài 50mm, kim 29G dài 40mm	Chỉ khâu tiêu chậm dùng trong phẫu thuật thẩm mỹ, dùng 1 lần - Chỉ bằng Polycaprolacton (PCL), vitamin C bên trong lõi, dài 50mm - Kim bằng thép không gỉ, cỡ 29G, dài 40mm - Đặc điểm: Sợi chỉ tự tiêu đơn xoắn quanh kim, tạo hình dạng như ốc xoáy, giúp sợi chỉ tăng tác dụng làm đầy, kích thích tăng sinh collagen tốt hơn chỉ đơn. - Thời gian tiêu 24 tháng - Đóng gói tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn CE/ISO	Gói/25 sợi	Sợi	2.000
97	N05.02.050	6	Chỉ khâu tiêu chậm bằng Polycaprolacton, đơn xoắn quanh kim, dài 90mm, kim 27G dài 60mm	Chỉ khâu tiêu chậm dùng trong phẫu thuật thẩm mỹ, dùng 1 lần - Chất liệu chỉ: Polycaprolacton (PCL), vitamin C bên trong lõi, chiều dài chỉ 90mm - Kim bằng thép không gỉ cỡ 27G, chiều dài kim 60mm - Đặc điểm: Sợi chỉ tự tiêu đơn xoắn quanh kim, tạo hình dạng như ốc xoáy, giúp sợi chỉ tăng tác dụng làm đầy, kích thích tăng sinh collagen tốt hơn chỉ đơn. - Thời gian tiêu 24 tháng - Đóng gói tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn CE/ISO	Gói/25 sợi	Sợi	1.000
98	N05.02.050	6	Chỉ khâu tiêu chậm bằng Polycaprolacton, sợi chỉ gai dọc thân, số 1/0 dài 200mm, kim 18G dài 100mm	Chỉ khâu tiêu chậm dùng kéo để nâng đỡ và kéo vùng da chảy xệ, xóa rãnh mũi, má và miệng bị đỏ do bị lão hóa do tuổi tác. - Chất liệu: Polycaprolacton (PCL), Vitamin C bên trong lõi, số 1/0, chiều dài 200mm - Kim bằng thép không gỉ, 18G, đầu tù, dài 100mm - Đặc điểm: Sợi chỉ có gai dọc theo thân chỉ, giúp bám vào vùng da cần điều trị và nâng vùng da lên, giảm chảy xệ. - Đóng gói tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn CE/ISO	Gói/20 sợi	Sợi	400
99	N05.02.050	4	Chỉ khâu tiêu chậm bằng polydioxanon, đơn sợi, 2/0 dài 30cm, 1 Kim tròn đầu tròn dài 36mm, 1/2C	Chỉ khâu tiêu chậm tổng hợp, đơn sợi khâu cơ, đường tiêu hoá, - Chỉ bằng polydioxanon 2/0 dài 30cm, chịu lực 50%/28 - 42 ngày, tan hoàn toàn 120 - 180 ngày, 1 đầu tự khoá, có 2 hàng neo ép đối xứng, - 1 Kim tròn đầu tròn bằng hợp kim Ethalloy dài 36mm, 1/2C, vùng kẹp kim phẳng, kim được cắt bằng laser, phủ Silicon giữ độ sắc của kim 58% qua nhiều lần đâm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn CE/ISO	Hộp/12 tếp	Tếp	36
100	N05.02.050	3	Chỉ khâu tiêu chậm bằng polydioxanon, đơn sợi, 2/0 dài 70cm, 1 Kim tròn đầu tròn dài 26mm, 1/2C	Chỉ khâu tiêu chậm, tổng hợp, đơn sợi khâu cơ, đường tiêu hoá, - Chỉ bằng polydioxanon 2/0 dài 70cm, giữ lực khâu tốt trong 60-90 ngày, tan hoàn toàn 180 - 210 ngày. - 1 Kim tròn đầu tròn dài 26mm, 1/2C, phủ Silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn CE/ISO	Hộp/ 36 tếp	Tếp	144
101	N05.02.070	3	Chỉ thép đơn sợi, số 7, dài 60cm, 1 Kim dài 120mm	Chỉ thép đơn sợi số 7, dài 60cm, 1 kim dài 120mm - Tiêu chuẩn CE/ISO/FDA	Hộp/12 tếp	Tếp	720
102	N05.02.070	4	Chỉ thép sử dụng trong phẫu thuật xương khớp	Chỉ thép sử dụng trong phẫu thuật xương khớp - Chất liệu: thép không gỉ, miếng đệm bằng titanium. - Kích thước: đường kính khoảng từ 1.2mm đến khoảng 1.5mm - Tiêu chuẩn chất lượng : ISO/ CE	Hộp/1 cái	Cái	15

STT	Mã thông tư 04	Phân nhóm TT 14	Tên danh mục	Yêu cầu đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
103	N05.02.080	3	Vật liệu thay thế chỉ khâu	Vật liệu thay thế chỉ khâu dùng khâu vết thương và gia cố lực kéo căng khâu miệng vết thương tương đương như chỉ khâu hoặc kim bấm da. - Bảng sợi polyester + Rayon phủ keo Acrylate, không kích ứng - Kích cỡ 12mm x 100mm x 6/ 3mm x 75mm x 5 - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn CE/ISO/FDA	Hộp/ 50 miếng	Miếng	964
104	N05.03.020	6	Lưỡi dao tương thích tổng đơ điện	Lưỡi dao cạo lông, tóc trước phẫu thuật - Chất liệu: lưỡi cắt bằng thép, đầu nối tổng đơ bằng nhựa - Chiều dài: khoảng 2,7cm - Đặc tính: đầu xoay điều chỉnh cho phép cắt bằng chuyển động kéo hoặc đẩy, dễ dàng thao tác trên các vị trí khác nhau trên cơ thể, tháo lắp dễ dàng - Đóng gói tiết khuẩn - Tương thích với tổng đơ điện đang có tại Bệnh viện - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE/FDA	hộp/ 50 cái	Cái	1.000
105	N05.03.040	3	Điện cực đơn cực hình vòng, dài 140mm, đường kính 20mm	Điện cực đơn cực hình vòng, mũi thẳng - Kích thước: chiều dài 140mm, đường kính của trục gắn vào tay dao là 2.4mm, đường kính đầu dao 20mm - Tương thích dùng cho máy cắt đốt điện Vio 300, tải điện tối đa cho phép 1500V - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE/FDA	Gói/1 cái	Cái	80
106	N05.03.040	3	Kẹp lưỡng cực, dùng trong phẫu thuật đốt cầm máu, dài 19 ->23 cm	Kẹp lưỡng cực, dùng trong phẫu thuật đốt cầm máu - Chất liệu: đầu tip làm từ hợp kim của bạc, không bị dính mô vào đầu tip khi đốt - Kích thước: * Đầu tip 0.4 -> 1.0 mm, * Chiều dài kẹp 19 -> 23 cm * Chiều dài làm việc 90mm - Thiết kế đầu tip có vi cấu trúc hỗ trợ kẹp gấp, khớp nối hỗ trợ bóc tách mô và định hướng kẹp - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE/FDA	Gói/1 cái	Cái	20
107	N05.03.040	3	Tay dao cắt, đốt hình kiềm	Tay dao cắt, đốt hình kiềm, sử dụng 1 lần - Đầu dao dài 35mm, dây dài 3m - Tay dao 3 nút bấm, có nút điều chỉnh độ dài đầu dao, có màng lọc khí, tự động nhận diện dụng cụ khi cắm vào máy, điện áp định tối đa 4.3 kVp - Tiết khuẩn - Tương thích máy Erbe APC2/APC3 hiện có tại bệnh viện - Tiêu chuẩn chất lượng ISO/CE/FDA	Hộp/1 cái	Cái	12
108	N05.03.040	3	Dây đốt lưỡng cực, chiều dài ≥ 4m	Dây đốt lưỡng cực, dùng được cho dụng cụ lưỡng cực chuẩn tròn - Chất liệu: Lõi dây bằng kim loại bền xoắn chặt, mạ bạc chống ăn mòn, được bọc 2 lớp: lớp trong plastic, lớp ngoài bọc silicone. - Chiều dài dây ≥ 4m - Tiêu chuẩn CE/ISO/FDA	Gói/1 cái	Cái	20
109	N05.03.050	3	Dây cưa các loại dùng trong phẫu thuật	Dây cưa các loại dùng trong phẫu thuật - Chất liệu thép không gỉ - Cấu tạo: lưỡi hình răng cưa, dây từ 0.3 -> 0.6mm, độ sâu của cạnh lưỡi cắt từ 12 -> 39mm - Tương thích tay cưa tịnh tiến, gấp góc dùng với máy khoan model IPC sử dụng tại viện - Tiêu chuẩn CE/ISO	Gói/1 cái	Cái	20
110	N05.03.060	3	Lưỡi cắt đốt bằng sóng Radio cao tần, đường kính 2.7mm	Lưỡi cắt đốt bằng sóng Radio cao tần sử dụng cho các loại phẫu thuật nội soi khớp nhỏ. - Chất liệu: Nhựa và thép không gỉ - Kích thước: Đường kính đầu 2.7mm, đường kính thân 3.40mm, chiều dài thân 13 cm. - Thiết kế: đầu cong 50 độ, nhiệt độ được hiển thị khi cắt trên màn hình hiển thị. Có tính năng cài đặt nhiệt độ làm việc của đầu đốt. Điều khiển bằng nút bấm trên tay cầm Lưỡi bảo có chức năng cảm biến thông minh trên đầu cầm giúp tự động nhận lưỡi và tự động điều chỉnh cường độ cắt đốt phù hợp - Tiêu chuẩn: ISO/CE/FDA - Hỗ trợ đặt máy tại Bệnh viện - Tương đương lưỡi cắt đốt kiểu Edge	Hộp/1 cái	Cái	5
111	N05.03.060	3	Lưỡi dao bảo da	Lưỡi dao bảo da bằng cấy ghép, tạo hình - Bảng thép không gỉ, sắc mảnh - Kích thước dài 158mm, rộng 18mm - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn: ISO/CE/FDA - Tương thích cán dao watson của bệnh viện.	Hộp/20 cái	Cái	110

STT	Mã thông tư 04	Phân nhóm TT 14	Tên danh mục	Yêu cầu đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
112	N05.03.060	4	Lưới bảo khớp cắt lọc mô mềm	Lưới bảo khớp cắt lọc mô mềm, - Bằng thép không gỉ, - Đường kính lưới bảo: 3.5/ 4.5/5.5 mm - Mỗi kích thước được đánh dấu một màu để phân biệt loại, - Tiệt khuẩn, - Tiêu chuẩn ISO/ CE	gói/ cái	Cái	5
113	N06.01.010	3	Mạch máu nhân tạo bằng Polytetrafluoroethylene, đường kính 6 -> 8 mm, dài 40 -> 60 cm	Mạch máu nhân tạo loại thẳng thay thế các mạch máu bị hư hại, các mạch máu bị tắc nghẽn hoặc bắc cầu nối động tĩnh mạch, - Chất liệu: Polytetrafluoroethylene dạng bột (ePTFE) - Kích thước: dài 50cm, đường kính 6/7/8mm, dày thành mạch 0,63mm - Đặc điểm: không có vòng xoắn - Sức chịu kéo chỉ khâu tối thiểu 300 grams. - Sức chịu nén trung bình tối thiểu: 218 +/- 31 psi - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE/FDA	Hộp/ 1 cái	Cái	5
114	N06.01.010	3	Mạch máu nhân tạo loại chữ Y bằng polyester, dài 40 cm	Mạch máu nhân tạo loại chữ Y điều trị bắc cầu động mạch chủ, ngoại biên. - Chất liệu bằng polyester, - Kích cỡ: đường kính 12 x 6 mm, 14 x 7 mm, 16 x 8 mm, 18 x 9 mm, 20 x 10 mm, 22 x 11 mm, 24 x 12 mm; chiều dài 40cm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng ISO/CE/FDA	Hộp/ 1 cái	Cái	25
115	N06.01.010	3	Mạch máu nhân tạo loại thẳng bằng polyester, có tráng bạc kháng khuẩn, đường kính 6, 7, 8 mm dài 60cm	Mạch máu nhân tạo loại thẳng điều trị bắc cầu động mạch ngoại biên. - Chất liệu: bằng polyester có tráng bạc kháng khuẩn - Đường kính 6, 7, 8 mm; dài 60cm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng ISO/CE/FDA	Hộp/ 1 cái	Cái	5
116	N06.01.010	3	Mạch máu nhân tạo loại thẳng bằng polyester, có tráng bạc kháng khuẩn, đường kính 8 -> 20mm dài 30cm	Mạch máu nhân tạo loại thẳng điều trị bắc cầu động mạch chủ. - Chất liệu: bằng polyester có tráng bạc kháng khuẩn - Đường kính 8-> 20mm; dài 30cm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE/FDA	Hộp/ 1 cái	Cái	2
117	N06.01.030	3	Van động mạch chủ sinh học thay qua da	Van động mạch chủ sinh học thay qua da, - Khung van: cobalt-chromium, lá van làm bằng mô của màng ngoài tim bò và lớp áo bên ngoài chất liệu polyetylen terephthalate (PET) - Đường kính van: 20, 23, 26, 29 mm. - Chiều cao van: 15.5, 18, 20, 22.5mm - Thể tích bóng nóng: 11, 17, 23, 33ml - Sheath: 14 - 16Fr, - Tiệt khuẩn - Bộ phận đi kèm: bộ nạp và hệ thống chuyển van - Tiêu chuẩn FDA	Hộp/1 cái	cái	3
118	N06.02.040	3	Stent can thiệp mạch máu ngoại biên phủ thuốc Paclitaxel 0.167µg/mm², tương thích dây dẫn 0.035 inch	Stent can thiệp mạch máu ngoại biên phủ thuốc - Chất liệu: Nitinol. - Đường kính: 6 mm -> 7 mm. Chiều dài: 40 mm -> 150 mm. Chiều dài trực thân: 75 cm, 130 cm. - Stent tự bung nhờ hình bằng sheath, thiết kế lai giữa open-cell và closed-cell giúp tăng khả năng chống đỡ và chống gãy của stent. - Phủ thuốc: Paclitaxel, mật độ phủ 0.167µg/mm² - Dây dẫn tương thích: 0.035 inch. - Tiêu chuẩn ISO/CE/FDA - Hoặc tương đương loại Eluvia stent	Hộp/1 cái	Cái	40
119	N06.02.060	3	Stent graft động mạch chủ ngực, cơ chế Bóp-rời-Thả.	Stent graft động mạch chủ ngực - Chất liệu: Khung giá đỡ (stent) làm từ Nitinol, phần graft làm bằng polyester. - Kích thước: Đường kính stent từ 24 -> 44 mm, chiều dài: 100, 130, 170, 230 mm. - Đường kính dụng cụ: 20Fr, chiều dài 95cm, được phủ lớp ái nước - Cấu tạo: Stent graft dạng thẳng hoặc thuận dài, cung cấp nhiều độ thuận (do chênh lệch giữa đường kính đầu gần và đầu xa): 0, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 10, 11, 12 mm, nhằm đáp ứng đa dạng nhiều hình thái giải phẫu khác nhau. Hệ thống bung stent theo cơ chế Bóp-rời-Thả (The Squeeze-to-release). - Tiêu chuẩn ISO/CE/FDA - Hoặc tương đương loại E-vita THORACIC 3G	Hộp/ 1 cái	Cái	5
120	N06.02.060	3	Stent graft động mạch chủ ngực, loại bổ sung, cơ chế Bóp-rời-Thả.	Stent graft động mạch chủ ngực loại bổ sung - Chất liệu: Khung giá đỡ (stent) làm từ Nitinol, phần graft làm bằng polyester. - Đường kính stent: 24 -> 44 mm, Chiều dài: 100, 130, 170, 230 mm - Đường kính dụng cụ: 20Fr - Cấu tạo: Có nhiều độ thuận (do chênh lệch giữa đường kính đầu gần và đầu xa): 0, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 10, 11, 12 mm. - Hệ thống bung Stent được điều khiển bằng cách Bóp-rời Thả (The Squeeze-to-release) - Tiêu chuẩn ISO/CE/FDA - Hoặc tương đương loại E-vita THORACIC 3G bổ sung	Hộp/ 1 cái	Cái	1

STT	Mã thông tư 04	Phân nhóm TT 14	Tên danh mục	Yêu cầu đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
121	N06.02.060	3	Stent graft động mạch chủ ngực, bằng Nitinol từ 22 mm - 46 mm	Stent graft cho động mạch chủ ngực: - Khung giá đỡ bằng hợp kim Nitinol. - Lớp phủ bằng polyester đa sợi mật độ cao. - Cấu tạo: Có 8 mắt stent ở đầu gần không có lớp phủ, dài 12 mm. Có marker hình số 8 ở đoạn đầu và giữa, một marker hình O ở đoạn cuối. Hệ thống bung stent điều khiển bằng cách xoay tròn. - Đường kính khung giá đỡ: 22 mm - 46 mm, chiều dài stent từ 107 - 212mm. - Đường kính dụng cụ: 22 - 25F hoặc tương đương loại Valiant Captivia - Tiêu chuẩn: CE	Hộp/1 cái	Cái	8
122	N06.02.070	3	Stent graft động mạch chủ bụng chậu có nhánh bảo tồn, Cơ chế Bóp-rời-Thả	Stent graft động mạch chủ bụng có nhánh bảo tồn động mạch chậu trong - Chất liệu: Khung giá đỡ (stent) làm từ Nitinol, phần graft làm bằng polyester. - Kích thước: Đầu gần: đường kính từ 14mm, chiều dài 53mm. Đầu xa: đường kính từ 10, 12, 14mm, chiều dài: 44, 56mm. - Cấu tạo: Thân stent được đặt ở động mạch chủ bụng có nhánh để đi vào động mạch chậu trong cùng bên đặt stent. Stent graft được bung theo cơ chế Bóp-rời-Thả cho phép kiểm soát tốt độ bung của Stent. Các marker bằng vàng hình ống trụ đặt dọc thân Stent graft, có marker hình chữ E giúp phân biệt hướng nhánh phụ và thân chính. Hệ thống đưa stent được phủ lớp ái nước, độ dài khả dụng 43cm, kích thước từ 18F. - Tiêu chuẩn ISO/CE/FDA - Hoặc tương đương loại E-liac	Hộp/ 1 cái	Cái	4
123	N06.02.070	3	Stent graft động mạch chủ bụng, cơ chế bóp-rời-Thả	Stent graft động mạch chủ bụng - Chất liệu: Khung giá đỡ (stent) làm từ Nitinol, phần graft làm bằng polyester. - Kích thước: Thân chính có đường kính từ 23 → 36mm, độ dài từ 100 → 160mm. Phần chân nối dài có đường kính đầu gần 15mm, độ dài từ 60 → 135mm. - Cấu tạo: Thân Stent có thiết kế bất đối xứng gồm 1 chân ngắn và 1 chân dài, vòng Stent bất đối xứng đảm bảo tăng độ linh hoạt lên đến 360 độ. Stent graft được bung theo cơ chế Bóp-rời-Thả cho phép kiểm soát tốt độ bung của Stent Hệ thống đưa stent: kích thước từ 18Fr → 20Fr - Tiêu chuẩn ISO/CE/FDA - Hoặc tương đương loại E-tegra	Hộp/ 1 cái	Cái	7
124	N06.02.070	3	Stent graft động mạch chủ bụng, loại bổ sung, Cơ chế Bóp-rời-Thả	Stent graft động mạch chủ bụng loại bổ sung - Chất liệu: Khung giá đỡ (stent) làm từ Nitinol, phần graft làm bằng polyester. - Kích thước: Đầu gần: đường kính 13 → 27 mm. Đầu xa: đường kính 10 → 27mm - Cấu tạo: Stent graft được bung theo cơ chế Bóp-rời-Thả cho phép kiểm soát tốt độ bung của Stent. Phù hợp với bộ Stent graft cho động mạch chủ bụng, có thân chính gồm 1 chân ngắn và 1 chân dài. Hệ thống đưa stent: kích thước từ 16F - Tiêu chuẩn ISO/CE/FDA - Hoặc tương đương loại E-tegra bổ sung.	Hộp/ 1 cái	Cái	2
125	N06.02.070	3	Stent graft động mạch chủ-chậu, có nhánh bảo tồn, Cơ chế Bóp-rời-Thả	Stent graft động mạch chủ-chậu chung có nhánh bảo tồn động mạch chậu trong - Chất liệu: Khung giá đỡ (stent) làm từ Nitinol, phần graft làm bằng polyester. - Kích thước: Đầu gần: đường kính từ 14, 16, 18mm, chiều dài 65mm. Đầu xa: đường kính từ 10, 12, 14mm, chiều dài: 44, 56mm. - Cấu tạo: Thân stent được đặt ở động mạch chậu chung, có nhánh để đi vào động mạch chậu trong cùng bên đặt stent. Stent graft được bung theo cơ chế Bóp-rời-Thả cho phép kiểm soát tốt độ bung của Stent. Các marker bằng vàng hình ống trụ đặt dọc thân Stent graft, có marker hình chữ "E" giúp phân biệt hướng nhánh phụ và thân chính. Hệ thống đưa stent được phủ lớp ái nước, độ dài khả dụng 43cm, kích thước từ 18F. - Tiêu chuẩn ISO/CE/FDA - Hoặc tương đương loại E-liac độc lập	Hộp/ 1 cái	Cái	1
126	N06.02.070	3	Stent có màng bọc dùng can thiệp hẹp eo mạch chủ và ngoại biên	Stent có màng bọc dùng can thiệp hẹp eo mạch chủ và ngoại biên, - Khung stent CoCr (L605) được bọc bởi 1 lớp graft Micro-porous ePTFE, - Tương thích với sheath nhỏ nhất là 9F. - Đường kính 12-24 mm, dài 19 đến 59mm, - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/CE/FDA	Hộp/ 1 cái	Cái	10

STT	Mã thông tư 04	Phân nhóm TT 14	Tên danh mục	Yêu cầu đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
127	N06.02.090	6	Stent dẫn lưu đường mật, bằng kim loại nitinol	Stent dẫn lưu đường mật, - Bằng kim loại nitinol, đường kính từ 8 đến 10mm, chiều dài stent từ 40 đến 120mm. - Chiều dài làm việc từ 600 đến 1800mm, có màng bọc, có lỗ bằng silicone bên trong - Tiết khuẩn, - Tiêu chuẩn ISO/CE/FDA	hộp/ cái	cái	20
128	N06.02.100	3	Stent thanh quản bằng silicone	Stent thanh quản dùng trong điều trị sẹp hẹp thanh môn trước - Làm bằng chất liệu: Silicone, có cản quang - Đường kính dây trước sau: 10mm, 12mm, 15mm - Đường kính dây ngang: 9mm, 10mm, 11mm, 16mm - Chiều dài stent: 33mm, 37mm, 40mm, 47mm - Trọn bộ gồm: 01 stent và 02 nút khâu - Hoặc tương đương loại Montgomery - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE/ FDA	Hộp/ 1 cái	Cái	5
129	N06.02.100	3	Stent can thiệp điều trị hẹp mạch não do mảng xơ vữa bằng chất liệu Nitinol, thiết kế 3 connector	Stent can thiệp điều trị hẹp mạch não - Chất liệu: Nitinol có hệ thống hỗ trợ bung stent. Thiết kế 3 connector - Kích thước: dài từ 9, 15, 20 mm + Đường kính sau khi bung: 2.8 -> 4.9 mm + Đường kính mạch máu khuyến cáo: 2.0 -> 4.5mm - Hệ thống over-the-wire, trong microcatheter 136 -> 150cm. - Tiêu chuẩn ISO/CE/FDA hoặc tương đương loại Wingspan	Hộp/ 1 cái	Cái	5
130	N06.03.010	3	Thủy tinh thể nhân tạo cứng, một mảnh	Thủy tinh thể nhân tạo cứng, một mảnh - Chất liệu Poly methyl methacrylate (PMMA), màu càng trắng (trong suốt) - Kích thước: * Chiều dài thủy tinh thể: 12,5 mm * Đường kính thủy tinh thể 7,0 mm - Thông số kỹ thuật * Chỉ số khúc xạ n: 1,49 * Hằng số A: 118,8 * Góc càng 5 độ, Càng chữ C biến đổi, có 2 lỗ * Dây diop: +4,0 D đến +34,0 D - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE/FDA	Hộp/ 1 cái	Cái	4
131	N06.04.020	3	Đĩa đệm cột sống lưng loại cong, có 2 khoang nhồi xương	Đĩa đệm cột sống lưng, loại cong dùng trong phẫu thuật cột sống thắt lưng - Chất liệu polymer polyether ether ketone (peek). - Cao 8/ 10/ 12/ 14mm, rộng 9/ 11mm, dài 25mm, góc nghiêng 8 độ. - Đầu thiết kế hình viên đạn. Có 2 khoang ghép xương, trên đĩa đệm có 3 điểm đánh dấu kiểm tra trên C- Arm. - Tiêu chuẩn: ISO/CE/FDA - Tương đương loại CoRoENT	Gói/1 cái	Cái	30
132	N06.04.020	3	Đĩa đệm cột sống cổ, góc nghiêng 5 độ	Đĩa đệm cột sống cổ nghiêng góc 5 độ dùng trong phẫu thuật cột sống cổ lồi trước - Chất liệu: polymer polyether ether ketone (PEEK) - Kích thước: Rộng ngang 14mm, 15mm; chiều sâu 12mm, 14mm - Thiết kế: Dạng thẳng và dạng cong vòng mặt trên, có điểm đánh dấu, nghiêng góc 5°. Có các điểm đánh dấu bằng Tantal - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn: ISO/CE/FDA - Tương đương loại Cerv-X	Gói/1 cái	Cái	10
133	N06.04.020	3	Đốt sống cột sống cổ nhân tạo liền khối, điều chỉnh được độ cao	Đốt sống cột sống cổ nhân tạo liền khối dùng trong phẫu thuật cắt bỏ thân đốt sống cổ - Chất liệu: Hợp kim Titanium - Đường kính 12/ 14/ 16mm - Thiết kế: Đốt sống nhân tạo có chiều cao điều chỉnh được từ 10mm - 65mm bởi 1 vòng điều chỉnh độ cao. Trên thân có một vít khóa cố định chiều cao thân sống sau khi chỉnh. - Đốt sống có góc ưỡn 0°, 6° - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn: ISO/CE/FDA - Tương đương loại ADD	Gói/1 cái	Cái	5
134	N06.04.020	3	Đốt sống cột sống cổ, kèm vít cố định	Đốt sống cột sống cổ kèm vít cố định dùng trong phẫu thuật cắt bỏ thân đốt sống cổ - Chất liệu: Hợp kim Titanium - Đường kính: 12mm, (chiều cao x góc ưỡn): 13-18mm x 0°; 17-26mm x 6°; 25-41mm x 12°; 40-65mm x 18° - Thiết kế: Liền khối có chiều cao điều chỉnh được. Trên thân có một vít khóa cố định chiều cao thân sống sau khi chỉnh. Vít cố định thân đốt sống nhân tạo đi kèm có 2 loại: vít thường và vít nở. - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn: ISO/CE/FDA - Tương đương đốt sống nhân tạo ADD Plus	Gói/1 cái	Cái	10

STT	Mã thông tư 04	Phân nhóm TT 14	Tên danh mục	Yêu cầu đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
135	N06.04.020	3	Đĩa đệm cột sống lưng cong, có mũi hình nhọn phẳng phần đầu	Đĩa đệm cột sống lưng cong dùng trong phẫu thuật cột sống lưng, ngực - Chất liệu: polymer polyether ether ketone (PEEK) - Dài x rộng: 29x11mm, 29x14mm, 34x16mm, cao 7-> 14mm (mỗi size tăng 1mm). - Thiết kế: Dạng cong, phần đầu miếng ghép thon nhọn và phẳng. Bề mặt đĩa có các răng bám dạng nghiêng. Góc nghiêng 5 độ và 12 độ - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn: ISO/CE/FDA - Tương đương đĩa đệm cột sống lưng cong pezo-T	Gói/1 cái	Cái	55
136	N06.04.020	3	Đĩa đệm cột sống lưng thẳng, có mũi nhọn phẳng	Đĩa đệm cột sống lưng thẳng dùng trong phẫu thuật cột sống lưng, ngực - Chất liệu: polymer polyether ether ketone (PEEK) - Dài x rộng: 24x10mm/ 29x10mm, cao 7-> 14mm (mỗi size tăng 1mm). - Thiết kế: Dạng thẳng, phần đầu miếng ghép thon nhọn và phẳng. Bề mặt đĩa có các răng bám dạng nghiêng. Góc nghiêng 5 độ và 12 độ - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn: ISO/CE/FDA - Tương đương loại pezo-P	Gói/1 cái	Cái	30
137	N06.04.020	3	Đĩa đệm cột sống cổ, khớp toàn phần	Đĩa đệm cột sống cổ, khớp toàn phần dùng trong phẫu thuật cột sống cổ lõi trước - Chất liệu: Titanium có lõi phủ Diamolith - Kích thước: Sâu 13 mm, rộng 16 mm, cao 5-7mm. - Thiết kế: Gồm 2 đĩa, mỗi đĩa bề mặt ngoài có 3 đỉnh chống trượt, phủ lớp bột Titanium. Nhân đệm bên trong tròn, có tính đàn hồi, di động. Vòng khuyết bên dưới có lỗ nhỏ, hấp thu lực. - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn: ISO/CE/FDA - Tương đương loại Baguera	Gói/1 cái	Cái	20
138	N06.04.051	3	Khớp háng toàn phần không xi măng, chòm thép không gỉ miếng lót polyethylene, ổ cối và miếng lót có bờ chống trật, chuỗi Titanium-Niobium dạng chêm 3 chiều, cổ có các cỡ ngắn, trung bình và dài.	Khớp háng toàn phần không xi măng 1. Chuỗi: - Chất liệu: Titanium-Niobium (Ti6Al7Nb), toàn bộ phun nhám và phủ HA dày 80µm - Chiều dài chuỗi: dài 125 đến 165mm - Khoảng cách trục thân và tâm chòm(offset): 35.4mm-55.5mm - Thiết kế chuỗi: dạng thẳng, có cấu trúc thân rãnh dọc, rãnh ngang; bờ cạnh vuông, tiết diện hình chữ nhật/hình thang; dạng chêm 3 chiều . - Góc cổ thân: 127° hoặc 135° - Số cỡ cổ: 11 cỡ trung bình , 12 cỡ cổ ngắn và 10 cỡ dài. 2.Chòm: - Chất liệu: Cobalt Chrome - Đường kính: 32mm đến 40mm với mỗi đường kính có 4 đến 5 cỡ - Chòm 32mm từ ổ cối 46mm; 36mm từ ổ cối 50mm;40mm từ ổ cối 56mm. 3.Ổ cối:- Chất liệu: Titanium-Vanadium, phủ Titan dày 100µm và HA dày 90µm - Kích thước: 42mm-64mm - Thiết kế: hình dạng Ellip có đáy bằng ngang, cấu trúc rãnh tròn tăng diện tích tiếp xúc với xương lên 30-40% - Chống trật: Bờ sau thiết kế cao lên 5° 4. Miếng lót ổ cối: - Chất liệu: Polyethylene cao phân tử liên kết ngang - Thiết kế: trung tính và có bờ chống trật 10 độ trên lớp đệm 5. Vít: Titanium - Kích thước: đường kính 6.5mm và chiều dài 20-45mm - Tiêu chuẩn: ISO/CE/FDA 7. Hỗ trợ đặt bộ định vị di động tại Bệnh viện	Gói/ 1 bộ	Bộ	6

STT	Mã thông tư 04	Phân nhóm TT 14	Tên danh mục	Yêu cầu đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
139	N06.04.051	3	Khớp háng toàn phần thay lại, ổ cối phủ nhám titanium có móc và tai gắn vào xương, chuỗi Hợp kim Titanium (Ti6Al4V, TiAl6Nb7 và TiAl6V4), thiết kế chuỗi rời 3 thành phần,	Khớp háng toàn phần thay lại 1. Chuôi: -Chất liệu: Hợp kim Titanium (Ti6Al4V, TiAl6Nb7 và TiAl6V4), phủ Titanium. -Chiều dài : đuôi chuỗi dài từ 140- 230mm -Thiết kế: Chuôi rời gồm đầu chuỗi, miếng nối và đuôi chuỗi. Thiết kế cong theo xương đùi, không dùng xi măng. Đầu chuỗi có cạnh hoặc không cạnh-tuỳ chỉnh hướng 360 độ -Góc cổ thân:130độ -Số cỡ: 3 cỡ miếng nối đuôi chuỗi và đầu chuỗi, 3 cỡ đầu chuỗi dài từ 50-70mm 2. Chôm: -Chất liệu: Ceramic thể hệ 4(Biolox Delta) -Đường kính:28, 32 mm, mỗi đường kính có 2-3 cỡ 3. Ổ cối: -Chất liệu:Titanium, phủ titannium nhám -Kích thước: 48 - 60 mm với bước tăng 4mm. -Thiết kế: có móc 48-52-56-60mm, tai 45-60mm . Có khuyên hãm chỉnh 6 hướng theo yêu cầu,kích cỡ 48-60mm -Kích thước chòm tương ứng: 28, 32 mm -Chống trật: 0-20 độ 4. Miếng lót ổ cối: -Chất liệu Polyethylene cao phân tử (UHMWPE)) 5. Vít: - Chất liệu: Titanium -Kích thước: 20-80mm - Tiêu chuẩn: ISO/CE/FDA	Gói/ 1 bộ	Bộ	1
140	N06.04.051	3	Khớp háng toàn phần không xi măng, chòm ceramic miếng lót ceramic, ổ cối có gờ định vị và vít chống thấm dịch.	Khớp háng toàn phần không xi măng 1.Chuôi: -Chất liệu: Hợp kim Titanium (Ti6AL4V). Phủ Titanium-Plasma rỗ tổ ong dày khoảng 200 µm - 250 µm. - Độ bền kéo, độ bền cắt > 22 MPA - Kích cỡ: từ 8 – 12 cỡ , dài khoảng 130mm đến 160mm, mỗi cỡ dài cách nhau 2-3mm , chuỗi nhỏ phù hợp với những ca bệnh lý lồng tủy nhỏ -Thiết kế chuỗi: Thân chuỗi hình thon, có rãnh dọc chống xoay, rãnh ngang chống lún. -Góc cổ thân: Có 2 loại: loại khoảng cách trục thân và tâm chòm(offset) trung bình và dài, góc cổ chuỗi 132° 2.Chòm: - Chất liệu: Ceramic thể hệ 4(màu hồng tím) - Đường kính: 32mm, 36mm, 40mm có các cỡ từ -3,5mm đến +8mm 3.Ổ cối: -Chất liệu:Titanium (Ti6AL4V), Phủ Titanium - Plasma liên kết 45-65% lỗ tổ ong, độ dày 100 - 300µm. - Độ bền kéo > 35 MPA, Độ bền cắt > 25 MPA. - Đường kính: từ 44-70mm , mỗi đường kính với bước tăng 2mm. -Thiết kế: Hình bán cầu, có 3 hoặc nhiều lỗ bắt vít, 12 gờ tự định vị, tự khóa và chống xoay giữa ổ cối và miếng lót. - Đáy ổ cối có vít chống thấm dịch. 4.Miếng lót ổ cối: -Chất liệu: Ceramic thể hệ 4 (màu hồng tím) - Đường kính trong: 32mm, 36mm, 40mm. 5.Vít: bằng Titanium, tự tạo ren. Đường kính 6.5 mm, chiều dài từ 15-70 mm - Tiêu chuẩn: ISO/CE/FDA Tương đương Khớp háng toàn phần không xi măng Aria™ Ceramic on	Gói/ 1 bộ	Bộ	15
141	N06.04.051	3	Khớp háng toàn phần không xi măng, chòm ceramic miếng lót polyethylene, ổ cối Ti-6Al-4V, có rãnh chống xoay, miếng đệm có gờ chống trật 20 độ	Khớp háng toàn phần không xi măng 1. Chuôi: - Vật liệu: Ti6Al7Nb Protasul - Góc cổ chuỗi : 135 độ - Kích cỡ : từ 14 đến 25. - Chuôi dài chống xoay 8 rãnh: dài từ 190mm đến 300 mm. 2. Chòm: - Vật liệu: AluminumOxide Ceramic (Biolox Delta Ceramic) - Đường kính: 32, 36mm , mỗi đường kính có 4 đến 5 cỡ 3. Ổ cối: - Vật liệu: Ti-6Al-4V dạng sợi - Kích cỡ: 48 – 70 mm với mỗi bước tăng 2 mm. 4. Miếng đệm: - Vật liệu: Polyethylene cao phân tử (UHMWPE)). - 3 loại: Lót tiêu chuẩn, lót có gờ chống trật cao 10 độ và lót có gờ chống trật cao 20 độ. 5. Vít ổ cối: tự tạo ren - Đường kính 4.5mm và 6.5mm. - Chiều dài từ 15mm đến 40mm với mỗi bước tăng 5mm, chiều dài từ 40mm đến 60mm mỗi bước tăng 10mm. - Tiêu chuẩn: ISO/CE/FDA	Gói/ 1 bộ	Bộ	2

STT	Mã thông tư 04	Phân nhóm TT 14	Tên danh mục	Yêu cầu đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
142	N06.04.052	3	Khớp háng bán phần không xi măng, Titanium, phủ HA toàn thân, có hệ thống trụ cụ cho lõi mô trước ít xâm lấn	Khớp háng bán phần không xi măng 1. Chuôi: hợp kim titanium Ti6Al4V, Phủ toàn thân chuôi lớp HA 15µm - Thiết kế: chuôi dạng thẳng, có các rãnh dọc, rãnh ngang chống lún, chống xoay. Có trụ cụ cho lõi mô trước ít xâm lấn - Góc cổ thân chuôi: 130 độ, 7 cỡ, dài 115mm đến 165mm 2. Chôm: CoCrMo - Kích cỡ: 24mm/28mm, mỗi đường kính có 3 cỡ 3. Chôm lưỡng cực: Bên ngoài là CoCrMo, bên trong là lớp Polyethylene cao phân tử (UHMWPE), - Đường kính: 40mm đến 58mm mỗi bước tăng 2mm. - Thiết kế: có vòng khóa an toàn chống trật - Tiêu chuẩn: ISO/CE/FDA	Gói/ 1 bộ	Bộ	20
143	N06.04.053	3	Khớp gối toàn phần cố định, thiết kế cỡ nhỏ, mâm chày không đối xứng kiểu siêu tương hợp, cuống dạng vây cá, xi măng trùng hợp nhiệt độ thấp, kết nối hệ thống định vị và cảm biến.	Khớp gối toàn phần 1. Lõi cầu:- Chất liệu: Cobalt-Chrome - Kích thước:+ Số cỡ: 7 cỡ trung bình và 7 cỡ hẹp (Narrow) phù hợp người Châu Á + Độ dày: lát cắt xa 8mm; lõi cầu sau 8mm. Khoảng cách trước sau đủ cỡ từ 38mm đến 58mm. + Tương quan kích thước lõi cầu và mâm chày: cho phép tương thích tối thiểu 3 cỡ liên tiếp- Thiết kế: đa trục, dạng cong chữ J: trục R1 giúp tiếp xúc tối đa với lớp đệm, giúp gối vững hơn; R2 giảm mức độ gối trượt về phía sau; R3 làm giảm bề mặt tiếp xúc khi gấp gối hoàn toàn, 4° chêm mặt cắt trước. Có thể điều chỉnh độ xoay trục +/-10 độ chống lại việc cần 2 bên lõi cầu. Thiết kế hi sinh dây chằng chéo sau hoặc giữ lại dây chằng chéo sau. + Góc gấp tối đa: 140°. 2. Mâm chày:- Chất liệu: Cobalt-Chrome (CoCr) - Kích thước: gồm 6 cỡ trái và 6 cỡ phải. Cuống dài 34mm - Thiết kế: Không đối xứng trái-phải nhằm tăng cường tối đa độ che phủ xương. Dạng cố định. Cuống dạng vây cá 130°. Có chuôi nối dài lồng tùy xương chày. 3. Miếng đệm:- Chất liệu: Polyethylene cao phân tử. - Kích thước:+ Số cỡ: Có 6 cỡ khác nhau + Bề dày: 10, 12, 14, 17, 20mm hoặc 7, 9, 11, 14, 17mm - Thiết kế: dạng siêu tương hợp (Ultra Congruent) + Cấu trúc chống trật: Có đỉnh cao chống trật trước từ 8,50 đến 10,00mm 4. Bánh chè:- Chất liệu: Polyethylen cao phân tử(UHMWPE) - Kích cỡ: 4 cỡ, dày 8mm và 10mm - Thiết kế: 2 dạng đối xứng và không đối xứng, rãnh bánh chè 6°. 5. Xi măng:- Chất liệu: Bột xi măng [Polymethyl Methacrylate (87,3%-87,6%) - Thời gian thao tác: Thời gian trộn nhanh; thời gian làm việc từ 6 phút trở lên, thời gian đông cứng ngắn, nhiệt độ phản trùng hợp thấp hơn 10°C so với các xi măng thông thường. - Tiêu chuẩn: ISO/CE/FDA	Gói/ 1 bộ	Bộ	4
144	N06.04.090	3	Xương nhân tạo, dạng hạt 1-4mm, dung tích 5ml	Xương nhân tạo, dạng hạt 1-4mm, - Chất liệu 60%HA + 40% TCP, kích thước lỗ lớn khoảng 200-800 µm, kích thước lỗ nhỏ khoảng 1.0-10µm, tỷ lệ lỗ khoảng 80%, độ vững chắc 5.5-7.5 MPa, - Tiệt khuẩn - Dung tích 5ml - Đạt chuẩn ISO/CE	hộp/ gói	gói	10
145	N06.04.090	3	Xương nhân tạo, dạng hạt 1-4mm, dung tích 10ml	Xương nhân tạo, dạng hạt 1-4mm - Chất liệu 60%HA + 40% TCP, kích thước lỗ lớn khoảng 200-800 µm, kích thước lỗ nhỏ khoảng 1.0-10 µm, tỷ lệ lỗ khoảng 80%, độ vững chắc 5.5-7.5 MPa, - Tiệt khuẩn - Dung tích 10ml - Đạt chuẩn ISO/CE	hộp/ gói	gói	10
146	N06.04.090	3	Xương nhân tạo, dạng khối	Xương nhân tạo, dạng khối - Chất liệu 60%HA + 40%TCP, kích thước lỗ khoảng 200-800 µm, tỷ lệ lỗ khoảng 80%, độ vững chắc 5.5-7.5 MPa, dạng khối 10x10x20mm/ 10x10x30mm/ 10x10x40mm - Tiệt khuẩn - Đạt chuẩn ISO/CE	hộp/ gói	gói	4
147	N06.04.090	3	Xương nhân tạo, dạng bơm, cỡ hạt khoảng 30- 50nm, dung tích 5ml	Xương nhân tạo, dạng bơm - Chất liệu 38wt%HA (Ca10(PO4)6(OH)2 + 62wt% H2O tinh khiết, hạt HA Nano 30-50 nm, dễ dàng định hình, không cần trộn. - Độ phủ ~100m²/g. - Diện tích bề mặt nano lớn hơn 50-100 lần các loại xương tổng hợp truyền thống Bộ gồm : - 1 xilanh xương dạng bơm, dung tích 5ml - 1 ống bơm ngắn, 1 ống bơm dài - 1 cây đẩy - Tiệt khuẩn - Đạt chuẩn ISO/CE	hộp/ gói	gói	9

STT	Mã thông tư 04	Phân nhóm TT 14	Tên danh mục	Yêu cầu đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
148	N06.04.090	3	Xương nhân tạo bằng β Tricalcium Phosphate, dạng bột, 1ml	Xương nhân tạo dùng trong phẫu thuật cột sống để kích thích hàn xương - Thành phần β Tricalcium Phosphate tái hấp thu dạng vi hạt - Thể tích: 1ml, dạng bột - Các hạt kết nối với nhau tạo lỗ xốp có kích thước 1-100 μ m - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn: ISO/CE/FDA - Tương đương bột xương uDesis	Gói/1 cái	Cái	5
149	N06.04.090	3	Xương nhân tạo bằng β Tricalcium Phosphate, dạng bột, 2.5ml	Xương nhân tạo dùng trong phẫu thuật cột sống để kích thích hàn xương - Thành phần β Tricalcium Phosphate tái hấp thu dạng vi hạt - Thể tích: 2.5ml, dạng bột - Thiết kế: Các hạt kết nối với nhau tạo lỗ xốp có kích thước 1-100 μ m - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn: ISO/CE/FDA - Tương đương bột xương uDesis	Gói/1 cái	Cái	5
150	N06.04.090	3	Xương nhân tạo bằng β Tricalcium Phosphate, dạng bột, 5ml	Xương nhân tạo dùng trong phẫu thuật cột sống để kích thích hàn xương - Thành phần β Tricalcium Phosphate tái hấp thu dạng vi hạt - Thể tích: 5ml, dạng bột - Thiết kế: Các hạt kết nối với nhau tạo lỗ xốp có kích thước 1-100 μ m - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn: ISO/CE/FDA - Tương đương bột xương uDesis	Gói/1 cái	Cái	5
151	N06.04.090	6	Xương nhân tạo khử khoáng, bằng Bone morphogenetic protein, dạng gel, 0.25-> 1.0ml	Xương khử khoáng dạng gel dùng trong phẫu thuật cột sống để kích thích hàn xương - Thành phần: Bone morphogenetic protein 2 (BMP2) gồm: MP2 (rhBMP2) + DBM và natural polymer - Thể tích 0.25-> 1.0 ml, dạng gel - Tương đương xương Rafugen DBM - Tiêu chuẩn: ISO/CE/FDA	Hộp/ gói	Gói	5
152	N06.05.030	3	Miếng và khuyết sọ 120x120x0.6mm, dạng 3D	Miếng và khuyết sọ dùng trong phẫu thuật ghép sọ - Chất liệu Titan cấu trúc lưới 3D, bề mặt lưới khử oxi hóa quang phổ vàng. - Lỗ bắt vít chìm - Cỡ 120x120x0.6mm - Tiêu chuẩn: ISO/CE/FDA - Tương đương loại Anton Hipp	Hộp/ 1 miếng	Miếng	5
153	N06.05.030	3	Miếng và khuyết sọ 150x150x0.6mm, dạng 3D	Miếng và khuyết sọ dùng trong phẫu thuật ghép sọ - Chất liệu Titan Cấu trúc lưới 3D, bề mặt lưới khử oxi hóa quang phổ vàng. - Lỗ bắt vít chìm - Cỡ 150x150x0.6mm - Tiêu chuẩn: ISO/CE/FDA - Tương đương loại Anton Hipp	Hộp/ 1 miếng	Miếng	5
154	N06.05.040	3	Miếng và mạch máu tái tạo thành mạch máu bằng Polyesterurethane	Miếng và mạch máu tái tạo thành mạch máu - Chất liệu: Polyesterurethane đàn hồi, không chảy máu lỗ chỉ khâu do độ đàn hồi cao của sợi polymer, - Thiết kế: cấu trúc vi mô giúp cho sự kết hợp mô tốt. - Kích thước: 3 x 4cm, 2x9cm, 1x7cm - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE/FDA	Hộp/1 miếng	Miếng	10
155	N06.06.070	3	Màng cứng nhân tạo Collagen tự dính dùng trong phẫu thuật thần kinh cỡ 2.5x 7.5cm	Màng cứng nhân tạo dùng trong phẫu thuật thần kinh có khuyết màng cứng, điều trị và lỗ rò dịch não tủy - Chất liệu 100% Collagen - Kích thước 2.5x 7.5cm - Thiết kế: toàn bộ miếng và đều có các vi hất kích thước 50-150 micron. - Tự tiêu và biến thành màng cứng tự thân sau khoảng 12 tháng, tự dính, không cần khâu. - Tiêu chuẩn: ISO/CE/FDA - Tương đương miếng và màng cứng DuraGen	Hộp/1 cái	Cái	20
156	N07.01.100	3	Bộ dụng cụ lấy huyết khối trong lòng mạch vành, phủ hydrophilic	Bộ dụng cụ lấy huyết khối trong lòng mạch vành - Chất liệu: Polyamide và polyethylene, phủ Hydrophilic (từ đoạn 30cm đến đầu tip), đầu tip với nòng lõi wire gia cố ở đầu - Phần mặt cắt đầu ống xiên + lòng đầu hút lớn, tròn - Chiều dài nòng dây dẫn 10mm, dài khả dụng 140cm - Vật tư kèm theo: bơm tiêm 30ml, khóa áp lực, dây nối khóa, dây dẫn nhỏ, lược. - Tiêu chuẩn ISO/CE/FDA - Hoặc tương đương loại Thrombuster	Hộp/ 1 bộ	Bộ	10
157	N07.01.100	3	Bình chứa gắn với bơm hút huyết khối loại 1000ml	Bình chứa dung dịch (máu) dùng gắn với máy bơm hút huyết khối - Chất liệu: bằng nhựa cứng. - Có bộ phận lọc bụi bẩn trước khi gắn vào bơm hút chân không, tiệt khuẩn - Thể tích: 1.000 ml - Hỗ trợ lắp máy hút huyết khối - Tiêu chuẩn chất lượng ISO, CE. - Hoặc tương đương loại Canister	Hộp/ 1 bộ	Bộ	50

STT	Mã thông tư 04	Phân nhóm TT 14	Tên danh mục	Yêu cầu đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
158	N07.01.100	4	Ống thông hút huyết khối can thiệp mạch não, đường kính 0.055inch, dài 125cm	Ống thông hút huyết khối can thiệp mạch não - Chất liệu: Nitinol phủ Hydrophilic - Dạng đầu thẳng - Đường kính trong 0,055inch, dài 125cm, đầu xa dài 17cm - Tiêu chuẩn ISO/CE/FDA Hoặc tương đương loại Sofia	Hộp/ 1 bộ	Bộ	50
159	N07.01.110	3	Bộ dụng cụ hỗ trợ can thiệp thông nối tĩnh mạch cửa chủ	Bộ dụng cụ hỗ trợ can thiệp thông nối tĩnh mạch cửa chủ, dùng trong điều trị biến chứng chảy máu tiêu hóa do vỡ giãn tĩnh mạch thực quản - dạ dày ở người bệnh bị xơ gan, và hỗ trợ kỹ thuật TIPS. - Kim bằng thép không gỉ, cỡ 16G, 18G, dài 50.5, 55.0cm - Sheath 9.0Fr, dài 38.5cm. - Vật tư kèm theo: ống thông nông, ống thông MPB, ống thông có van loại Andel. - Có 2 loại dây dẫn: đầu thẳng và đầu cong - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/CE/FDA - Hoặc tương đương loại Ring Transjugular Intrahepatic Access Set	Hộp/ 1 bộ	Bộ	20
160	N07.01.110	3	Bộ dụng cụ mở đường vào động mạch 20G, 22G, dài 80mm	Bộ dụng cụ mở đường vào động mạch đo huyết áp động mạch xâm lấn - Kim bằng thép không gỉ, đường kính 0.8mm và 0.95mm, dài 50mm - Catheter bằng Fluorinated ethylene propylene (FEP), cỡ 20G và 22G dài 80mm, khóa luer lock dễ cố định - Dây dẫn đường bằng thép không gỉ, dài 25cm, 1 đầu cứng và 1 đầu mềm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE/FDA	Hộp/20 bộ	Bộ	4.800
161	N07.01.110	6	Dụng cụ mở đường mạch máu sử dụng tái tưới máu cho người bệnh, bằng coil kim loại	Dụng cụ mở đường mạch máu sử dụng tái tưới máu cho người bệnh, - Bằng coil kim loại, bề mặt của sheath phủ lớp ái nước và đầu tip có đánh dấu cân quang, dây dẫn dạng cuộn kim loại quanh thân - Chiều dài 7.5cm - 11cm, đường kính 5Fr - 10Fr, - Chức năng chốt tự động, với cổng nằm phía bên/van cầm máu và đỉnh kèm stopcock 3 ngã. - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/CE/FDA,	hộp/ 10 cái	cái	15
162	N07.01.110	3	Bộ dụng cụ mở đường vào động mạch có lớp ái nước, dài 10 -> 16cm	Bộ dụng cụ mở đường vào động mạch có lớp ái nước - Chất liệu: Lớp vỏ bằng ETFE, van bằng Silicone, phủ lớp ái nước hydrophilic - Chống xoắn. Không bị rỉ máu - Đường kính 5-> 6Fr, dài 10-> 16cm - Bao gồm sheath có van chống trào máu kiểu Cross-cut, dây dẫn nhỏ dài 45 - > 80cm. - Tiêu chuẩn ISO/CE/FDA Hoặc tương đương loại Radifocus Introducer II M Coat	Hộp/ 5 bộ	Bộ	1.000
163	N07.01.150	4	Cáp nối Catheter chẩn đoán điện sinh lý 4 điện cực, độ cong cố định	Cáp nối Catheter chẩn đoán điện sinh lý 4 điện cực, độ cong cố định - Chân pin 2mm, mạ vàng 24K - Các kênh chỉ dẫn rõ ràng kết nối nhanh chóng, thuận tiện - Các chân chỉ dẫn rõ ràng, kết nối nhanh chóng, thuận tiện - Dài 150 cm, nhiều màu. - Tương thích catheter cùng hãng - Tiêu chuẩn ISO/CE/FDA Hoặc tương đương loại cable (Supreme)	Hộp/ 1 bộ	Bộ	20
164	N07.01.212	3	Bộ dây dẫn tuần hoàn dùng người bệnh ECMO dưới 20 kg	Bộ dây dẫn tuần hoàn dùng người bệnh ECMO dưới 20 kg - Chất liệu DEHP – Free polyvinyl chloride (PVC) phủ Bioline - Chiều dài: 2.2m - Đường kính ống: 1/4 inch - Đầu bơm ly tâm - Thể tích mỗi 32ml - Diện tích bề mặt 190cm2 - Tiêu chuẩn ISO/CE/FDA - Tương thích với máy tim phổi nhân tạo ECMO/Rotaflow	Hộp/1 cái	Cái	3
165	N07.01.220	6	Bao chỉ dùi trong phòng ngừa truyền tắc huyết khối tĩnh mạch, bằng vải không dệt	Bao chỉ dùi trong phòng ngừa truyền tắc huyết khối tĩnh mạch, - Bằng vải không dệt, cỡ khoảng 74cm / 29", có chất cao su, nhẹ, mát và không kích ứng da, dễ mang, có tấm lót hơi không đối xứng với ống nối hơi đơn (1 ống) quấn từ mắt cá chân lên bắp chân và phần đùi. - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/ CE/ FDA, - Hỗ trợ đặt máy tại bệnh viện	gói/ 1 đôi	đôi	20
166	N07.01.240	3	Bóng chẹn cổ tử phình hỗ trợ thả coil, 1 và 2 nòng	Bóng chẹn cổ tử phình hỗ trợ thả coil, 1 và 2 nòng - Chất liệu: PBx, Polyurethane. - Kích thước: + Đường kính bóng 3-7mm + Bóng Dài 7-30mm + Microcather mang bóng đường kính trong 0.014 inch, dài 140-150cm, đường kính ngoài 2.4 inch - Hệ thống có nòng bóng cùng nòng với micro catheter mang bóng - Tiêu chuẩn ISO/CE/FDA hoặc tương đương loại transform	Hộp/ 1 Bộ	Bộ	15

STT	Mã thông tư 04	Phân nhóm TT 14	Tên danh mục	Yêu cầu đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
167	N07.01.240	4	Bóng nong can thiệp hẹp động mạch não, đường kính 1.5-> 4.0mm	Bóng nong can thiệp hẹp động mạch não, - Chất liệu: thành bằng nhựa Polymer có phủ ái nước, gia cố bằng kim loại, bóng bằng PBx, Silicon, có phủ lớp Xtra. - Kích thước: + Đường kính 1.5-> 4mm + Bóng Dài 9-> 20mm - Bóng nằm ở đầu microcatheter dài 140-> 150cm, đặt qua hệ thống guidewire dài 300cm (over-the-wire) - Tiêu chuẩn ISO/CE/FDA hoặc tương đương loại Gateway	Hộp/ 1 Bộ	Bộ	10
168	N07.01.240	3	Bóng nong can thiệp mạch máu ngoại biên, đường kính 12-> 18mm, dài 20-> 60mm	Bóng nong can thiệp mạch máu ngoại biên - Chất liệu bóng: Co-Extruded. - Thiết kế hệ thống: Over The Wire. - Dạng bóng: Non-Compliant (kỹ thuật xếp 4 cạnh giúp bóng xếp nhỏ lại). - Lớp phủ: Medi-Glide ái nước. - Đường kính bóng: 12-> 18mm. - Chiều dài bóng: 20-> 60mm. - Chiều dài trục thân: 75cm, 120cm. - Dây dẫn tương thích: 0.035". - Áp suất tối đa: 8atm. - Entry profile: 0.037". - Tiêu chuẩn ISO/CE/FDA Hoặc tương đương loại XXL Balloon	Hộp/ 1 Bộ	Bộ	50
169	N07.01.240	4	Bóng nong mạch vành áp lực cao, đường kính 1.5-> 5mm, dài 6-> 25mm	Bóng nong mạch vành áp lực cao - Chất liệu Pebax, phủ lớp ái nước Hydrophilic, đa lớp. - Độ dài taper: khoảng 3 mm. - Áp lực định danh: 12 atm. áp lực vỡ bóng tối đa: 18 atm - Điểm đánh dấu uốn cong được. - Bóng không nở theo chiều dọc, 2 đầu ngắn giúp tập trung lực nong ngay tại sang thương, hạn chế tác động ra ngoài mạch máu bình thường. - Đường kính 1.5 -> 5.0mm, dài 6-> 25mm. - Tiêu chuẩn ISO/CE/FDA Hoặc tương đương loại NC Trek/ NC Traveler	Hộp/ 1 Bộ	Bộ	50
170	N07.01.240	3	Bóng nong động mạch vành với hóa nặng hoặc tái hẹp trong stent	Bóng nong động mạch vành với hóa nặng hoặc tái hẹp trong stent - Bằng Nylon 12 - Độ dài catheter 142cm, đường kính bóng 2.0 -> 4.0mm; độ dài bóng 13mm, - Catheter có gắn bóng bán dẫn hồi, có áp lực khác nhau, được đánh dấu cân quang cả hai đầu bóng bằng Platinum và Iridium, bao lớp siêu ái nước, gắn 3 thành tổ nylon linh hoạt dọc theo bên ngoài bóng cách nhau 120o, - Áp lực thường 6Atm, áp lực vỡ bóng 14Atm, - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/CE/FDA	Hộp/1 cái	cái	50
171	N07.01.250	3	Dây nối với máy bơm hút huyết khối, dài 200-> 300cm	Dây nối với máy bơm hút huyết khối - Chất liệu: bằng nhựa mềm - Kích thước: dài 200-> 300cm, lòng trong 8->9Fr - Cấu trúc: có van bật tắt hút 1 chiều. - Tiêu chuẩn ISO/CE/FDA. - Hoặc tương đương loại Aspriation Tubing Max - Hỗ trợ lắp máy hút huyết khối	Hộp/ 1 Cái	Cái	30
172	N07.01.330	3	Dụng cụ bắt dị vật trong tim, mạch máu thiết kế vòng đôi	Dụng cụ bắt dị vật trong tim, mạch máu thiết kế vòng đôi - Chất liệu: platinum dạng sợi cuộn - Kích thước: + Đường kính thông lòng 5mm, 10mm, 15mm, 20mm và 30mm. + Chiều dài 125cm + Kích cỡ dụng cụ mở đường 4Fr-6Fr - Cấu tạo: thiết kế vòng đôi giúp bắt/ thắt và thu hồi những dụng cụ rơi trong lòng mạch máu từ mọi góc cạnh. Thông lòng có 2 mặt phẳng để bắt dị vật theo chiều thẳng đứng hoặc chiều ngang. Vòng thông lòng có thể xoay 360 độ. - Tiêu chuẩn ISO/CE/FDA - Tương đương loại Multi Snare Set.	Hộp/1 cái	Cái	50
173	N07.01.390	3	Lưới lọc tĩnh mạch chủ loại tạm thời dùng lọc huyết khối tĩnh mạch chủ dưới	Lưới lọc tĩnh mạch chủ loại tạm thời dùng lọc huyết khối tĩnh mạch chủ dưới - Chất liệu bằng hợp kim Cobalt Chrom - Lưới lọc được nạp sẵn trong ống có đường kính 40mm và chiều cao 53mm, thanh dây ngắn 183mm, thanh dây dài 657mm, dây dẫn đường chữ "J" đường kính 0,035" dài 150cm được nạp sẵn trong ống có 2 đầu tiếp cận - Phụ kiện kèm theo gồm: dụng cụ mở đường 7F có van cầm máu và dây nối bên, - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/CE/FDA	2 cái/ hộp	cái	15

STT	Mã thông tư 04	Phân nhóm TT 14	Tên danh mục	Yêu cầu đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
174	N07.01.430	3	Hạt nút mạch vĩnh viễn không tải thuốc dùng tắc mạch tạng, dị dạng mạch máu	Hạt nút mạch vĩnh viễn không tải thuốc dùng tắc mạch tạng, dị dạng mạch máu, - Băng Acrylic polymer + gelatin, hạt hình cầu, - Kích cỡ(μm):40-120, 100-300, 300-500, 500-700, 700-900, 900-1200 μm, tương thích sinh học, không tan trong dung môi - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/CE/FDA	hộp/ 1 lọ	lọ	60
175	N07.01.440	3	Hạt nút mạch vĩnh viễn có tải thuốc sử dụng trong thuyên tắc mạch máu ung thư tế bào gan	Hạt nút mạch vĩnh viễn có tải thuốc sử dụng trong thuyên tắc mạch máu ung thư tế bào gan, tắc mạch di căn đến gan, - Chất liệu từ Polymer có khả năng siêu hấp thu (thuốc Doxorubicin và Irinotican), kích thước ban đầu: 50-100, 100-150, 150-200 μm, gia tăng kích thước gấp 4 lần ban đầu sau khi ngâm thuốc, khả năng chịu nén 80%, - Tiệt khuẩn, - Tiêu chuẩn ISO/CE/FDA	hộp 1 lọ	lọ	60
176	N07.01.460	3	Vi dây dẫn can thiệp dùng trong can thiệp Toce gan, mạch máu tạng và ngoại biên	Vi dây dẫn can thiệp dùng trong can thiệp Toce gan, mạch máu tạng và ngoại biên, - Lõi bằng thép không rỉ được bao phủ bằng polyurethane resin và lớp polymer ái nước - Độ cứng vừa đủ, tăng khả năng uốn, - Đường kính: 0.016", chiều dài đầu cân quang 3cm, đầu thuôn bút chì 40cm. - Các chiều dài: 135cm, 165cm, 180cm - Tiệt khuẩn, - Tiêu chuẩn ISO/CE/FDA	1 cái/ hộp	cái	100
177	N07.01.500	3	Phim X-quang tương thích máy Drypro, cỡ 35x43cm	Phim X-quang phục vụ nhu cầu in ấn trong y khoa. - Thành phần chính: Polyethylene terephthalate 90%-99%, additives <1%, binding agents <1% - Sử dụng được trong ánh sáng ban ngày. - Kích thước: 35x43cm - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE - Sử dụng tương thích với máy in phim khô laser Drypro	Hộp/ 125 cái	Cái	9.000
178	N07.02.050	6	Quả lọc hấp phụ nội độc tố, dải hấp phụ 10-60kDa	Quả lọc hấp phụ nội độc tố, cytokin... trong sốc nhiễm trùng nặng, sepsis, viêm tụy cấp,..., vỏ PC, vật liệu hấp phụ: Styrendiviny Benzen Copolymer, - Thể tích hấp phụ khoảng: 330ml - Thể tích khoang máu khoảng:185ml - Diện tích hấp phụ khoảng: 104.000m2 - Nội trở: ≤ 4kPa - Lưu lượng máu tối đa khoảng: 250ml/ phút - Áp suất chịu đựng khoảng: 100kPa - Độ chịu lực của hạt khoảng: 8,1N - Dải hấp phụ: 10-60kDa, Dây nối, - Tiệt khuẩn, - Tiêu chuẩn ISO/CE	Hộp/1 quả	Quả	10
179	N07.02.050	6	Quả lọc hấp phụ nội độc tố, dải hấp phụ: 20-200kDa	Quả lọc hấp phụ hấp phụ nội độc tố trọng lượng phân tử trung bình và lớn, độc tố gắn với protein, hội chứng hôn mê gan,..., vỏ PC, vật liệu hấp phụ: Styrendiviny Benzen Copolymer, - Thể tích hấp phụ khoảng: 330ml - Thể tích khoang máu khoảng :185ml - Diện tích hấp phụ khoảng: 104.000m2 - Nội trở: ≤ 4kPa - Lưu lượng máu tối đa khoảng: 250ml/ phút - Áp suất chịu đựng khoảng: 100kPa - Độ chịu lực của hạt khoảng: 8,1N - Dải hấp phụ: 20-200kDa, - Tiệt khuẩn, - Tiêu chuẩn ISO/CE	Hộp/1 quả	Quả	5
180	N07.02.050	6	Quả lọc hấp phụ dùng điều trị các bệnh tăng Bilirubin và tăng Axit mật	Quả lọc hấp phụ dùng điều trị các bệnh tăng Bilirubin và tăng Axit mật , vỏ PC, vật liệu hấp phụ: Styrendiviny Benzen Copolymer, - Thể tích hấp phụ khoảng: 330mL - Thể tích khoang máu khoảng:160mL - Diện tích hấp phụ khoảng: 104.000m2 - Nội trở: ≤ 4kPa - Lưu lượng máu tối đa khoảng: 50mL/ phút - Áp suất chịu đựng khoảng: 100kPa - Độ chịu lực của hạt: 8,1N - Tỷ lệ hấp phụ tính sau 2h trên invivo: + Bilirubin: 52.8~64.1% + Bile Acid: 62.2~80.5% - Tiệt khuẩn, - Tiêu chuẩn ISO/CE	Hộp/1 quả	Quả	5

STT	Mã thông tư 04	Phân nhóm TT 14	Tên danh mục	Yêu cầu đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
181	N07.02.050	6	Quả lọc hấp phụ nội độc tố với dải hấp phụ từ 05- 30kDa	Quả lọc hấp phụ nội độc tố, cytokin.. hỗ trợ điều trị trong biến chứng chạy thận chu kì, vật liệu vỏ: PC Vật liệu hấp phụ: các hạt Resin bản chất là Styrendiviny Benzen Copolymer có tính tương đồng sinh học cao,- Thể tích hấp phụ: 130ml - Thể tích khoang máu :115ml - Diện tích hấp phụ: 52.000m2,- Nội trở: ≤ 4kPa - Lưu lượng máu tối đa: 250ml/ phút - Áp suất chịu đựng: 100kPa - Độ chịu lực của hạt: 8,1N - Dải hấp phụ: 5-30kDa - Tỷ lệ hấp phụ tính sau 2h trên invivo: + IL-6: 21.8%~31.5% - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/CE - Hỗ trợ lắp đặt tại bệnh viện	Hộp/1 quả	Quả	100
182	N07.02.050	6	Quả lọc hấp phụ nội độc tố với dải hấp phụ từ 15- 100kDa	Quả lọc hấp phụ nội độc tố, cytokin.. hỗ trợ điều trị các bệnh tự miễn như lupus ban đỏ, bệnh vẩy nến...,-Vật liệu vỏ: PC Vật liệu hấp phụ: các hạt Resin bản chất là Styrendiviny Benzen Copolymer có tính tương đồng sinh học cao,- Thể tích hấp phụ: 280ml - Thể tích khoang máu :155ml - Diện tích hấp phụ: 91.000m2,- Nội trở: ≤ 4kPa - Lưu lượng máu tối đa: 250ml/ phút - Áp suất chịu đựng: 100kPa - Độ chịu lực của hạt: 8,1N - Dải hấp phụ: 15-100kDa - Tỷ lệ hấp phụ tính sau 2h trên invivo: + IL-6: 21.8%~31.5% - Tiết khuẩn, - Tiêu chuẩn chất lượng ISO/CE, - Hỗ trợ lắp đặt tại bệnh viện	Hộp/1 quả	Quả	20
183	N07.02.060	3	Bộ kit lọc máu liên tục lọc không phải bỏ huyết tương, lọc cytokin, nội độc tố trong sốc nhiễm trùng nặng, suy gan	Bộ kit lọc máu liên tục lọc không phải bỏ huyết tương, lọc cytokin, nội độc tố trong sốc nhiễm trùng nặng, suy gan,..., - Màng lọc HFT 14, chất liệu: Polyphenylene. Chất liệu vỏ: Polycarbonate. - Màng lọc huyết tương MICROPLAS MPS05, chất liệu: Polyethersulfone (PES) Vỏ quả: Polycarbonate. - Quả lọc hấp phụ, vật liệu hấp phụ: Styrendiviny Benzen Copolymer, Bộ KIT gồm ba quả kết hợp: tách huyết tương + Lọc hấp phụ + lọc CRRT - Màng lọc HFT 14: Diện tích màng khoảng: 1,4m2. - Đường kính trong sợi khoảng: 200 µm. Thể tích mỗi khoảng: 85ml. Chiều dài quả lọc khoảng: 305 mm. Kuf: 41 ml/Hr/mmHg. - Màng lọc huyết tương MICROPLAS MPS05: Thể tích mỗi dịch máu khoảng: 50ml. Thể tích mỗi huyết tương khoảng: 125ml. Diện tích màng khoảng: 0,45m2. Đường kính trong sợi khoảng: 300 µm. Chiều dài quả lọc khoảng: 305 mm. - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/CE, - Hỗ trợ đặt máy tại bệnh viện	Hộp/ 1 kit	Kit	10
184	N07.02.080	3	Quả lọc thận nhân tạo siêu tinh khiết	Quả lọc thận nhân tạo siêu tinh khiết, ngăn chặn nội độc tố (endotoxin); - Chất liệu Polysulfone, vật liệu phủ Polyurethane, vật liệu vỏ màng polypropylene, chất kết dính bằng silicone; - Thông số kỹ thuật: * Diện tích màng 2,2 m2; * Tốc độ lọc 5ml/min x mmHg; - Trọng lượng 170g; - Tiết khuẩn	Gói/1 quả	Quả	40
185	N07.02.080	3	Quả lọc thận nhân tạo dùng lọc máu liên tục cho người bệnh trẻ em từ 11 - 25kg đang suy thận cấp	Quả lọc thận nhân tạo dùng lọc máu liên tục cho người bệnh trẻ em từ 11 - 25kg đang suy thận cấp, - Chất liệu • Sợi lọc AN69: Acrylonitrile và sodium methallyl sulfonate copolymer • Vỏ và đầu quả lọc: Polycarbonate • Vách đầu quả lọc: Polyurethane • Ống dẫn: plasticized polyvinyl chloride (PVC) • Cartridge: PETG, - Thông số hoạt động của quả lọc • TMP tối đa* (mmHg/kPa): 450/60 • Áp lực máu tối đa (mmHg/kPa): 500/66,6 - Thể tích máu (± 10 %): 93 ml - Diện tích màng hiệu dụng: 0,6 m2 - Đường kính trong của sợi lọc (khí ướt): 240µm - Độ dày thành sợi lọc: 50µm, - Hệ thống dây dẫn đi kèm - Tiết khuẩn, - Tiêu chuẩn CE/ISO - Tương thích với máy lọc máu Prismaflex	4 bộ/ thùng	bộ	15

STT	Mã thông tư 04	Phân nhóm TT 14	Tên danh mục	Yêu cầu đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
186	N07.02.080	3	Quả lọc thận nhân tạo dùng lọc máu liên tục cho người bệnh trẻ em <11kg có suy thận cấp	Quả lọc thận nhân tạo dùng lọc máu liên tục cho người bệnh trẻ em <11kg có suy thận cấp, - Chất liệu màng lọc bằng PolyArylEtherSulfone (sợi rỗng PAES), Vò và đầu quả lọc bằng Polycarbonate, Vách đầu quả lọc Polyurethane; Ống dẫn bằng PVC; Cartridge bằng PETG - Thể tích máu trong bộ quả lọc ($\pm 10\%$) là 60ml - Diện tích màng: 0.2m² - Tốc độ dòng máu: 20 - 100ml/phút - Thể tích mỗi máu (Chi ở quả lọc): 17ml - TMP tối đa: 500mmHg/67kPa, - Hệ thống dây dẫn đi kèm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn CE, ISO, - Tương thích với máy lọc máu Prismaflex	5 bộ/ thùng	bộ	15
187	N07.03.040	3	Chất nhầy dùng trong phẫu thuật đặt thủy tinh thể nhân tạo Phaco thành phần Sodium hyaluronate	Chất nhầy dùng trong phẫu thuật đặt thủy tinh thể nhân tạo Phaco - Thành phần: Sodium hyaluronate 1.5%, PH 7.2 -> 7.6, - Độ thẩm thấu 300 -> 360 (mOsmol/kg), - Chỉ số dẻo 85 - Độ nhớt 220.000 mPa.s - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE/FDA	Hộp/ 1 ống	Ống	200
188	N07.03.040	3	Chất nhầy dùng trong phẫu thuật đặt thủy tinh thể nhân tạo Phaco tổng hợp Sodium hyaluronate, Sodium chondroitin sunfate	Chất nhầy dùng trong phẫu thuật đặt thủy tinh thể nhân tạo Phaco - Thành phần: * 1 ống 0.4ml chứa 1% sodium hyaluronate * 1 ống 0.35ml chứa 3% sodium hyauroate * 4% Sodium chondroitin sunfate - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE/FDA - Tương đương Duovisc	Hộp/ 2 ống	Ống	150
189	N07.03.070	4	Đầu dò cắt Amidan và nạo VA	Đầu dò cắt Amidan và nạo VA, bằng điện lưỡng cực ở tần số radio tạo nhiệt độ thấp 40 - 70 độ C nơi phẫu thuật - Tay cầm bằng nhựa tổng hợp, phần hoạt động có trục làm việc bằng thép không gỉ - Phần hoạt động có thể uốn cong dài khoảng 15cm, đầu gấp góc nhẹ để dễ quan sát, kèm theo một kênh dẫn nước và một kênh hút. Đầu ngoài cùng có điện cực 3 chấu được tách biệt bằng ceramic. Có dòng nước muối tích hợp để cài đặt nhanh chóng và dễ dàng - Các bộ phận đi kèm: dây truyền dịch, dây hút dịch, dây nối máy(gắn liền với tay cầm và phần hoạt động). - Tương thích với máy Coblator II - Đóng gói tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE/FDA	Hộp/1 bộ	Bộ	100
190	N07.03.070	4	Đầu dò cắt cuống mũi	Đầu dò cắt cuống mũi, bằng điện lưỡng cực ở tần số radio tạo nhiệt độ thấp 40 - 70 độ C nơi phẫu thuật - Chất liệu: Làm bằng nhựa tổng hợp, với phần hoạt động là thép không gỉ - Dụng cụ thẳng thon gọn, có phần tay cầm làm bằng nhựa tổng hợp, nối với phần hoạt động là trục đường kính 2.9mm với đầu góc cạnh giúp đưa vào cuốn mũi dễ dàng. Có 3 điểm đánh dấu độ sâu của đầu dò, có đường dọc cho phép dễ dàng định hướng đầu dò, kèm theo một kênh dẫn nước và một bộ phận hút, điện cực hoạt động dạng lưới. - Dính liền với bộ dây truyền dịch và dây dẫn nối với máy chính và máy hút. - Bộ phận đi kèm: đầu dò có tay cầm dính liền với bộ dây truyền dịch và dây dẫn nối với máy chính - Tương thích với máy Coblator II - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE/FDA - Hoặc tương đương loại Turbinator	Hộp/1 bộ	Bộ	10
191	N07.03.070	4	Đầu dò phẫu thuật xoang: cắt, đốt	Đầu dò phẫu thuật xoang: cắt, đốt bằng điện lưỡng cực ở tần số radio tạo nhiệt độ thấp 40 - 70 độ C - Tay cầm bằng nhựa tổng hợp, phần hoạt động có trục làm việc bằng thép không gỉ - Phần hoạt động có thể uốn cong dài khoảng 15cm, đầu gấp góc nhẹ để dễ quan sát, kèm theo một kênh dẫn nước và một kênh hút. Đầu ngoài cùng có điện cực 3 chấu được cách nhiệt bằng ceramic. - Hệ thống phân phối đường nước riêng hảo hơn, có 3 lỗ thoát nước cách đầu điện cực khoảng 1,5cm. - Các bộ phận khác đi kèm: Dây truyền dịch, dây hút dịch, dây nối máy(gắn liền với tay cầm và phần hoạt động). - Tương thích với máy Coblator II - Đóng gói tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE/FDA - Hoặc tương đương loại Procise EZ View	Hộp/1 bộ	Bộ	10

STT	Mã thông tư 04	Phân nhóm TT 14	Tên danh mục	Yêu cầu đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
192	N07.03.070	4	Đầu dò đốt cuống mũi	Đầu dò đốt cuống mũi bằng điện lưỡng cực ở tần số radio tạo nhiệt độ thấp 40 - 70 độ C nơi phẫu thuật - Chất liệu: Tay cầm bằng nhựa tổng hợp, phần hoạt động bằng thép không gỉ - Kích thước: phần hoạt động là phần kim loại đường kính 2,9mm gấp góc, khoảng cách từ đầu đốt tới chỗ gấp góc là 42.6mm. Độ dài đầu đốt là 10,5mm. Đường kính đầu đốt là 1,3 mm, đầu đốt mỏng, nhọn, trơn để đưa vào trong cuống mũi, có 2 vạch chia màu cam để đo độ sâu, không có kênh dẫn nước, không có kênh hút. - Các bộ phận khác đi kèm: dây nối máy(gắn liền với tay cầm và phần hoạt động). - Tương thích với máy Coblator II - Đóng gói tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE/FDA - Hoặc tương đương loại Reflex Ultra PTR	Hộp/1 bộ	Bộ	10
193	N07.03.070	4	Đầu dò cắt, đốt và nạo VA	Đầu dò cắt, đốt và nạo VA bằng điện lưỡng cực ở tần số radio tạo nhiệt độ thấp 40 - 70 độ C nơi phẫu thuật - Tay cầm bằng nhựa tổng hợp, phần hoạt động có trục làm việc bằng thép không gỉ - Phần hoạt động có thể uốn cong dài khoảng 15cm, đầu gấp góc nhẹ để dễ quan sát, kèm theo một kênh dẫn nước và một kênh hút. Đầu ngoài cùng có điện cực dạng mạng lưới thẳng được tách biệt bằng ceramic. - Hệ thống phân phối đường nước muối riêng. Có 3 lỗ bơm và thoát nước cách đầu điện cực khoảng 1,5cm. - Các bộ phận khác đi kèm: Dây truyền dịch, dây hút dịch, dây nối máy(gắn liền với tay cầm và phần hoạt động). - Tương thích với máy Coblator II - Đóng gói tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE/FDA - Hoặc tương đương loại Procise Max	Hộp/1 bộ	Bộ	20
194	N07.03.070	4	Đầu dò đốt màn hầu	Đầu dò đốt màn hầu bằng điện lưỡng cực ở tần số radio tạo nhiệt độ thấp 40 - 70 độ C nơi phẫu thuật - Chất liệu: Tay cầm bằng nhựa tổng hợp, phần hoạt động làm bằng thép không gỉ - Phần hoạt động gấp góc 55 độ thuận lợi để tiếp cận màn hầu, Không có kênh dẫn nước hay kênh hút. Đầu ngoài cùng nhỏ, gọn để dễ xâm nhập mô - Các bộ phận khác đi kèm: Dây truyền dịch, dây hút dịch, dây nối máy(gắn liền với tay cầm và phần hoạt động) - Tương thích với máy Coblator II - Đóng gói tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE/FDA - Hoặc tương đương loại Reflex Ultra 55	Hộp/1 bộ	Bộ	5
195	N07.03.240	4	Dây điện cực đen	Dây điện cực đen dùng trong phẫu thuật kích thích thần kinh sọ não - Thiết kế: Cấp 1 đầu touch-proof 1.5mm, 1 đầu cắm banana 2mm. - Chiều dài: 1.2m - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE - Tương thích máy kích thích dòng điện 1 chiều Neurostim - Tương đương với Black cable	10 cái/gói	Cái	20
196	N07.03.240	4	Dây điện cực đỏ	Dây điện cực đỏ dùng trong phẫu thuật kích thích thần kinh sọ não - Thiết kế: Cấp 1 đầu touch-proof 1.5mm, 1 đầu cắm banana 2mm. - Chiều dài: 1.2m - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE - Tương thích máy kích thích dòng điện 1 chiều Neurostim - Tương đương với Red cable	10 cái/gói	Cái	20
197	N07.03.240	4	Miếng xốp đựng điện cực	Miếng xốp đựng điện cực dùng trong phẫu thuật kích thích thần kinh sọ não - Chất liệu: bọt biển - Kích thước: 60x80mm - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE - Tương thích máy kích thích dòng điện 1 chiều Neurostim - Tương đương với Spontex holding bags	10 cái/gói	Cái	20
198	N07.03.240	4	Electrode dùng trong phẫu thuật kích thích thần kinh sọ não	Electrode dùng trong phẫu thuật kích thích thần kinh sọ não - Chất liệu: silicon - Kích thước: 50x50mm với socket cắm 2mm - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE - Tương thích máy kích thích dòng điện 1 chiều Neurostim - Tương đương với Reusable silicone electrode	4 cái/gói	Cái	8
199	N07.03.240	4	Nút gài dây cao su	Nút gài dây cao su dùng trong phẫu thuật kích thích thần kinh sọ não - Chất liệu: nhựa - Kích thước: đường kính 2cm - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO - Tương thích máy kích thích dòng điện 1 chiều Neurostim - Tương đương với Spare replacement button	20 cái/gói	Cái	20

STT	Mã thông tư 04	Phân nhóm TT 14	Tên danh mục	Yêu cầu đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
200	N07.03.240	4	Dây cố định điện cực kèm nút gài	Dây cố định điện cực kèm nút gài dùng trong phẫu thuật kích thích thần kinh sọ não - Chất liệu: cao su - Chiều dài: 750mm - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO - Tương thích máy kích thích dòng điện 1 chiều Neurostim - Tương đương với Rubber band with button	1 cái/gói	Cái	8
201	N07.04.010	4	Sợi quang học Fiber dùng trong phẫu thuật trĩ	Sợi quang học Fiber dùng trong phẫu thuật trĩ, - Bảng silicat, chiều dài 3.0m ± 0.2 m, đường kính lõi 600 µm, có 1 đầu nối chuẩn SMA 905 kết nối với đai ốc và nắp bảo vệ bằng nhựa PVC. - Đầu hướng tâm, đoạn cuối sợi quang có nắp bằng thạch anh cứng có đường kính khoảng 1-1,2mm, có đầu mở 6mm trong suốt, có mũi nhọn hình chóp, - Tiệt khuẩn, - Tiêu chuẩn ISO/CE/FDA, - Hỗ trợ đặt máy tại bệnh viện	hộp/ cái	Cái	3
202	N07.04.070	3	Lưới nhẹ dùng trong điều trị thoát vị vùng bẹn mô nội soi, bằng polypropylene, định hình 3D	Lưới nhẹ dùng trong điều trị thoát vị vùng bẹn mô nội soi - Chất liệu polypropylene (PP) - Kích thước ngang 10-12cm, dọc 13-15cm - Trọng lượng 35-50 g/cm2 - Kích thước lỗ: 1-3mm - Khả năng chịu lực: ≥ 16N/cm, - Độ đàn hồi: > 20% - Không dệt - Định hình 3D - Đóng gói: riêng rẽ, không gấp đôi, tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: CE/ FDA	Hộp/ 5 miếng	Miếng	55
203	N07.04.070	3	Tấm nâng điều trị sa tạng chậu qua ngã âm đạo bằng polypropylene	Tấm nâng điều trị sa tạng chậu qua ngã âm đạo - Chất liệu bằng polypropylene, - Trọng lượng lưới 19.2g/m2 - Thiết kế: độ xốp cao 93%, mắt lưới cấu trúc lục giác và rộng 1,9mm, kích thước khe hở 100-150µm, lực kéo sợi lưới 16N/cm, 2 bộ tải istitch PET 0 W, 5 bộ tải istitch PET 0 G. - Tiêu chuẩn chất lượng ISO/ CE/ FDA	Hộp /1 miếng	Miếng	20
204	N07.04.070	3	Tấm nâng điều trị tiểu không tự chủ gia cố sản âm đạo bằng polypropylene	Tấm nâng điều trị tiểu không tự chủ gia cố sản âm đạo - Chất liệu bằng polypropylene - Trọng lượng lưới 21g/m2 - Kích thước: dài 450mm - Thiết kế: độ xốp cao 93%, mắt lưới cấu trúc lục giác và rộng 1,9mm, kích thước khe hở 100-150µm, lực kéo sợi lưới 16N/cm. - Tiêu chuẩn chất lượng ISO/ CE/ FDA	Hộp /1 miếng	Miếng	30
205	N07.04.070	3	Tấm nâng dùng trong điều trị sa bàng quang bằng Polyvinylidene Fluoride, cỡ 7x6cm	Tấm nâng dùng trong điều trị sa bàng quang - Chất liệu: 100% Polyvinylidene Fluoride (PVDF) - Kích thước: 7 x 6cm - Thông số kỹ thuật: * Tỷ lệ lỗ lưới hiệu quả: 68% * Phản ứng bề mặt: 1.9 m2/m2 * Độ bền tối ưu: 58 N/cm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng ISO/ CE/ FDA	Hộp /1 miếng	Miếng	20
206	N07.04.090	3	Kìm gấp dị vật dùng để lấy dị vật trong nội soi tiêu hóa, bằng nhựa và kim loại	Kìm gấp dị vật dùng để lấy dị vật trong nội soi tiêu hóa, - Bảng nhựa và kim loại, chiều dài 1600mm -1650mm, độ mở rộng ngàm ≤ 14.9mm, - Kèm kim loại tích hợp tay cầm, vỏ cách điện, ngàm răng chuốt kết hợp răng cá sấu. - Đường kính kênh dụng cụ tối thiểu 2,8mm, - Tiệt khuẩn, - Tiêu chuẩn ISO/ CE, - Tương thích ống soi Olympus tại bệnh viện	1 cái/ hộp	Cái	2
207	N07.04.090	3	Dụng cụ cắt lạng thất polyp dùng để cắt đoạn cuối phần dây nylon dư ra sau thủ thuật thất polyp bằng lạng thất	Dụng cụ cắt lạng thất polyp dùng để cắt đoạn cuối phần dây nylon dư ra sau thủ thuật thất polyp bằng lạng thất, - Bảng nhựa và kim loại, - Chiều dài làm việc 1950mm- 2300mm, dụng cụ đã tích hợp với tay cầm nhựa, có thể tái sử dụng, - Đường kính kênh dụng cụ tối thiểu 2.8 mm, - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/ CE, - Tương thích ống soi Olympus tại Bệnh viện	2 cái/ hộp	Cái	2

STT	Mã thông tư 04	Phân nhóm TT 14	Tên danh mục	Yêu cầu đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
208	N07.04.100	3	Rọ bắt sỏi dùng cho phẫu thuật tán sỏi thận qua da	Rọ bắt sỏi dùng cho phẫu thuật tán sỏi thận qua da - Chất liệu nitinol - Đường kính rọ 1.9-> 3Fr, dài 90-> 120cm, đường kính ngoài 12->16mm - Tiêu chuẩn CE/FDA	Hộp/ 1 cái	Cái	4
209	N07.04.100	3	Lọng thắt dùng thắt cầm máu trước thủ thuật cắt poly trong nội soi tiêu hóa	Lọng thắt dùng thắt polyp có cuộn trước khi thực hiện thủ thuật cắt polyp trong nội soi tiêu hóa - Bảng nylon, chiều dài làm việc 1950mm - 2.300mm, đường kính lọng thắt ≤ 30mm, lọng thắt đã lắp sẵn với tay cầm. - Đường kính kênh tối thiểu 2.8mm - Tiết khuẩn, - Tiêu chuẩn ISO/ CE, - Tương thích ống soi Olympus tại bệnh viện	5 cái/ hộp	Cái	240
210	N07.05.020	3	Ống thông hai đầu cong hình chữ J bằng polyurethan, cỡ 6, 7, 8Fr, dài 15cm	Ống thông hai đầu cong hình chữ J dùng để đặt nang niệu quản, ghép thận - Chất liệu: bằng Polyurethan trơn láng, mềm, - Kích cỡ: 6, 7, 8Fr, dài 15cm - Thiết kế đầu mở, cân quang, kèm cây đẩy - Thời gian đặt lưu trong cơ thể lâu từ 6 -12 tháng, dẫn lưu tốt, không gây kích ứng người bệnh - Tiêu chuẩn CE	Gói/1 cái	Cái	20
211	N07.06.040	3	Vít tự tiêu sinh học cố định dây chằng chéo có phủ Hydroxyapatite (HA) loại ren cùn, rỗng ruột	Vít tự tiêu sinh học cố định dây chằng chéo có phủ Hydroxyapatite (HA) loại ren cùn, rỗng ruột dùng trong nội soi tái tạo dây chằng chéo khớp gối, cố định dây chằng vào đầu đường hầm xương chày hoặc xương đùi. - Chất liệu: sinh học tự tiêu PLLA (Poly-L-Lactic Acid) kết hợp với Hydroxyapatite (HA) kích thích mọc xương và giúp liền xương nhanh hơn - Kích thước: đường kính 7, 8, 9, 10, 11 mm; chiều dài 20, 25, 30, 35mm. - Thiết kế: Ren cùn, đường kính rỗng giữa 1.5mm không gây tổn thương cho dây chằng - Đóng gói tiết khuẩn - Tiêu chuẩn: ISO/CE/FDA - Hoặc tương đương loại BIORCI HA	Gói/1 cái	Cái	15
212	N07.06.040	4	Bộ nẹp vít đầu trên xương chày, vít khóa đa hướng, lỗ khóa đôi toàn bộ thân nẹp	Bộ nẹp vít đầu trên xương chày, vít khóa đa hướng, lỗ khóa đôi toàn bộ thân nẹp. - Chất liệu : Titanium - Kích thước : Thân có từ 2 đến 14 lỗ, chiều dài khoảng từ 100mm đến 310mm, bên trái và phải riêng biệt. - Thiết kế : Nẹp khóa có lỗ vít đa hướng, lỗ khóa đôi trên toàn bộ thân nẹp. Đầu nẹp có 5 lỗ khóa - Vít khóa 5.0mm, vít khóa đa hướng 5.0mm, vít xương cứng 4.5mm, vít chêm 5.0mm - Bộ gồm : 1 nẹp + 8 vít khóa + 2 vít vò - Tiết khuẩn - Đạt tiêu chuẩn : ISO, CE	Gói/1 cái	Cái	6
213	N07.06.040	3	Vít chỉ neo khâu chóp xoay, đường kính 5.5mm, bằng PLLA, thiết kế răng liên tục toàn thân vít, đầu tù	Vít chỉ neo khâu chóp xoay dùng cho phẫu thuật nội soi - Chất liệu: Poly (l-lactic acid)(PLLA) - Kích thước: đường kính 5.5 mm dài 14.7 mm - Thiết kế: 2 sợi chỉ siêu bền số 2 khác màu để nhận biết. Răng liên tục trên toàn bộ thân vít. Đầu cắt tù tránh cắt vào chỉ khâu - Tiêu chuẩn: ISO/CE/FDA Tương đương Vít neo khớp vai, bằng PLLA	Gói/1 cái	Cái	80
214	N07.06.040	3	Nẹp đầu dưới xương chày, lỗ khóa đơn hình tròn	Nẹp đầu dưới xương chày - Chức năng: Cố định mặt ngoài đầu dưới xương chày - Chất liệu: Titanium TiAl6V4 99,6% - Kích thước: Độ dày nẹp: 2.8 đến 4.0 mm, bề rộng đầu nẹp: 22 đến 26.5 mm, bề rộng thân nẹp: 15.0 đến 15.5mm - Thiết kế: Lỗ vít khóa hình tròn, phù hợp với chiều cong sinh lý của xương. Đủ cỡ từ 5 đến 13 lỗ. - Tương thích với vít khóa từ hợp kim TiAl6V4, đường kính từ 3.5; 4.5; 5.5 mm cùng hãng - Tiêu chuẩn: ISO/CE/FDA	Gói/1 cái	Cái	8

STT	Mã thông tư 04	Phân nhóm TT 14	Tên danh mục	Yêu cầu đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
215	N07.06.040	3	Nẹp khóa đầu dưới xương quay mặt lòng, lỗ khóa đơn hình tròn	Nẹp khóa đầu dưới xương quay mặt lòng - Chức năng: Cố định xương gãy đầu dưới xương quay - Chất liệu: Titanium TiAl6V4 nguyên chất 99,6% - Kích thước: Độ dày đầu nẹp: 3.0 mm, bề dày phần thân nẹp: 2.3mm - Thiết kế: Thiết kế phù hợp với chiều cong sinh lý của xương. Lỗ khóa đơn hình tròn, đủ cỡ từ 3 đến 12 lỗ - Tương thích vít khóa TiAl6V4, đường kính 3.5 mm. Sử dụng vít cùng hãng. - Tiêu chuẩn: ISO/CE/FDA	Gói/1 cái	Cái	20
216	N07.06.040	3	Nẹp khóa đầu trên xương cánh tay, lỗ khóa đơn hình tròn	Nẹp khóa đầu trên xương cánh tay - Chức năng: Cố định đầu trên xương cánh tay - Chất liệu: titanium TiAl6V4 99,6% - Kích thước: Độ dày nẹp: 4.0 mm, bề rộng đầu nẹp: 23.4 mm, bề rộng thân nẹp: 15.5 mm - Thiết kế: Lỗ vít khóa đơn hình tròn. Thiết kế phù hợp với chiều cong sinh lý của xương. Đủ cỡ từ 5 đến 18 lỗ. Sử dụng vít cùng hãng - Loại vít sử dụng: Vít khóa TiAl6V4, đường kính 4.5 mm và 5.5 mm. - Tiêu chuẩn: ISO/CE/FDA	Gói/1 cái	Cái	6
217	N07.06.040	3	Nẹp khóa lồng máng, lỗ khóa đơn hình tròn	Nẹp khóa lồng máng - Chức năng: Cố định xương - Chất liệu: Titanium TiAl6V4 99,6% - Kích thước: Độ dày: 2.0 mm, bề rộng: 9.0 mm - Thiết kế: Lỗ vít khóa đơn hình tròn, Thiết kế phù hợp với chiều cong sinh lý của xương. Đủ cỡ từ 6 đến 12 lỗ (khoảng cách giữa các lỗ: 12.0 mm) - Loại vít sử dụng: vít khóa TiAl6V4: đường kính 3.5 mm. Tương thích vít cùng hãng - Tiêu chuẩn: ISO/CE/FDA	Gói/1 cái	Cái	10
218	N07.06.040	3	Nẹp khóa mắt cá chân, lỗ khóa đơn hình tròn	Nẹp khóa mắt cá chân - Chức năng: Cố định xương mắt cá - Chất liệu: Titanium TiAl6V4 99,6% - Kích thước: Độ dày nẹp: 2.5 mm, bề rộng đầu nẹp: 16.1 mm, bề rộng thân nẹp: 9.7 mm - Thiết kế: Lỗ vít khóa hình tròn, Thiết kế phù hợp với chiều cong sinh lý của xương. Đủ cỡ từ 5 đến 9 lỗ (khoảng cách giữa các lỗ: 12.0 mm) - Loại vít sử dụng: Vít khóa TiAl6V4: đường kính 3.5 mm. Tương thích vít cùng hãng - Tiêu chuẩn: ISO/CE/FDA	Gói/1 cái	Cái	10
219	N07.06.040	3	Nẹp khóa xương cẳng tay, lỗ khóa đơn	Nẹp khóa xương cẳng tay - Chức năng: Cố định xương trụ, quay - Chất liệu: Titanium nguyên chất 99,6% - Kích thước: Đủ cỡ từ 3 đến 12 lỗ. Độ dày nẹp: 3.4 mm, bề rộng nẹp: 11.1 mm - Thiết kế: Lỗ vít khóa hình tròn, thiết kế phù hợp với chiều cong sinh lý của xương. - Tương thích vít khóa TiAl6V4 cùng hãng, đường kính 3.5 mm - Tiêu chuẩn: ISO/CE/FDA	Gói/1 cái	Cái	16
220	N07.06.040	3	Nẹp khóa xương cánh tay (bàn hẹp), lỗ khóa đơn hình tròn	Nẹp khóa xương cánh tay (bàn hẹp) - Chức năng: Cố định xương cánh tay - Chất liệu: titanium TiAl6V4 99,6% - Kích thước: Độ dày nẹp: 4.2 mm, bề rộng nẹp: 13.5 mm - Thiết kế: Lỗ vít khóa hình tròn, Thiết kế phù hợp với chiều cong sinh lý của xương, có nẹp mặt ngoài và mặt trong. Đủ cỡ từ 6 đến 14 lỗ. Sử dụng vít cùng hãng - Loại vít sử dụng: Vít khóa TiAl6V4, đường kính 4.5 mm. - Tiêu chuẩn: ISO/CE/FDA	Gói/1 cái	Cái	10
221	N07.06.040	3	Nẹp khóa xương đòn, lỗ khóa đơn hình tròn	Nẹp khóa xương đòn - Chức năng: Cố định xương đòn - Chất liệu: Titanium TiAl6V4 99,6% - Kích thước: Độ dày nẹp: 3.5 mm, bề rộng nẹp: 10.0 mm, - Thiết kế: Lỗ vít khóa hình tròn, thiết kế phù hợp với chiều cong sinh lý của xương. Đủ cỡ từ 6 đến 9 lỗ. Sử dụng vít cùng hãng - Loại vít sử dụng: Vít khóa làm từ hợp kim TiAl6V4: đường kính 3.5 mm. - Tiêu chuẩn: ISO/CE/FDA	Gói/1 cái	Cái	30
222	N07.06.040	3	Vít khóa đường kính 4,5 mm	Vít khóa bắt vào nẹp khóa cố định xương - Chất liệu: hợp kim TiAl6V4, - Thiết kế: vít khóa bắt vào xương cứng, sử dụng với nẹp tương đương cùng hãng - Kích thước: độ dài: 12 - 85 mm, đường kính 4.5mm - Tiêu chuẩn: ISO/CE/FDA - Hoặc tương đương vít khóa D	Gói/1 cái	Cái	280

STT	Mã thông tư 04	Phân nhóm TT 14	Tên danh mục	Yêu cầu đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
223	N07.06.040	3	Vít vò đường kính 4.5mm	Vít vò - Chức năng: Bắt vào nẹp khóa cố định xương - Chất liệu: hợp kim TiAl6V4, - Thiết kế: vít vò bắt vào xương cứng, sử dụng với nẹp tương đương cùng hãng Intercus - Kích thước: độ dài: 12-> 85 mm, đường kính 4.5mm - Tiêu chuẩn: ISO/CE/FDA - Hoặc tương đương vít vò D	Gói/1 cái	Cái	195
224	N07.06.040	3	Vít vò đường kính 3.5mm	Vít vò - Chức năng: Bắt vào nẹp khóa cố định xương - Chất liệu: hợp kim TiAl6V4, - Thiết kế: vít vò bắt vào xương cứng, sử dụng với nẹp tương đương cùng hãng Intercus - Kích thước: độ dài: 12 ->50 mm, đường kính 3.5mm - Tiêu chuẩn: ISO/CE/FDA - Hoặc tương đương vít vò D	Gói/1 cái	Cái	245
225	N07.06.040	3	Vít xoắn đường kính 5.5mm	Vít xoắn - Chức năng: Bắt vào nẹp khóa cố định xương - Chất liệu: hợp kim TiAl6V4, - Thiết kế: vít xoắn khóa bắt vào xương cứng, sử dụng với nẹp tương đương cùng hãng - Kích thước: độ dài: 30 -> 90 mm, đường kính 5.5mm - Tiêu chuẩn: ISO/CE/FDA - Hoặc tương đương vít xoắn D	Gói/1 cái	Cái	300
226	N07.06.040	3	Đinh nội tuỷ thân xương dài, đường kính 7-> 12mm	Đinh nội tuỷ cố định gãy thân xương dài - Chất liệu: Thép không gỉ - Kích thước: Đường kính đinh từ 7mm đến 12mm, chiều dài đinh từ 190mm đến 420mm. - Thiết kế: Đinh đặc có 2-4 lỗ bắt vít (2 lỗ bắt đầu gần, 2 lỗ bắt đầu xa hoặc cấu tạo mũi khế), đinh gấp góc ở đầu gần. Đầu xa thuôn nhọn. - Tiêu chuẩn: ISO/CE/FDA - Dùng với vít chốt đinh nội tuỷ cùng hãng - Hoặc tương đương đinh chốt loại SIGN	Gói/1 cái	Cái	8
227	N07.06.040	6	Vít cột sống lưng đa trục hệ thống khóa đôi dùng trong phẫu thuật cột sống qua da, đường kính trong 1.7mm	Vít cột sống lưng đa trục dùng trong phẫu thuật bắt vít qua da ở cột sống ngực, lưng - Chất liệu: Titanium - Đường kính trong 1.7mm. - Thiết kế: đa trục, hệ thống khóa đôi có vòng đệm dưới cùng của đầu vít. - Tương thích với vít khoá trong dùng trong phẫu thuật bắt vít qua da cùng hãng. - Tiêu chuẩn: ISO/CE/FDA - Tương đương loại ANYPLUS	Gói/1 cái	Cái	80
228	N07.06.040	6	Nẹp dọc cột sống lưng, dài 400mm, đường kính 6.0mm	Nẹp dọc cột sống lưng - Chất liệu Titanium . - Đường kính 6.0mm, dài 400 mm, - Tương thích với vít có 2 loại ren bên và ren tù trên cùng 1 con vít. - Tiết kiệm - Tiêu chuẩn: ISO/CE/FDA - Tương đương loại GSS	Gói/1 cái	Cái	20
229	N07.06.040	6	Nẹp cột sống cổ lõi trước kèm vít khóa, ngang 1.7mm, dài 19 -> 80mm	Nẹp cột sống cổ lõi trước kèm vít khóa dùng trong phẫu thuật cột sống cổ lõi trước - Chất liệu: Titanium - Kích thước: ngang 1.7mm, dài 19-> 80mm - Thiết kế: Nẹp được uốn cong, lực khóa vít 126N. - Tiêu chuẩn: ISO/CE/FDA - Tương đương nẹp cổ CastleLoc-P	Gói/1 cái	Cái	20
230	N07.06.040	3	Vít cột sống cổ lõi trước đa hướng dùng kèm nẹp cổ trước có vòng khóa	Vít cột sống cổ lõi trước đa hướng dùng trong phẫu thuật cột sống cổ lõi trước - Chất liệu: Hợp kim Titan (Ti-6Al-4V ELI) - Đường kính vít: 4.0mm và 4.5mm, chiều dài: 12 -> 18mm mỗi bước tăng 2mm - Thiết kế: Vít đa hướng, có rãnh tự tạo ren. Vít được sơn tĩnh điện các màu khác nhau cho kích thước khác nhau. - Tương thích nẹp cổ trước có vòng khoá cùng hãng. - Tiêu chuẩn: ISO/CE/FDA - Tương đương vít đa hướng cổ lõi trước uNion	Gói/1 cái	Cái	40

Handwritten signature

STT	Mã thông tư 04	Phân nhóm TT 14	Tên danh mục	Yêu cầu đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
231	N07.06.040	3	Nẹp cột sống cổ trước có vòng khóa 1 tầng, dài 12-> 26mm	Nẹp cột sống cổ trước có vòng khóa 1 tầng dùng trong phẫu thuật cột sống cổ lồi trước - Chất liệu: Hợp kim Titan (Ti-6Al-4V ELI) - Kích thước: dài 12 -> 26mm, dày 2.0mm, chỗ rộng nhất là 16.5mm và nhỏ nhất là 14.5mm - Thiết kế: Nẹp cổ có vòng khóa xoay 1/4 vòng để khóa vít. Nẹp có cửa sổ, - Tương thích vít đơn và đa hướng cùng hãng - Tiêu chuẩn: ISO/CE/FDA - Tương đương loại uNion	Gói/1 cái	Cái	5
232	N07.06.040	3	Nẹp cột sống cổ trước có vòng khóa 2 tầng, dài 24-> 46mm	Nẹp cột sống cổ trước có vòng khóa 2 tầng dùng trong phẫu thuật cột sống cổ lồi trước - Chất liệu: Hợp kim Titan (Ti-6Al-4V ELI) - Kích thước: dài 24 -> 46mm, dày 2.0mm, chỗ rộng nhất là 16.5mm và nhỏ nhất là 14.5mm - Thiết kế: Nẹp cổ có vòng khóa xoay 1/4 vòng để khóa vít. Nẹp có cửa sổ, - Tương thích vít đơn và đa hướng cùng hãng - Tiêu chuẩn: ISO/CE/FDA - Tương đương loại uNion	Gói/1 cái	Cái	5
233	N07.06.040	3	Nẹp cột sống cổ trước có vòng khóa 3 tầng, dài 39-> 69mm	Nẹp cột sống cổ trước có vòng khóa 3 tầng dùng trong phẫu thuật cột sống cổ lồi trước - Chất liệu: Hợp kim Titan (Ti-6Al-4V ELI) - Kích thước: dài 39 -> 69mm, dày 2.0mm, chỗ rộng nhất là 16.5mm và nhỏ nhất là 14.5mm - Thiết kế: Nẹp cổ có vòng khóa xoay 1/4 vòng để khóa vít. Nẹp có cửa sổ, - Tương thích vít đơn và đa hướng cùng hãng - Tiêu chuẩn: ISO/CE/FDA - Tương đương loại uNion	Gói/1 cái	Cái	5
234	N07.06.040	3	Nẹp cột sống cổ trước có vòng khóa 4 tầng, dài 60-> 84mm	Nẹp cột sống cổ trước có vòng khóa 4 tầng dùng trong phẫu thuật cột sống cổ lồi trước - Chất liệu: Hợp kim Titan (Ti-6Al-4V ELI) - Kích thước: dài 60 -> 84mm, dày 2.0mm, chỗ rộng nhất là 16.5mm và nhỏ nhất là 14.5mm - Thiết kế: Nẹp cổ có vòng khóa xoay 1/4 vòng để khóa vít. Nẹp có cửa sổ, - Tương thích vít đơn và đa hướng cùng hãng - Tiêu chuẩn: ISO/CE/FDA - Tương đương loại uNion	Gói/1 cái	Cái	3
235	N07.06.040	3	Vít chấm cổ đường kính 5.0mm, dài 6-> 16mm, tương thích nẹp chấm cổ	Vít chấm cổ dùng trong phẫu thuật cổ định cột sống cổ lồi sau đoạn cổ cao - Chất liệu hợp kim titanium. - Đường kính 5.0mm, dài 6-> 16mm. - Tự tạo ren. - Tương thích với nẹp chấm cổ cùng hãng - Tiêu chuẩn: ISO/CE/FDA - Tương đương vít chấm Neon	Gói/1 cái	Cái	25
236	N07.06.040	3	Kim chuyển đổi vít đa trục bơm xi măng	Kim chuyển đổi vít bơm xi măng dùng trong phẫu thuật cột sống ngực, lưng - Chất liệu: titanium - Thiết kế: Hình que, - Tương thích với vít bơm xi măng qua da cùng hãng - Tương đương loại uCentum - Tiêu chuẩn: ISO/CE/FDA	Gói/1 cái	Cái	40
237	N07.06.040	3	Vít khóa trong vít đa trục bơm xi măng, có rãnh mũ vít hình vuông bắt qua da trong phẫu thuật cột sống	Vít khóa trong vít bơm xi măng dùng trong phẫu thuật cột sống lưng, ngực có bơm xi măng qua da - Chất liệu hợp kim titanium . - Thiết kế: hình lục giác, bước ren ngang với góc mở 12 độ và chiều rộng của bước ren là 0.48± 0.05mm. - Tương thích với vít đa trục bơm xi măng, có rãnh mũ vít hình vuông cùng hãng - Tiêu chuẩn: ISO/CE/FDA - Tương đương vít khóa trong uCentum.	Gói/1 cái	Cái	200
238	N07.06.040	3	Vít khóa trong cho vít cột sống lưng cổ định kép rãnh mũ vít hình vuông	Vít khóa trong cột sống lưng dạng khóa kép dùng trong phẫu thuật cột sống thắt lưng - Chất liệu: titanium - vít khóa trong dạng khóa kép, dạng vít lồng trong vít. Vít trong siết bởi dụng cụ có trợ lực 6Nm, vít ngoài siết bởi trợ lực 9Nm. vít khóa trong có bước ren ngang với góc mở 12 độ và chiều rộng của bước ren là 0.48± 0.05mm vít khóa trong có lỗ hình lục giác - Tương thích với vít cột sống lưng cổ định kép cùng hãng - Tiêu chuẩn: ISO/CE/FDA - Tương đương loại uCentum.	Gói/1 cái	Cái	80

STT	Mã thông tư 04	Phân nhóm TT 14	Tên danh mục	Yêu cầu đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
239	N07.06.040	3	Vít cột sống lưng đa trục có rãnh mặt trong mũ vít hình vuông, đường kính 4.5-> 10mm, dài 25 -> 60mm	vít cột sống lưng đa trục có rãnh mặt trong mũ vít hình vuông dùng trong phẫu thuật cột sống lưng, ngực - Chất liệu: Titanium - Đường kính vít các cỡ 4.5; 5.5; 6.5; 7.5; 8.5; 10.0mm, dài từ 25 đến 60mm (mỗi size tăng 5mm). - Thiết kế: Đa trục, tự tạo ren, góc xoay $\pm 30^\circ$, đầu vít thon hình nón. Trên mũ vít có rãnh mặt trong hình vuông cách nhau 0.51 ± 0.05mm. Mũ vít mỏng, thấp 16.6mm, bước ren vít 2.5mm, góc giữa hai vòng ren là 62°. - Tương thích với vít khoá trong cùng hãng. - Tiêu chuẩn: ISO/CE/FDA - Tương đương loại uCentum	Gói/1 cái	Cái	140
240	N07.06.040	3	Vít đơn trục cột sống có rãnh mặt trong mũ vít hình vuông, đường kính 4.5-> 10mm, dài 25 -> 60mm	Vít đơn trục có rãnh mặt trong mũ vít hình vuông dùng trong phẫu thuật cột sống lưng, ngực - Chất liệu: Titanium - Đường kính 4.5-> 10.0mm, dài 25 -> 60mm (mỗi size tăng 5mm). - Đơn trục, tự tạo ren, đầu vít thon hình nón. Trên mũ vít có rãnh mặt trong hình vuông cách nhau 0.51 ± 0.05mm. Mũ vít mỏng, thấp 16.6mm, bước ren vít 2.5mm, góc giữa hai vòng ren là 62°. - Tiêu chuẩn: ISO/CE/FDA - Tương đương loại uCentum	Gói/1 cái	Cái	20
241	N07.06.040	3	Nẹp kèm vít khoá nổi, tương thích vít xương chậu rộng nông đầu mũi thấp	Nẹp kèm vít khoá nổi dùng trong phẫu thuật bắt vít xương chậu. - Chất liệu hợp kim titanium - Vít nổi với vít xương chậu tạo góc xoay $\pm 8^\circ$ - Tương thích vít xương chậu rộng nông đầu mũi thấp cùng hãng - Tiêu chuẩn: ISO/CE/FDA - Tương đương loại uBase	Gói/1 cái	Cái	20
242	N07.06.040	3	Nẹp gắn liền đĩa đệm cột sống cổ, dài 25mm, tương thích vít đa trục cột sống cổ lõi trước	Nẹp gắn liền đĩa đệm cột sống cổ dùng trong phẫu thuật cột sống cổ lõi trước - Chất liệu gồm PEEK và titanium. - Dây 1mm, dài 25mm, rộng 7.5mm, có 2 lỗ để bắt vít. - Thiết kế: dày của răng cưa: 0.5mm. - Bên trong có khoang chứa xương, kích thước * Sâu 12 x rộng 15 x cao (5-6-7) mm (khoảng cách từ thành tường phía trước đến điểm đánh dấu là 0.95mm và khoảng cách từ thành tường phía sau đến điểm đánh dấu là 1.3mm); * Sâu 14mm x rộng 17mm x cao (5-6-7) mm (khoảng cách từ thành tường phía trước đến điểm đánh dấu là 1.2mm và khoảng cách từ thành tường phía sau đến điểm đánh dấu là 1.75mm) - Tương thích với vít cột sống cổ lõi trước cùng hãng - Tiêu chuẩn: ISO/CE/FDA - Tương đương loại TRYPTIK MC	Gói/1 cái	Cái	10
243	N07.06.040	3	Vít cột sống lưng đa trục cổ cao dùng trong phẫu thuật chỉnh gù vẹo cột sống thắt lưng	Vít cột sống lưng đa trục cổ cao dùng trong phẫu thuật chỉnh gù vẹo cột sống thắt lưng - Chất liệu: titanium - Đường kính 5.5/ 6.5/ 7.5mm, dài 30-> 55mm - Thiết kế: cổ vít cao, kéo dài 28.5mm, dạng đa trục, góc vít có thể xoay nhiều hướng, tâm hoạt động $\pm 30^\circ$ (Tổng cộng 60°), hỗ trợ khoá cố định vít. Mũi vít cùn, ren dẫn đường kép. Đường kính ren cố định. - Tiêu chuẩn: ISO/CE/FDA - Tương đương loại REVERE	Gói/1 cái	Cái	40
244	N07.06.040	3	Vít trượt cột sống lưng đơn trục cổ cao, đường kính 5.5/6.5/7.5mm, dài 30 -> 55mm	Vít trượt cột sống lưng đơn trục cổ cao dùng trong phẫu thuật chỉnh gù vẹo cột sống thắt lưng - Chất liệu: titanium - Đường kính 5.5/ 6.5/ 7.5mm, dài 30-> 55mm - Thiết kế: Vít đơn trục, cổ vít cao, kéo dài 28.5mm, hỗ trợ khoá cố định vít. Mũi vít cùn, ren dẫn đường kép. Đường kính ren cố định. - Tương thích với vít khoá trong cùng hãng - Tiêu chuẩn: ISO/CE/FDA - Tương đương loại Vít trượt đơn trục loại cổ cao REVERE	Gói/1 cái	Cái	20
245	N07.06.040	3	Nẹp maxi cố định xương gãy vùng hàm mặt 26 lỗ	Nẹp maxi cố định xương gãy vùng hàm mặt - Chất liệu: titanium - Kích thước: Dây 2.0-2.6mm. Khoảng cách từ tâm lỗ đầu đến tâm lỗ cuối là 185,48mm - Cấu tạo: hình chữ L trái/ phải, 26 lỗ (5 lỗ+21 lỗ) - Chịu được tiệt khuẩn khô, hơi nước, nhiệt độ cao (134°) - Tương thích vít 2.4mm, - Tiêu chuẩn ISO - Hỗ trợ dụng cụ khi Bệnh viện có yêu cầu - Tương đương Osteonic	Gói / 1 cái	Cái	3

STT	Mã thông tư 04	Phân nhóm TT 14	Tên danh mục	Yêu cầu đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
246	N07.06.040	3	Nẹp Maxi cố định xương gãy vùng hàm mặt	- Chất liệu: titanium - Kích thước: Dày 2.0-2.6mm. Khoảng cách từ tâm lỗ đầu đến tâm lỗ cuối là 137,48mm - Cấu tạo: hình chữ L trái/ phải, 20 lỗ (5 lỗ+15 lỗ) - Chịu được tiết khuẩn khô, hơi nước, nhiệt độ cao (134 độ) - Tương thích vít 2.4mm, - Tiêu chuẩn ISO - Hỗ trợ dụng cụ khi Bệnh viện có yêu cầu - Tương đương Osteonic	Gói / 1 cái	Cái	5
247	N07.06.040	3	Vít Maxi cố định xương hàm mặt	- Vít đường kính 2.4mm, dài 8-10-12-14-16-18-20mm loại khoan trước. Vít có góc 60° dễ vặn. - Tương thích với mũi khoan 2.0mm và nẹp cùng hãng - Chịu được tiết khuẩn khô, hơi nước, nhiệt độ cao (134 độ) - Tiêu chuẩn ISO - Hỗ trợ dụng cụ khi Bệnh viện có yêu cầu	Gói / 10 cái	Cái	46
248	N07.06.040	6	Nẹp Mini cố định xương gãy vùng hàm mặt, hình chữ X	- Nẹp mini cố định xương gãy vùng hàm mặt - Chất liệu: titanium - Kích thước: Dày 0.7mm. Dài 2,4,6,8,10,12mm - Cấu tạo: hình chữ X, 04 lỗ - Tiêu chuẩn ISO - Chịu được tiết khuẩn khô, hơi nước, nhiệt độ cao (134 độ) - Tương thích vít 2.0mm cùng hãng - Hỗ trợ dụng cụ khi Bệnh viện có yêu cầu - Tương đương Osteonic	Gói / 1 cái	Cái	12
249	N07.06.040	3	Nẹp Mini cố định xương gãy vùng hàm mặt, hình chữ L	- Nẹp mini cố định xương gãy vùng hàm mặt - Chất liệu: titanium - Kích thước: Dày 0.8mm. - Cấu tạo: hình chữ L gấp, 04 lỗ - Tiêu chuẩn ISO - Chịu được tiết khuẩn khô, hơi nước, nhiệt độ cao (134 độ) - Tương thích vít 2.0mm cùng hãng - Hỗ trợ dụng cụ khi Bệnh viện có yêu cầu - Tương đương Osteonic	Gói / 1 cái	Cái	12
250	N07.06.040	4	Vít treo dây chằng treo dây chằng	- Vít treo dây chằng treo dây chằng, - Bằng titanium, đường kính 4,5mm, dài 13,5mm, - Kích thước vòng lặp dài: 15, 20, 25, 30, 35, 40, 45, 50, 55, 60 (mm), có hai chỉ kéo được gắn sẵn - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/CE	hộp/ cái	Cái	5
251	N07.06.040	4	Vít tự tiêu cố định dây chằng chéo, thúc đẩy xương tăng trưởng	- Vít tự tiêu cố định dây chằng, - Bằng Micro TCP kết hợp 96L/4D PLA, - Cỡ 5.5x20, 5.5x 25, 5.5x30, 6x25, 6x30, 7x25; 8x25; 9x25; 7x30; 8x30; 9x30 (mm), thúc đẩy xương tăng trưởng, phát triển bên trong vít để phục hồi giải phẫu tự nhiên về mặt sinh học và cơ học - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/CE	hộp/ cái	Cái	5
252	N07.06.040	4	Vít neo chóp xoay	- Vít neo chóp xoay - Bằng PEEK, đường kính 4.5mm, không cần thắt chỉ, neo bằng hai cánh bung trong xương, cánh vít cố định chắc chắn vào xương. - Tiết khuẩn, - Tiêu chuẩn ISO/CE	hộp/ cái	Cái	4
253	N07.06.040	4	Vít chỉ neo khâu chóp xoay khớp vai	- Vít chỉ neo khâu chóp xoay khớp vai - Bằng 96L/4D PLLA (Poly (L-Lactic Acid), đường kính 5mm, độ dài 15.3mm, kiểu ren vặn, 2 chỉ siêu bền số 2, sức kéo cao, chịu được lực căng 440N, - Tiết khuẩn, - Tiêu chuẩn ISO/CE	hộp/ cái	Cái	4
254	N07.06.040	4	Vít neo tự tiêu khâu sụn viền khớp vai	- Vít neo tự tiêu khâu sụn viền khớp vai, - Vật liệu PEEK hoặc tự tiêu GENESYS, - Đường kính 2.1mm dùng với 1 sợi chỉ siêu bền số 2, hoặc 2 sợi chỉ siêu bền số 0, - Đường kính 2.6mm dùng với 1 sợi chỉ siêu bền số 2, hoặc 2 sợi chỉ siêu bền số 1, đóng ép xương lực căng 200-210N, - Tiết khuẩn, - Tiêu chuẩn ISO/CE	hộp/ cái	Cái	3

STT	Mã thông tư 04	Phân nhóm TT 14	Tên danh mục	Yêu cầu đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
255	N07.06.040	4	Vít treo dây chằng cổ định dây chằng sử dụng trên xương đùi	Vít treo dây chằng cổ định dây chằng sử dụng trên xương đùi, - Bảng Titanium, - Chiều rộng 3mm, chiều cao 1.5mm, chiều dài 11mm, tính năng vòng treo đảo ngược, bằng chỉ siêu bền Hi-Fi số 5, khóa ma sát cổ định khi mảnh ghép căng, vị trí của khóa ma sát trên đỉnh thanh treo, chỉ kéo siêu bền Hi-Fi số 2, dụng cụ mở vòng treo giúp mở khóa vòng treo của mảnh ghép trên đường hầm xương đùi, khi sử dụng kỹ thuật all-inside - Tiệt khuẩn, - Tiêu chuẩn ISO/CE	hộp/ cái	Cái	5
256	N07.06.040	4	Vít treo dây chằng cổ định dây chằng sử dụng trên xương chày	Vít treo dây chằng cổ định dây chằng sử dụng trên xương chày, - Bảng titanium, - Kích cỡ 14- 17mm, gồm 2 phần: vít treo thiết kế rãnh chèn mở, dễ dàng lắp vòng treo mảnh ghép, và chỉ siêu bền Hi-Fi số 5. Vít treo điều chỉnh được kích thước của vòng treo mảnh ghép. Được thiết kế sử dụng cho cổ định mảnh ghép trên xương chày. - Tiệt khuẩn, - Tiêu chuẩn ISO/CE	hộp/ cái	Cái	5
257	N07.06.040	3	Vít tự tiêu cổ định dây chằng chéo	Vít tự tiêu cổ định dây chằng chéo, - Chất liệu PLLA-PDLLA , 40-50% thủy tinh sinh học (Silicium), - Đường kính 7/8/9/10 mm và chiều dài 23mm/28mm, đầu vít dạng hình sao tích hợp với tay vặn vít hình sao cũng bằng, bề mặt vít và các rãnh răng của của vít được thiết kế bo tròn tối đa để hạn chế tránh mài mòn xương. Bảo toàn nguyên vẹn mảnh ghép, - Tiệt khuẩn, - Tiêu chuẩn ISO/CE	hộp/ cái	Cái	2
258	N07.06.040	4	Vít neo dây chằng treo mảnh ghép dây chằng chéo cổ định	Vít neo dây chằng treo mảnh ghép dây chằng chéo cổ định, - Bảng titanium (Ti-AL-6-4V), chỉ siêu bền 100% Polyethylene trọng lượng siêu cao phân tử, chiều dài vòng dây 15/ 20/ 25/ 30/ 35/ 40/ 45/ 50/ 55/ 60mm, gồm 1 vít titanium, 1 vòng treo gắn cổ định nhiều kích thước, 2 sợi chỉ kéo, lực tải tối đa của vòng treo: 1680N, chu kỳ chịu lực tối đa: 25000 chu kỳ - Tiệt khuẩn, - Tiêu chuẩn ISO/CE	hộp/ cái	cái	10
259	N07.06.040	4	Vít neo dây chằng treo mảnh ghép dây chằng chéo tự điều chỉnh	Vít neo dây chằng treo mảnh ghép dây chằng chéo tự điều chỉnh, - Bảng titanium (Ti-AL-6-4V), chỉ siêu bền 100% Polyethylene trọng lượng siêu cao phân tử, điều chỉnh chiều dài từ 15 mm - 80 mm, gồm 1 vít titanium, 1 vòng treo gắn liên tục với 2 sợi chỉ kéo có cấu tạo nút khóa để điều chỉnh độ dài, lực tải tối đa của vòng treo: 1680N, chu kỳ chịu lực tối đa: 25000 chu kỳ - Tiệt khuẩn, - Tiêu chuẩn ISO/CE	hộp/ cái	Cái	8
260	N07.06.040	6	Vít rỗng tự taro, kèm đệm vít	Vít rỗng tự taro, kèm đệm vít, lòng vít rỗng, tự khoan - Bảng titanium - Vít 3.0mm : lõi vít 2.0mm, đầu vít 4.0mm, dài khoảng 10-40mm - Vít 4.0mm : dài khoảng 14-68mm (tăng 2mm) - Vít 4.5mm : đầu vít lục giác, lõi vít 2.7mm, đầu vít 6.5mm, dài khoảng 20-70mm - Vít 6.5mm, ren 16mm : đầu vít lục giác, lõi vít 4.2mm, đầu vít 8.0mm, dài khoảng 40-120mm (tăng 5mm) - Vít 6.5mm, ren 32mm : đầu vít lục giác, lõi vít 4.2mm, đầu vít 8.0mm, dài khoảng 40-120mm (tăng 5mm) - Vít 7.3mm, ren 16mm : đầu vít lục giác, lõi vít 4.5mm, đầu vít 8.0mm, dài khoảng 40-120mm (tăng 5mm) - Vít 7.3mm, ren 32mm : đầu vít lục giác, lõi vít 4.5mm, đầu vít 8.0mm, dài khoảng 40-120mm (tăng 5mm) Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn: ISO/CE	cái/ gói	cái	15
261	N07.06.040	6	Vít rỗng nén ép, đầu vít chìm	Vít rỗng nén ép, đầu vít chìm Chất liệu : Titanium, lòng vít rỗng, vít thuận nhọn, có chức năng nén ép xương - Cờ vít từ 2.5mm đến 6.5mm - Vít 2.5mm : dài khoảng từ 8mm đến 30mm - Vít 3.0mm : dài khoảng từ 10mm đến 30mm - Vít 3.5mm : dài khoảng 16-30mm (tăng 2mm) - Vít 4.0mm : dài khoảng 16-34mm (tăng 2mm) - Vít 4.5mm : dài khoảng 20-50mm - Vít 5.0mm : dài khoảng 25-60mm (tăng 5mm) - Vít 6.5mm : dài khoảng 40-120mm (tăng 5mm) - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng ISO/CE	cái/ gói	cái	5
262	N07.06.040	4	Đinh kirschner hai đầu nhọn	Đinh kirschner hai đầu nhọn - Thân đinh dài khoảng 150mm đến 300mm, không có ren, đường kính khoảng 1.0-2.5mm. - Chất liệu thép y tế - Tiêu chuẩn ISO/CE	cái/ gói	cái	100

STT	Mã thông tư 04	Phân nhóm TT 14	Tên danh mục	Yêu cầu đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
263	N07.06.040	4	Nẹp khóa xương đùi dùng cho gãy quanh chuôi	Nẹp khóa xương đùi dùng cho gãy quanh chuôi - Chức năng: cố định xương đùi - Chất liệu: nẹp bằng thép không gỉ - Kích thước: chiều dài từ khoảng 200mm đến khoảng 300mm. - Thiết kế: Ron vít bằng titanium khóa bên trong lỗ nẹp, cơ chế khóa kiểu thiết kế hình nón côn 2 độ. Thân nẹp có khoảng từ 14 đến khoảng 18 lỗ khóa. Sử dụng vít cùng hãng - Sử dụng vít tự khóa titanium đường kính khoảng 3.5mm - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE	Hộp/1 cái	Cái	3
264	N07.06.040	4	Nẹp khóa xương đòn chữ S	Nẹp khóa xương đòn chữ S Chất liệu bằng thép không gỉ Kích thước: - Chiều dài 70mm, thân nẹp có 4 lỗ khóa và 0 lỗ free - Chiều dài 94mm, thân nẹp có 6 lỗ khóa và 0 lỗ free - Chiều dài 95mm, thân nẹp có 6 lỗ khóa và 0 lỗ free - Ron vis bằng titanium khóa bên trong lỗ nẹp, cơ chế khóa kiểu thiết kế hình nón côn 2 độ. - Tiết khuẩn	gói/cái	cái	10
265	N07.06.050	5	Băng cố định khớp vai sau phẫu thuật	Băng cố định khớp vai sau phẫu thuật - Chức năng: dùng cố định khớp vai sau phẫu thuật khâu chóp xoay khớp vai, trật khớp vai, gãy lồi cầu xương cánh tay. - Chất liệu: Vải cotton không dệt, có lỗ thoáng khí, có thiết kế khóa Velcro (băng nhám dính) - Kích thước: 7 kích cỡ tương ứng số đo vòng ngực: < 50cm, 50-60cm, 60-75cm, 75-85cm, 85-95cm, 95-105cm, > 105cm. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO	Gói/1 cái	Cái	115
266	N07.06.050	5	Nẹp đệm ngăn	Nẹp đệm ngăn - Chức năng: Sử dụng trong các trường hợp chấn thương cổ chân, gãy các xương bàn, ngón chân (sử dụng cho chân ở trạng thái nghỉ) - Chất liệu: Nẹp làm bằng hợp kim nhôm, bao bọc bởi đệm mút và vải cotton - Cấu tạo: Được làm từ bàn nẹp hợp kim nhôm định hình uốn theo độ cong của bàn chân và cẳng chân, đệm mút, vải cotton và hệ thống khóa velcro (băng nhám dính) giúp cố định cẳng bàn chân. - Kích thước: Dài 25cm, rộng 14cm, cao 19cm, sử dụng cho người có chiều cao cơ thể <165cm - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO	Gói/1 cái	Cái	230
267	N07.06.050	5	Đai cố định xương đòn	Đai cố định xương đòn - Chức năng: sử dụng cố định xương đòn trong chấn thương gãy xương đòn, trật khớp cùng đòn - Chất liệu: đệm mút, vải cotton mềm - Cấu tạo: Đai có thiết kế định hình ôm quanh phần xương đòn và nách, Dây đai được thiết kế khóa Velcro (băng nhám dính) - Kích thước: 5 kích cỡ tương ứng số đo vòng ngực: 61-75cm, 76-85cm, 86-95cm, 96-105cm, >105cm. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO	Gói/1 cái	Cái	65
268	N07.06.050	6	Đai cột sống lưng, chất liệu linen dạng lưới	Đai cột sống lưng - Chức năng: hỗ trợ, phòng ngừa các chấn thương vùng cột sống lưng - Chất liệu: vải linen dạng lưới, có các thanh Plastic có tích hợp hạt gốm sinh học cố định cột sống và 2 vùng thắt lưng, có 2 dây đai dạng dán - Kích thước: Chiều cao khoảng 23cm. Gồm 3 cỡ tương ứng với số đo vòng eo 61cm - 76cm, 76cm - 102cm, 104cm - 127cm - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO	Gói/1 cái	Cái	195
269	N07.06.050	5	Đai cột sống lưng, chất liệu thun lưới	Đai cột sống lưng, chất liệu thun lưới - Chức năng: hỗ trợ cột sống vùng thắt lưng sau phẫu thuật, dự phòng tổn thương cột sống, đau nhức cột sống vùng thắt lưng cấp và mãn tính. - Chất liệu: 4 thanh nẹp đàn hồi được uốn theo đường cong cơ thể và vải thun lưới. Có hai dây chun ở hai bên có tác dụng bó chặt sản phẩm vào vùng thắt lưng bằng hệ thống khóa Velcro (băng nhám dính) - Kích thước: chiều cao 22cm, gồm 5 kích cỡ tương ứng với vòng eo: 50-65 cm, 65-80 cm, 80-95cm, 95-110cm, 110-125cm. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO	Gói/1 cái	Cái	160
270	N07.06.050	6	Đai đầu gối	Đai đầu gối dùng trong hỗ trợ, phòng ngừa các chấn thương đầu gối. - Chất liệu: vải thun, có dán 4 chiều có độ đàn hồi và độ bền cao. - Phần lót giữa đầu gối được phủ một lớp đất sét đỏ có chứa Canxi Carbonat hỗ trợ hấp thụ tia bức xạ hồng ngoại, chống trượt. - Kích thước: gồm 4 cỡ tương ứng 4 chu vi đầu gối: 27-32cm; 32-37cm; 37-42cm; 42-47cm - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO	Gói/1 cái	Cái	100

STT	Mã thông tư 04	Phân nhóm TT 14	Tên danh mục	Yêu cầu đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
271	N07.06.050	5	Đai khớp vai	Đai khớp vai - Chức năng: Sử dụng trong trường hợp căng vai, giãn dây chằng khớp vai. - Chất liệu: Vải cotton, vải không dệt, vải có lỗ thoáng khí. Có thiết kế khóa Velcro (băng nhám dính) để cố định đai. - Kích cỡ: gồm các cỡ tương ứng với độ dài từ khuỷu tay đến bàn tay: 25-30cm, 30-35cm. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO	Gói/1 cái	Cái	80
272	N07.06.050	6	Đai mắt cá chân	Đai mắt cá chân - Chức năng: Dùng để hỗ trợ, phòng ngừa các chấn thương vùng mắt cá chân - Chất liệu: Vải Airy mesh Material co giãn 4 chiều có độ đàn hồi và độ bền cao. - Cấu tạo: có lớp đất hoàng thổ hỗ trợ hấp thụ tia hồng ngoại xa, chống trượt. Có dây bằng điều chỉnh áp lực - Kích thước: 4 cỡ tương ứng với vòng đo cổ chân: 15-20cm, 20-25cm, 25-30cm, 30-35cm. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO	Gói/1 cái	Cái	100
273	N07.06.050	5	Đai treo tay	Đai treo tay - Chức năng: được sử dụng trong trường hợp tổn thương khớp vai sau tai biến mạch máu não, gãy xương, chấn thương cẳng tay, khớp vai, cánh tay hoặc khuỷu tay, hỗ trợ tay ở trạng thái nghỉ. - Chất liệu: Vải cotton. - Cấu tạo: Thiết kế theo hình túi nâng đỡ tay ở tư thế điều trị. Có thiết kế khóa Velcro (băng nhám dính) để cố định đai. - Kích thước: 5 kích cỡ tương ứng độ dài từ khuỷu tay đến bàn tay: 25-28cm, 28-31cm, 31-34cm, 34-37cm, 37-40cm, > 40cm. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO	Gói/1 cái	Cái	150
274	N07.06.050	5	Nẹp cẳng tay	Nẹp cẳng tay Chức năng: Nẹp dùng để cố định chấn thương gãy xương bong gân cẳng tay, cổ tay và bàn tay. Sơ cấp cứu chấn thương xương, khớp, cân cơ vùng cẳng tay, cổ tay. Hỗ trợ cố định sau gãy đầu dưới xương quay, xương trụ, gãy potocol. - Chất liệu: Nẹp hợp kim nhôm, vải cotton - Cấu tạo: Sản phẩm được làm từ vật liệu tự dính, mút xốp, vải cotton, thanh nẹp hợp kim nhôm uốn định hình và thanh nẹp đàn hồi, hệ thống khóa velcro (băng nhám dính) tạo nên tính cố định cho sản phẩm - Kích cỡ: 5 kích cỡ tương ứng số đo vòng cổ tay: 12-14cm, 14-16cm, 16-18cm, 18-20cm, 20-22cm. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO	Gói/1 cái	Cái	88
275	N07.06.050	5	Nẹp cẳng tay gắn duỗi trái/phải	Nẹp cẳng tay gắn duỗi trái/phải - Chức năng: cố định cổ tay sau phẫu thuật đứt gân duỗi và tập sớm gân duỗi sau mổ đứt gân, trong 1 số trường hợp có thể sử dụng cố định cổ tay mức duỗi tối đa trong tổn thương hoặc liệt thần kinh quay. - Chất liệu: nhựa PP, thanh nhôm, mút dệt kim. - Kích thước: thanh nhựa PP dài 25cm, thanh nhôm LA15 dài 20 -> 24cm, bộ dán xé Velcro, mút dệt kim dày 2 -> 3mm	Gói/1 cái	Cái	60
276	N07.06.050	5	Nẹp cẳng tay ôm ngón cái	Nẹp cẳng tay ôm ngón cái - Chức năng: Nẹp dùng trong gãy ngón cái, sau phẫu thuật gãy xương thuyền, viêm gân dạng dài duỗi ngăn viêm hẹp bao gân gấp ngón 1 tay hai bên - Chất liệu: Thanh nẹp hợp kim nhôm ôm ngón cái đến cổ tay, bao bọc bởi mút xốp và vải cotton. - Mô tả: Gồm các thanh nẹp được thiết kế định hình sẵn, ôm sát ngón tay cái và bàn tay phần tiếp xúc có lớp đệm mút và vải. Cố định xương, khớp vùng cổ tay, bàn tay và ngón tay cái sau mổ hoặc sau chấn thương - Kích cỡ: 5 kích cỡ tương ứng vòng đo cổ tay: 12-14cm, 14-16cm, 16-18cm, 18-20cm, 20-22cm. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO	Gói/1 cái	Cái	122
277	N07.06.050	5	Nẹp cánh cẳng tay	Nẹp cánh cẳng tay - Chức năng: Nẹp dùng trong sơ cứu, cố định gãy xương, bong gân khu vực 1/3 dưới xương cánh tay. - Chất liệu: hợp kim nhôm, vải dệt kim, vải không dệt, vải có lỗ thoáng khí - Cấu tạo: bản nẹp hợp kim nhôm dài từ bàn tay tới gần nách, có thể uốn được theo tư thế điều trị, các thanh nẹp nhỏ giúp tăng cường tính cố định. bộ mút dệt kim đệm dày và êm, các dây đai bằng vải cotton để cố định nẹp vào tay bằng khóa Velcro (băng nhám dính) - Kích cỡ: 5 kích cỡ tương ứng số đo từ khuỷu tay đến bàn tay: <28cm, 28-31cm, 31-34cm, 34-37cm, 37-40cm. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO	Gói/1 cái	Cái	40

STT	Mã thông tư 04	Phân nhóm TT 14	Tên danh mục	Yêu cầu đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
278	N07.06.050	5	Nẹp chống xoay ngấn	Nẹp chống xoay ngấn - Chức năng: Gãy cổ xương đùi ở người già không có chỉ định phẫu thuật. Sau phẫu thuật, quanh ổ cối, cổ xương đùi, khớp gối, cổ chân - Chất liệu: bản nẹp bằng hợp kim nhôm, thanh nhôm được bao bọc bằng đệm mút và vải cotton - Cấu tạo: Làm từ bản nẹp hợp kim nhôm định hình uốn cong theo độ cong của bàn chân và cẳng chân với một bản nẹp hợp kim nhôm đặc biệt, chịu lực tốt xoay ngang có tác dụng chống xoay. Sản phẩm được bao bọc bởi đệm mút và vải cotton, cố định vào chân bởi hệ thống khóa velcro (băng nhám dính) - Kích thước nẹp: chiều dài tính từ mũi đến gót chân: 28 cm, chiều cao: 37 cm, rộng 23 cm - Cỡ sản phẩm: 4 kích cỡ tương ứng với 4 chiều cao cơ thể: 145-155cm, 155-165cm, 165-175cm, >175cm - Tiêu chuẩn chất lượng ISO	Gói/1 cái	Cái	80
279	N07.06.050	5	Nẹp cố định gãy xương đốt gần ngón tay	Nẹp cố định gãy xương đốt gần ngón tay - Chức năng: Nẹp dùng trong điều trị cố định gãy xương đốt gần ngón tay. - Chất liệu: nhôm và mút xốp. - Cấu tạo: Gồm một thanh nhôm dẻo bao ngoài một lớp đệm mút, có thể uốn theo tư thế điều trị ngón tay. - Kích thước: chiều dài nẹp 22cm. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO	Gói/1 cái	Cái	70
280	N07.06.050	5	Nẹp cố định gãy xương đốt xa ngón tay	Nẹp cố định gãy xương đốt xa ngón tay - Chức năng: Nẹp dùng trong điều trị cố định gãy xương đốt xa ngón tay. - Chất liệu: nhôm và mút xốp. - Cấu tạo: Gồm một thanh nhôm thẳng với lớp đệm mút ở trong, có các móc uốn cong ôm trọn ngón tay - Kích thước: 3cm x 2cm x 11cm - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO	Gói/1 cái	Cái	40
281	N07.06.050	5	Nẹp cố định khớp gối	Nẹp cố định khớp gối Chức năng: Nẹp dùng cố định khớp gối chấn thương hoặc phẫu thuật. - Chất liệu: 4 thanh nẹp hợp kim nhôm định hình, tấm đệm mút, vải tự dính, hệ thống khóa velcro (băng nhám dính) giúp cố định khớp gối - Kích thước: 4 kích cỡ tương ứng chiều dài nẹp: 40cm, 50cm, 60cm, 70cm, mỗi cỡ có 4 size tương ứng số vòng đùi bắp chân - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO	Gói/1 cái	Cái	180
282	N07.06.050	5	Nẹp cố định khớp gối, có khóa điều chỉnh độ co duỗi	Nẹp cố định khớp gối, có khóa điều chỉnh độ co duỗi Chức năng: Nẹp dùng để cố định vùng quanh khớp gối, ngăn chặn và hạn chế di lệch khớp gối bằng bản lề khóa quay số điều chỉnh. Hạn chế cử động của đầu gối trong quá trình phục hồi chức năng sau khi phẫu thuật hoặc chấn thương dây chằng đầu gối, sụn. - Chất liệu: 4 thanh nẹp hợp kim nhôm, 2 bộ khóa ở khớp có thể điều chỉnh góc độ co duỗi như chức năng khớp gối (giới hạn mở rộng từ 0 - 90 độ, giới hạn uốn từ 0 - 135 độ), bộ mút đệm kim đệm dày và êm, các dây đai bằng vải cotton và hệ thống khóa velcro (băng nhám dính) giúp cố định nẹp ôm vào chân. - Kích thước: Chiều dài hai thanh nẹp hợp kim nhôm khoảng 52cm, đường kính ở khớp điều chỉnh góc độ khoảng 6.5cm, chiều dài dây đai cố định ở bắp đùi khoảng 75-80cm, chiều dài dây đai cố định ở bắp chân khoảng 45-50cm. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO	Gói/1 cái	Cái	220
283	N07.06.050	5	Nẹp cổ mềm	Nẹp cổ mềm - Chức năng: Sử dụng trong hỗ trợ nâng đỡ khi chấn thương cột sống cổ nhẹ và giúp hạn chế vận động cột sống cổ khi bị chấn thương. - Chất liệu: đệm mút có độ đàn hồi, bên ngoài bao bọc bằng vải cotton. Có hệ thống khóa velcro (băng nhám dính) giúp cố định nẹp cổ - Kích thước: 4 kích cỡ tương ứng chiều cao nẹp: 5cm, 6cm, 8cm, 10cm. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO	Gói/1 cái	Cái	60
284	N07.06.050	5	Nẹp cổ tay	Nẹp cổ tay - Chức năng: Sử dụng trong cố định gãy xương cổ tay, xương bàn ngón tay, bong gân vùng cổ tay. - Chất liệu: thanh nẹp bằng hợp kim nhôm, bao bọc bởi vải chun. - Cấu tạo: Được làm từ thanh nẹp hợp kim nhôm, vải chun và hệ thống khóa velcro (băng nhám dính) giúp cố định cổ tay, cẳng tay, bàn tay - Kích cỡ: bao gồm nhiều cỡ tương ứng vòng đo cổ tay: 12-14cm, 14-16cm, 16-18cm, 18-20cm, 20-22cm. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO	Gói/1 cái	Cái	88
285	N07.06.050	6	Băng cố định khớp khuỷu	Băng cố định khớp khuỷu điều trị các trường hợp chấn thương khớp khuỷu, khớp gân vùng khuỷu, - Băng Vải Hi-prene cao cấp, có các hạt gồm sinh học cố định vùng khuỷu tay, - Tiêu chuẩn ISO	Gói/Cái	Cái	150

STT	Mã thông tư 04	Phân nhóm TT 14	Tên danh mục	Yêu cầu đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
286	N07.06.050	5	Băng cố định chóp xoay khớp vai sau phẫu thuật có gố đi kèm	Băng cố định chóp xoay khớp vai tư thế - Chức năng: dùng bản cố định khớp vai sau phẫu thuật khâu chóp xoay khớp vai. - Chất liệu: Vải cotton, vải tricot, vải có lỗ thoáng khí - Cấu tạo: được thiết kế có gố đi kèm, giúp tay dạng ra từ 15-30 độ, dễ điều chỉnh, thuận tiện, phù hợp cho cả vai phải và vai trái, dây đai được thiết kế khóa Velcro (băng nhám dính) - Kích thước: 3 kích cỡ tương ứng độ dài từ khuỷu tay đến bàn tay: 25-30cm, 30-35cm, >35cm - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO	Gói/1 cái	Cái	80
287	N07.06.070	3	Xi măng hóa học có kháng sinh Gentamycine, nhiệt độ trùng hợp <75 độ	Xi măng hóa học gắn khớp nhân tạo vào xương hoặc kháng sinh tại chỗ - Bột xi măng [Polymethyl Methacrylate (86,2%-86,5%) + Bezoyl Peroxide (2,7%-2,4%) + Barium Sulphate (9,9%) + Gentamycine sulphate (1,2%) = 100% (%w/w)] và Dung môi [Methylmethacrylate (84,4%) + Butylmethacrylate (13,2%) + N.N Dimethyl-p-toluidine (2,4%) = 100%; Hydroquinone 20(ppm)] - Trọng lượng: 40,8gram - Có kháng sinh Gentamicin - Thời gian trộn nhanh; thời gian làm việc từ 6 phút trở lên, thời gian đông cứng ngắn. - Nhiệt độ phản trùng hợp thấp 74,3°C, thấp hơn 10°C so với các cement khác, do đó không làm hoại tử xương, làm giảm monomer trong hệ thống mạch máu trong quá trình phẫu thuật. - Tiêu chuẩn: ISO/CE/FDA Tương đương loại Genta Mecta	Hộp/1 lọ	Lọ	15
288	N07.06.070	3	Xi măng hóa học bơm thân sống	Xi măng hóa học tạo bơm thân sống dùng trong phẫu thuật tạo hình thân đốt sống - Thành phần: polymetyl - metaacrylate, có tính cân quang (50% chất cân quang tvit độ cao, 5% Hydroxyapatite) - Tính sền sền trung bình. Tự cứng lại - Trọng lượng: 27.2 gam bột và 9.2 gam dịch - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn: ISO/CE/FDA - Tương đương loại OPACITY+	Hộp/1 lọ	Lọ	30
289	N07.06.080	4	Dây dẫn nước dẫn nước vào trong khớp	Dây dẫn nước dẫn nước vào trong khớp, - Băng nhựa, - Kiểu dây có hai đầu dây cắm vào chai dịch dẫn nước vào, có đầu dò nhận điện áp lực kết nối với máy bơm để điều chỉnh lưu lượng nước tiết kiệm nước, - Tương thích với máy bơm áp lực PV-5201 - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/CE	gói/ cái	Cái	10
290	N07.07.010	4	Bộ kit Fibrin giàu tiểu cầu	Bộ kit Fibrin giàu tiểu cầu - Thành phần: gồm bộ kit chiết tách và bộ kit trộn bơm keo với đầu vòi nội soi - Điều chế được 5-6ml keo Fibrin giàu tiểu cầu - Tỷ lệ tiểu cầu trong thành phẩm Fibrin giàu tiểu cầu gấp xấp xỉ khoảng 7 lần nồng độ cơ bản trong máu - Nồng độ fibrin khoảng 17mg/ml - Bảo quản được ở nhiệt độ phòng trong 8 giờ sau khi chiết tách	Hộp/bộ	bộ	10
291	N07.07.010	4	Bộ kit Fibrin giàu tiểu cầu kèm kênh đồng phân phổi	Bộ kit Fibrin giàu tiểu cầu kèm kênh đồng phân phổi - Thành phần gồm bộ kit chiết tách và bộ kit trộn bơm keo có kênh đồng phân phổi - Điều chế được 5-6ml keo Fibrin giàu tiểu cầu - Tỷ lệ tiểu cầu trong thành phẩm Fibrin giàu tiểu cầu gấp xấp xỉ khoảng 7 lần nồng độ cơ bản trong máu - Nồng độ fibrin khoảng 17mg/ml - Bảo quản được ở nhiệt độ phòng trong 8 giờ sau khi chiết tách - Có thể dùng với các loại thuốc (kháng sinh, hóa trị liệu, ...) và các tế bào gốc	Hộp/bộ	bộ	10
292	N07.07.020	3	Bộ kit chiết tách tế bào gốc từ máu tủy xương	Bộ kit chiết tách tế bào gốc từ máu tủy xương - Có thể chiết tách từ 30 - 180ml máu - Kim lấy máu tủy xương có chiều dài khoảng 45mm đến 80mm - Thành phẩm (huyết tương giàu tế bào gốc và các yếu tố tăng sinh nguồn gốc tiểu cầu): - Thể tích đầu ra từ 3 - 30ml - Nồng độ tế bào gốc trung mô và tế bào gốc máu tăng gấp từ 5 - 6 lần so với máu tủy xương - Nồng độ các yếu tố tăng sinh có nguồn gốc tiểu cầu đạt được so với nồng độ trong máu cơ thể: * PDGF-AB, PDGF-AA, PDGF-BB, VEGF, EGF tăng khoảng 10 lần đến 12 lần * TGF-β1, FGF-β tăng từ 4 đến 6 lần	1 Bộ/ Hộp	Bộ	20

STT	Mã thông tư 04	Phân nhóm TT 14	Tên danh mục	Yêu cầu đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
293	N08.00.080	3	Bộ ống thông dùng để dẫn lưu mỡ bàng quang qua da, cỡ 8->16Fr	Bộ ống thông dùng để dẫn lưu mỡ bàng quang qua da. - Chất liệu: 100% Silicone, trơn láng - Kích cỡ: 8->16Fr, dài 35-> 40cm - Bao gồm: 01 ống thông tiêu 2 nhánh có bóng dung tích 5-10ml, 01 cây chọc dò trocar, 01 lưới dao rạch - Tiêu chuẩn CE/FDA	Hộp/ 1 bộ	Bộ	40
294	N08.00.110	3	Bộ đo áp lực nội sọ tại nhu mô não kèm nhiệt độ thân não dùng trong phẫu thuật sọ não cần theo dõi áp lực nội sọ	Bộ đo áp lực nội sọ tại nhu mô não kèm nhiệt độ thân não dùng trong phẫu thuật sọ não cần theo dõi áp lực nội sọ - Catheter bằng silicon, dây cáp quang gắn đầu vi cảm biến - Kiểu cáp quang 4Fr - Tiết khuẩn - Tương thích với máy ICP Camino - Tiêu chuẩn: ISO/CE/FDA	Hộp/ 1 bộ	Bộ	5
295	N08.00.110	3	Bộ đo áp lực nội sọ tại nhu mô não, cỡ 4Fr	Bộ đo áp lực nội sọ tại nhu mô não dùng trong phẫu thuật sọ não cần theo dõi áp lực nội sọ - Catheter bằng silicon, dây cáp quang gắn đầu vi cảm biến - Kiểu cáp quang 4Fr - Tiết khuẩn - Tương thích với máy ICP Camino - Tiêu chuẩn: ISO/CE/FDA	Hộp/ 1 bộ	Bộ	10
296	N08.00.150	3	Buồng tiêm truyền hóa chất cấy dưới da, cỡ 8.5Fr	Buồng tiêm truyền hóa chất cấy dưới da - Bằng titanium, phủ silicone - Catheter 8.5Fr, đường kính trong 1.6mm - Chịu được truyền áp lực cao 22.4 bar - Tiết khuẩn - Tương thích với môi trường MRI - Tiêu chuẩn chất lượng ISO/ CE	Hộp/1 bộ	Bộ	40
297	N08.00.160	6	Đầu đo SpO2 dùng 1 lần cho máy Masio 4003	Đầu đo SpO2 dùng 1 lần thích hợp cho trẻ sơ sinh dưới 3kg. - Không chứa latex - Tiêu chuẩn ISO/CE/FDA - Tương thích máy Masio Set Model: 4003	hộp/ 10 cái	Cái	800
298	N08.00.210	3	Đầu đốt mềm dùng để cầm máu trong nội soi tiêu hóa, đường kính 2.3mm, dài 2.2m, vác một bên	Đầu đốt mềm dùng để cầm máu trong nội soi tiêu hóa. - Đường kính 2.3mm dài 2.2m vác một bên, - Có đầu lọc khí tích hợp, - Tiết khuẩn - Tương thích máy đốt Argon Plasma - Tiêu chuẩn ISO/CE	Gói/1 cái	cái	3
299	N08.00.210	3	Đầu đốt mềm dùng để cầm máu trong nội soi tiêu hóa, đường kính 2.3mm, dài 2.2m, vác tròn	Đầu đốt mềm dùng để cầm máu trong nội soi tiêu hóa. - Đường kính 2.3mm dài 2.2m vác tròn - Có đầu lọc khí tích hợp, - Tiết khuẩn - Tương thích máy đốt Argon Plasma - Tiêu chuẩn ISO/CE	Hộp/10 cái	cái	5
300	N08.00.230	4	Bộ đo áp lực động mạch xâm lấn	Bộ đo áp lực động mạch xâm lấn - Gồm 1 bộ cảm biến đo áp lực dùng 1 lần, 2 ống xả, bộ truyền tĩnh mạch có 2 nhánh, dây dẫn 48" và 12", 4 khóa 3 ngã, - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn CE/ISO/FDA - Tương thích với monitor EV 1000	Gói/1 bộ	Bộ	40
301	N08.00.250	3	Miếng dán điện cực trung tính cho máy cắt đốt dùng cho trẻ em	Miếng dán điện cực trung tính cho trẻ em (2.72-13.6 kg) dùng đốt điện để cầm máu, bóc tách mô, - Chất liệu polyhesive hydro, - Có dây nối dài 2.7m, bề mặt gel được làm bằng chất liệu polyhesive hydro có độ dày 0,155 cm, - Đáp ứng yêu cầu về an toàn nhiệt theo tiêu chuẩn IEC, - Tiêu chuẩn ISO/CE/FDA, - Tương thích với Máy cắt đốt hãng Valleylab	Gói/ 25 cái	cái	300
302	N08.00.250	3	Miếng dán điện cực	Miếng dán điện cực, không latex - Dây dẫn đi kèm gồm 02 dây đỏ và 01 dây xanh, 3 dây nằm trên cùng một miếng dán, - Miếng đệm là bằng trong, cỡ 1.0" x 1.2" (2.5 x 3.0cm)	Gói/1 cái	cái	500
303	N08.00.250	3	Tấm điện cực trung tính	Tấm điện cực trung tính - Chất liệu: Polyethylen foam - Kích cỡ: 176 x 122.1mm, hình oval - Thiết kế đường cong TWIN dán được mọi hướng, độ dày 1mm, lớp film bảo vệ PETP, độ dính tốt - Tương thích máy cắt đốt điện Erbe	Gói/ 5 cái	cái	340
304	N08.00.250	4	Miếng dán điện cực đo điện thính giác thân não,	Miếng dán đo điện thính giác thân não, 22 x 34mm, Cảm ứng Ag/AgCl	gói/100 cái	Cái	200
305	N08.00.260	3	Clip mạch máu 2 thì 4.5 x 4mm	Clip mạch máu 2 thì, có cấu tạo mặt trong clip dạng kim cương chống trượt. - Chất liệu: Titanium - Cỡ 4.5 x 4mm - Tiêu chuẩn CE/ISO/FDA - Hỗ trợ lắp đặt cân clip	Hộp /144 cái	Cái	1.008

STT	Mã thông tư 04	Phân nhóm TT 14	Tên danh mục	Yêu cầu đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
306	N08.00.260	3	Clip mạch máu 2 thì 4.9 x 6.2mm	Clip mạch máu 2 thì, có cấu tạo mặt trong clip dạng kim cương chống trượt. - Chất liệu: Titanium - Cỡ 4.9 x 6.2mm - Tiêu chuẩn CE/ISO/FDA - Hỗ trợ lắp đặt cán clip	Hộp /180 cái	Cái	7.020
307	N08.00.260	3	Clip mạch máu 2 thì 8.1 x 7.9mm	Clip mạch máu 2 thì, có cấu tạo mặt trong clip dạng kim cương chống trượt. - Chất liệu: Titanium - Cỡ 8.1 x 7.9mm - Hỗ trợ lắp đặt cán clip - Tiêu chuẩn CE/ISO/FDA	Hộp /96 cái	Cái	960
308	N08.00.330	3	Mũi khoan vùng hàm mặt, tương thích vít 2.0mm	Mũi khoan vùng hàm mặt dùng để khoan lỗ đặt vít trong cổ định xương gãy vùng hàm mặt - Chất liệu: thép không gỉ - Kích thước: Đường kính 1.6mm, dài 52, 72mm, chiều dài làm việc 22mm - Tương thích vít 2.0mm - Đóng gói tiệt khuẩn. - Thích hợp với chu trình tiệt khuẩn khô hoặc hơi nước (nhiệt độ cao ở 132-134 độ) - Hỗ trợ dụng cụ khi Bệnh viện có yêu cầu	Hộp/ 1 cái	Cái	5
309	N08.00.330	3	Mũi khoan vùng hàm mặt, tương thích vít 2.4 mm	Mũi khoan vùng hàm mặt dùng để khoan lỗ đặt vít trong cổ định xương gãy vùng hàm mặt - Chất liệu thép không gỉ - Kích thước: Đường kính 2.0mm, dài 72mm, chiều dài làm việc 25mm - Tương thích vít 2.4mm, - Đóng gói tiệt khuẩn. - Thích hợp với chu trình tiệt khuẩn khô hoặc hơi nước (nhiệt độ cao ở 132-134 độ) - Hỗ trợ dụng cụ khi Bệnh viện có yêu cầu	Hộp/ 1 cái	Cái	5
310	N08.00.330	4	Mũi khoan ngược Khoan tạo đường hầm kiểu ngược dòng, thép không gỉ	Mũi khoan ngược khoan tạo đường hầm kiểu ngược dòng, - Bằng thép không gỉ, - Chiều dài thân trục: 23.5cm, đường kính thân mũi khoan: 3.5mm, đường kính khoan đường hầm: 6.5-9.5mm, 2 vạt màu xanh có kéo lên xuống để kích hoạt chế độ khoan đường hầm và khoan tức thời, - Tương thích với đầu AO, đầu kết nối nhanh (PRO2029) và đầu khoan 3 chấu 1/4" (PRO2041), - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/CE	Hộp/ 1 cái	Cái	3
311	N08.00.340	4	Lọc khuẩn ba chức năng cho trẻ em	Lọc khuẩn ba chức năng cho trẻ em dùng giữ ẩm và giữ ẩm đường thở cho người bệnh, - Bằng nhựa PVC, - Khoảng chết 28ml - 35ml, trọng lượng 21 - 28g, - Kháng lực 1.9 - 2.2cmH2O, Lọc vi 99,9% vi khuẩn, - Có công khóa an toàn, - Tiệt khuẩn, - Tiêu chuẩn ISO	50 cái/ thùng	cái	300
312	N08.00.350	3	Phin lọc vi khuẩn dùng cho máy đo nồng độ NO cho người lớn và trẻ em	Phin lọc vi khuẩn dùng cho máy đo nồng độ NO cho người lớn và trẻ em - Chất liệu: vỏ nhựa polystyrene cách điện, màng lọc bằng hydrophobic Polypropylene - Kích thước: 18 x 28mm - Thiết kế bầu dục - Hiệu quả lọc: 99,9% - Khoảng chết: 32ml - Tốc độ dòng: 0,93cmH2O - Khu vực lọc: > 34cm2 - Tương thích với máy đo FeNO+ - Tiêu chuẩn chất lượng: CE	Gói/1 cái	Cái	4.800
313	N08.00.370	6	Bộ tẩm dán đùi và ngực dùng cho máy hạ thân nhiệt dùng trong liệu pháp hạ thân nhiệt chủ động cho người bệnh	Bộ tẩm dán đùi và ngực dùng cho máy hạ thân nhiệt dùng trong liệu pháp hạ thân nhiệt chủ động cho người bệnh, - Tẩm dán có 3 lớp: + Lớp hydrogel bên ngoài tiếp xúc da người bệnh + Lớp màng trong (film) ở giữa giúp trao đổi nhiệt + Lớp cách nhiệt chống mất nhiệt ra môi trường ngoài và các đường dẫn nước, - Các cỡ S, M, L, - Bộ gồm 4 miếng, 2 tẩm dán đùi, 2 tẩm dán ngực bụng. - Tốc độ dòng chảy khoảng 5 lít/phút, - Tiệt khuẩn, - Tiêu chuẩn ISO/CE/FDA - Hỗ trợ đặt máy tại bệnh viện	hộp/1 bộ	bộ	15

STT	Mã thông tư 04	Phân nhóm TT 14	Tên danh mục	Yêu cầu đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
314	N08.00.410	3	Dung dịch lọc máu có dịch đệm Bicarbonate dùng trong liệu pháp lọc máu liên tục (không chứa Canxi)	Dung dịch lọc máu có dịch đệm Bicarbonate dùng trong liệu pháp lọc máu liên tục (không chứa Canxi), - túi làm bằng polyefin - Thành phần dịch: + Natri (Na ⁺): 140 mmol/l; + Kali (K ⁺): 4 mmol/l; + Magie (Mg ²⁺): 0,75 mmol/l; + Clo (Cl ⁻): 120,5 mmol/l; + Hydro Carbonat (HCO ₃ ⁻): 22 mmol/l; + Lactat (C ₃ H ₅ O ₃ ⁻): 3 mmol/l; + Glucose (C ₆ H ₁₂ O ₆): 6,1 mmol/l; + Nồng độ Osmol lý thuyết: 296,4 mOsm/l, thể tích 5000 ml, túi 2 ngăn chứa dung dịch vô khuẩn sau khi bóc niêm phong trộn thành phần 2 ngăn thu được dung dịch hoàn nguyên. - Tiệt khuẩn, - Tương thích máy prismaflex,	thùng/ 2 túi	túi	1.000
315	N08.00.410	3	Dung dịch kháng đông tại chỗ cho liệu pháp lọc máu liên tục	Dung dịch kháng đông tại chỗ cho liệu pháp lọc máu liên tục, - túi bằng PVC - Thành phần dịch vô khuẩn: + Sodium chloride: 5,03 g/l + Sodium citrate dihydrate: 5,29 g/l + Nước tiệt: 1.000 ml + Hydrochloric acid để điều chỉnh pH + Citrate C ₆ H ₅ O ₇ ³⁻ : 18 mmol/l + Sodium (Na ⁺): 140 mmol/l + Chloride (Cl ⁻): 86 mmol/l + Độ thẩm thấu lý thuyết: 244 mOsm/l, thể tích 5000 ml, - Tiệt khuẩn - Tương thích máy prismaflex,	thùng/ 2 túi	túi	1.000
316	N08.00.470	4	Trocar dùng trong phẫu thuật nội soi, 5mm, dài 70-80mm, không van xả khí	Trocar dùng trong phẫu thuật nội soi, không van xả khí - Chất liệu * Thân: nhựa, có đường ren, van đóng, có rãnh cố định, van 4 mảnh * Nòng: nhựa, loại cắt, đầu không dao. - Dài: 70 -80 mm - Đường kính thân 5 mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA/ CE	hộp/ 6 cái	Cái	18
317	N08.00.470	4	Trocar dùng trong phẫu thuật nội soi, 5mm, dài 90-100mm, không van xả khí	Trocar dùng trong phẫu thuật nội soi, không van xả khí - Chất liệu * Thân: nhựa, có đường ren, van đóng, có rãnh cố định, van 4 mảnh * Nòng: nhựa, loại cắt, đầu không dao. - Dài: 90-100 mm - Đường kính thân 5 mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA/ CE	hộp/ 6 cái	Cái	30
318		3	Bộ dây dẫn đường dùng cho ống soi khí phế quản, dùng 1 lần	Bộ dây dẫn đường dùng cho ống soi khí phế quản, dùng 1 lần - Chức năng: dẫn hướng nhằm tăng khả năng thực hiện các thủ thuật, chẩn đoán nội soi khí phế quản - Chất liệu ống dẫn: nhựa Fluororesin - Chất liệu thân kim sinh thiết: nhựa Polyethylene - Chất liệu kim sinh thiết: thép không gỉ - Đường kính ngoài: khoảng 1.9mm, chiều dài làm việc 1050mm - Có nút chặn silicon giúp dễ dàng điều chỉnh, có thể kết hợp với đầu dò và thao tác dưới huỳnh quang - Bộ phận đi kèm: + 01 kèm sinh thiết, dùng nhiều lần: chất liệu thép không gỉ, ngàm cá sấu, có thể xoay được, phù hợp kênh làm việc có đường kính 2.0mm, chiều dài làm việc 1150mm. + 01 chổi quét tế bào: đường kính chổi 2.0mm, đường kính lông 0.064mm, chiều dài chổi 10mm, tổng chiều dài 1150mm + Chất liệu của bộ phận chặn dụng cụ và đầu dò siêu âm: nhựa Polyethylene - Tương thích với ống soi khí phế quản có đường kính kênh dụng cụ 2.0mm	Hộp/1 bộ	E-ô	50

STT	Mã thông tư 04	Phân nhóm TT 14	Tên danh mục	Yêu cầu đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
319		6	Buồng đệm hỗ trợ dùng thuốc giãn phế quản dạng xịt	- Buồng đệm hỗ trợ dùng thuốc giãn phế quản dạng xịt cho người lớn và trẻ em - Buồng đệm bằng nhựa ABS chống tĩnh điện - Đệm mặt nạ: Silicone Polycarbonate - Van: Silicone - Dung tích: 140 ml - Chiều dài: 14,2 cm - Đường kính đầu nối miếng đệm mặt nạ: 22 mm - Đặc tính: thiết kế có chức năng phân phối thuốc hiệu quả, hệ thống van linh hoạt tự động đóng mở, ngay cả dưới áp suất thấp và lưu lượng của trẻ em, cho phép người dùng dễ dàng thở thông qua buồng đệm. - Đệm mặt nạ có thể tháo rời, phần đệm mặt nạ mềm mại, tạo độ khít trên khuôn mặt một cách nhẹ nhàng. - Các bộ phận dễ tháo rời để vệ sinh - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE	Hộp/1 cái	cái	100
320		4	Đầu đo cung lượng tim tương thích với monitor EV 1000	- Đầu đo cung lượng tim với dây nối dài 152cm và 213cm - Tiết khuẩn - Tương thích với monitor EV 1000	Hộp/1 cái	Cái	40
321		3	Miếng đệm mũi	- Miếng đệm mũi ngăn ngừa loét tỷ đè vùng da tại mũi khi thở máy không xâm lấn - Chất liệu: hypoallergenic Polyme - Kích thước: 3 x 8cm - Đặc tính: không gây kích ứng da, không chứa latex, có thể rửa được - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE	Hộp/1 cái	Cái	50
322		3	Bộ đo cung lượng tim liên tục dùng cho máy EV100	- Bộ đo cung lượng tim liên tục qua phổi, theo phương pháp hòa loãng nhiệt, - Gồm 1 sensor và 1 catheter động mạch đùi dài 16cm, đo được các thông số CO, CI, SV, SVI, SVV, SVR, ELWI, PVPI, GEDV, GEF - Tương đương loại Volume view sensor - Tiêu chuẩn ISO/CE/FDA - Tương thích máy EV1000 (máy của bệnh viện)	Hộp/1 bộ	Bộ	6
323		3	Bộ kit kiểm tra ô nhiễm nước	- Bộ kit lấy mẫu nước ATP-ADP-AMP - Dung dịch phát quang: Luciferin, Luciferase, Magnesium acetate, Phosphoenolpyruvic acid, Pyrophosphoric acid, Pyruvate, orthophosphate dikinase, Pyruvate kinase, - Thuốc thử: Surfactant (Benzalkonium chloride), - Có khả năng đánh giá đồng thời ba giá trị ATP và các sản phẩm chuyển hóa ADP, AMP (gọi tắt là A3), - Kích thước que thử: 15 cm - Hỗ trợ đặt máy đọc kết quả theo đúng chuẩn	Hộp/ 100 cái	Cái	600
324		6	Bộ kit kiểm tra vệ sinh bề mặt	- Bộ kit lấy mẫu bề mặt ATP-ADP-AMP - Dung dịch phát quang: Luciferin, Luciferase, Magnesium acetate, Phosphoenolpyruvic acid, Pyrophosphoric acid, Pyruvate, orthophosphate dikinase, Pyruvate kinase, thuốc thử: Surfactant(Benzalkonium chloride), - Có khả năng đánh giá đồng thời ba giá trị ATP và các sản phẩm chuyển hóa ADP, AMP (gọi tắt là A3), - Kích thước que thử khoảng 15 cm. - Hỗ trợ đặt máy đọc kết quả theo đúng chuẩn	Hộp/100 cái	Cái	4.000
325		3	Bộ kit kiểm tra vệ sinh lòng ống	- Bộ kit kiểm tra vệ sinh lòng ống ATP-ADP-AMP - Dung dịch phát quang: Luciferin, Luciferase, Magnesium acetate, Phosphoenolpyruvic acid, Pyrophosphoric acid, Pyruvate, orthophosphate dikinase, Pyruvate kinase, - Thuốc thử: Surfactant (Benzalkonium chloride) Có khả năng đánh giá đồng thời ba giá trị ATP và các sản phẩm chuyển hóa ADP, AMP (gọi tắt là A3). - Kích thước que thử: 2.8x400mm - Hỗ trợ đặt máy đọc kết quả theo đúng chuẩn	Hộp/100 cái	Cái	300
326		6	Bóng bóp giúp thở có van giảm áp, 1500ml	- Bóng bóp giúp thở có van giảm áp - Chất liệu: PTE không chứa PVC - Thể tích bóng: 1500ml - Van giảm áp tự động 1 chiều: 40 cmH2O hoặc 60 cmH2O - Thân bóng có tay vịn, thiết kế 2 đường nối chống trơn, 1 co đàn hồi nhanh chóng về vị trí ambu ban đầu - Lưu lượng oxy: >95% (lưu lượng 15 lít/phút) - Bộ phận đi kèm: 01 mặt nạ bằng nhựa PE, PVC có van bơm, kích cỡ 5; 01 túi chứa oxy bằng nhựa PP, dày, trong; 01 dây nối oxy nguồn dài ≥ 2m, - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE/FDA	gói/bộ	Bộ	1.000

STT	Mã thông tư 04	Phân nhóm TT 14	Tên danh mục	Yêu cầu đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
327		6	Bóng bóp giúp thở, không có van giảm áp, 1500ml	- Bóp bóng giúp thở không có van giảm áp - Chất liệu: PTE không chứa PVC - Thể tích bóng: 1500ml - Van giảm áp tự động 1 chiều: 40 cmH2O hoặc 60 cmH2O - Thân bóng có tay vịn, thiết kế 2 đường nối chống trơn, 1 co đàn hồi nhanh chóng về vị tríambu ban đầu - Lưu lượng oxy: >95% (lưu lượng 15 lít/phút) - Bộ phận đi kèm: 01 mặt nạ bằng nhựa PE, PVC có van bơm, kích cỡ 5; 01 túi chứa oxy bằng nhựa PP, dày, trong; 01 dây nối oxy nguồn dài ≥ 2m, - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE/FDA	Gói/ bộ	Bộ	1.000
328		3	Bóng dùng cho ống soi khí phế quản	- Bóng dùng cho ống soi khí phế quản - Chức năng: Bao đầu ống soi - Chất liệu: latex - Chiều dài: 12mm, đường kính: 6.2mm - Tương thích với ống soi khí phế quản có đường kính kênh dụng cụ 2.0mm - Hỗ trợ lắp đặt ống soi - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE	Hộp/20 cái	Cái	200
329		6	Bút đánh dấu dùng trong phẫu thuật	- Bút đánh dấu dùng trong phẫu thuật - Chất liệu: nhựa không latex - Đặc điểm: dùng đánh dấu vị trí mổ, mực không lem và không phai - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: CE - Tương đương loại surgical skin marker	Gói/1 cái	Cái	1.750
330		6	Chất bôi trơn tan trong nước, 82g	- Chất bôi trơn tan trong nước 82g - Thành phần: Nước khử ion, Hydroxy Ethyl Cellulose, Glycerin, Citric Acid, Propyl Paraben, Methyl Paraben. - Đặc tính: không gây dị ứng, không gây kích ứng da, hòa tan trong nước và làm sạch dễ dàng, không chứa dầu và các chất nhờn, không độc hại, không mùi, không chứa cồn - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE/FDA	Ông/ 82g	Ông	3.150
331		3	Chất làm đầy tạo khối, làm đầy các nếp nhăn	- Chất làm đầy tạo khối, làm đầy các nếp nhăn, làm từ acid hyaluronic 24mg/ml, phân hủy sinh học, trong suốt - Dạng gel trong suốt - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng FDA/ISO/CE	Hộp/ ống	ống	12
332		3	Chổi quét tế bào dùng cho ống soi khí phế quản	- Chổi quét tế bào dùng cho ống soi khí phế quản - Chất liệu thân chổi: Fluororesin - Chất liệu ruột chổi: thép không gỉ - Chất liệu chổi: nylon - Đường kính chổi: 2mm, đường kính lông cứng 0.064mm - Chiều dài chổi: 10mm, tổng chiều dài 1150mm - Tương thích với ống soi khí phế quản có đường kính kênh dụng cụ 2.0mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE	Hộp/10 cái	Cái	5
333		3	Dụng cụ điều chỉnh dây thanh	- Dụng cụ điều chỉnh, chống dính mép trước dây thanh - Chất liệu silicone, có cân quang, bề mặt trơn nhẵn không dính - Cấu tạo gồm 2 mặt hình chữ nhật vuông góc hình chữ T: + Mặt trong sụn giáp: dài 17mm, rộng từ 12 đến 16mm + Mặt ngoài sụn giáp: dài 21mm, rộng 16mm. - Hoặc tương đương loại Montgomery - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE/FDA	Gói/1 cái	Cái	5
334		5	Dụng cụ khám âm đạo tiết khuẩn	- Dụng cụ khám âm đạo - Chất liệu: nhựa PS trong suốt - Kích cỡ: M, L - Đặc tính: trong suốt, trơn láng, cạnh không bén - Đóng gói tiệt khuẩn từng cái - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE	Gói/1 cái	Cái	3.550
335		6	Gel điện tim 250ml	- Gel điện tim giúp tạo môi trường thu nhận tín hiệu khi đo điện tim - Thành phần: nước, polymer, chất hút ẩm, chất bảo quản, chất tạo màu - Thể tích: 250ml - Đặc tính: gel hòa tan trong nước, không chứa muối, không dính nhầy, không gây dị ứng, đảm bảo độ đậm đặc đồng dạng đồng màu, dẫn truyền tín hiệu tốt - Độ pH khoảng 6.5 - 7 - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE	Ông/ 250ml	ống	1.500

STT	Mã thông tư 04	Phân nhóm TT 14	Tên danh mục	Yêu cầu đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
336		3	Gel bôi trơn tiết khuẩn, < 5g	Gel bôi trơn tan trong nước, dùng bôi trơn trong đặt ống thông, nội soi, thăm khám trực tràng, phụ khoa - Thành phần: nước, glycerin, Polyethyleneglycol, Sodium Hydroxide, 4-Hydroxybenzoic acid propylester, carbomer - Đặc tính: tan trong nước, trong suốt, đồng nhất, không mùi, không chứa chất gây dị ứng, không chứa chất ăn mòn - Độ pH: 6 - 7 - Trọng lượng: 2 - 5g - Đóng gói tiết khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE	Hộp/144 gói	Gói	8.000
337		3	Gel bôi trơn tiết khuẩn, < 10g	Gel bôi trơn tan trong nước, dùng bôi trơn trong đặt ống thông, nội soi, thăm khám trực tràng, phụ khoa hoặc siêu âm trong các thủ thuật - Thành phần: nước, glycerin, Polyethyleneglycol, Sodium Hydroxide, 4-Hydroxybenzoic acid propylester, carbomer - Đặc tính: tan trong nước, trong suốt, đồng nhất, không mùi, không chứa chất gây dị ứng, không chứa chất ăn mòn - Độ pH: 6 - 7 - Trọng lượng: 5 - 10g - Đóng gói tiết khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE	Hộp/ 150 gói	Gói	5.400
338		6	Giấy in nhiệt dùng ghi tín hiệu điện tâm đồ, cỡ 80 x 70mm	Giấy in nhiệt dùng ghi tín hiệu điện tâm đồ - Giấy có bề mặt trơn láng, đường kẻ ô vuông rõ ràng, dễ đọc, in chi tiết rõ ràng, độ nhạy cao, dễ dàng đọc khi chẩn đoán. - Kích thước: 80mm x 70mm x 315 tờ - Tương thích với máy Cardiovit AT 101 Schiller - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE	Xấp/315 tờ	Xấp	1.430
339		6	Giấy in dùng ghi tim thai và cơn gò, cỡ 151 x 100mm dùng cho máy Avalon FM20	Giấy in nhiệt ghi biểu đồ tim thai và cơn gò - Kích thước khoảng 150 - 152 x 100 mm, - Có vạch chia đơn vị nhịp tim thai (từ 50 - 210) và thang đo áp lực cơn co tử cung (từ 0-100 mmHg/0-13 kPa), - Tương thích máy đo tim thai và cơn gò Avalon FM20	Xấp/150 tờ	Xấp	1.600
340		6	Giấy in dùng ghi tim thai và cơn gò, cỡ 152 x 90mm	Giấy in dùng ghi tim thai và cơn gò - Giấy ghi tim thai, có bề mặt trơn láng, đường kẻ ô vuông rõ ràng, dễ đọc, in chi tiết rõ ràng, độ nhạy cao, dễ dàng đọc khi chẩn đoán. - Kích thước 152mm x 90mm x 150 tờ. - Tương thích máy Corometric, Bistos BT 350 - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE	Xấp/150 tờ	Xấp	100
341		3	Hệ thống giác hút cầm tay	Hệ thống giác hút cầm tay giúp sanh các kiểu thể của ngôi đầu: Châm vệ, châm cùng, châm ngang và mổ lấy thai, sử dụng 1 lần - Chất liệu bằng nhựa cứng Polypropylene - Có thanh chỉ số lực kéo đo áp lực mỗi lần kéo, có thể kiểm soát được lực trong khoảng 450-600 mmHg. Dây nối 11cm linh hoạt, nắp nhỏ gọn hỗ trợ đặt thiết bị vào điểm cúi, 3cm cách thóp sai trên đường kính dọc giữa. - Tiêu chuẩn ISO/FDA/CE	Hộp/5 cái	Cái	100
342		5	Khẩu trang 4 lớp có mặt nạ chống sương	Khẩu trang 4 lớp có mặt nạ chống sương - Có thanh tựa, dây cột, mặt nạ chống sương bằng tấm plastic trong không bị mờ, không tạo sương khi thở	Hộp/ 25 cái	Cái	4.600
343		6	Khẩu trang phòng ngừa qua đường không khí	Khẩu trang phòng ngừa qua đường không khí - Hiệu quả lọc 95% với hạt có kích thước tối thiểu 0.3 micromet - Thiết kế: nếp gấp chữ V và thanh kẹp mũi để dàng điều chỉnh - Đạt tiêu chuẩn: NIOSH N95, EN 143:2000 - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE/ FDA	Gói/1 cái	Cái	5.000
344		6	Kính bảo hộ mắt sử dụng một lần	Kính bảo hộ mắt dùng một lần - Gọng kính bằng nhựa ABS, mắt kính Polycarbonate - Màu trong suốt, gọng đen - Kích thước: viền kính bám sát khuôn mặt-vùng mắt - Đặc tính: khó bám nước, chống va đập, chống trầy xước, chống bụi, chống tĩnh điện, hạn chế tối đa giọt bắn, không gây hoa mắt chóng mặt khi sử dụng trong thời gian dài - Đáp ứng tiêu chuẩn EN 166/2002 hoặc ANSI Z87 - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE	Hộp/ 12 cái	Cái	1.400
345		3	Miếng ghép tạo hình mũi dạng lưới	Miếng ghép tạo hình mũi - Chất liệu Polyethylene tỉ trọng cao (HDPE), có các vi hốc liên thông đa hướng hỗ trợ mô phát triển bên trong với tổng thể tích rỗng lên đến 50% thể tích toàn phần, - Kích cỡ 40 x 9 x 1.1mm - Tiêu chuẩn FDA	Túi/ 1 cái	Cái	10
346		6	Nắp ống nghiệm	Nắp ống nghiệm, đầy được các ống nghiệm thường quy như heparin 4mL, EDTA 2mL có kích thước ống 13x75mm	Gói/ 1000 cái	Cái	500.000
347		6	Ống ly tâm 15ml	Ống nhựa dùng để chứa dung môi, dung dịch hóa chất trong quá trình ly tâm, sử dụng 1 lần - Chất liệu: Nhựa PP - Ống nhựa trong, có nắp rời, thân có chia vạch rõ ràng, có vùng nhãn trắng, thể tích 15ml. - Tiết khuẩn	Gói/ 25 cái	Cái	14.400

STT	Mã thông tư 04	Phân nhóm TT 14	Tên danh mục	Yêu cầu đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
348		3	Ống nghiệm chân không EDTA K2 4ml	Ống nghiệm chân không chứa dung dịch chất chống đông: K2 EDTA dạng phun sương trên thành ống. - Lượng chất chống đông: 7,2 mg. - Thể tích 2ml - Chất liệu ống: PET, chống sốc, trong suốt, tránh va chạm gây nứt trong quá trình vận chuyển, lấy máu, bảo quản, và xét nghiệm. - Nắp màu tím gồm 2 phần: phần bằng cao su butyl để duy trì chân không và dễ cắm kim trong quá trình lấy máu; phần nắp bằng nhựa PE để bảo vệ, chống nứt vỡ, có rãnh nhỏ, không bị trơn, trượt tay khi thao tác. - Tiệt khuẩn - Đóng gói: 50cái/khay - Tiêu chuẩn: ISO/ CE	Thùng/100 0 cái	Cái	3.000
349		3	Tấm lót khay, các cỡ	Tấm lót khay bảo vệ dụng cụ phẫu thuật nội soi, - Chất liệu: silicone - Kích thước: 270 x 190mm, 430 x 190 mm, 580 x 190 mm, - Tương thích với tiệt khuẩn nhiệt độ thấp công nghệ plasma (H2O2), hơi nước và Ethylene Oxide (EO). - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE.	Thùng/2 cái	Cái	16
350		4	Túi ép dẹp, cỡ 100mm x 200m	Túi ép dẹp đóng gói dụng cụ - Chất liệu: * Màng ép bằng Polyester và Polypropylene, trọng lượng khoảng 55g/m2 * Giấy y tế, trọng lượng khoảng 60 g/m2 - Kích thước: 100mm x 200 m, - Đặc điểm: chỉ thị hóa học chuyển màu đồng nhất và rõ sau khi tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn đóng gói như: FDA/CE/ EN/ ISO/ DIN - Tương thích với các phương pháp tiệt khuẩn: Hơi nước, EO...	Thùng/2 cuộn	Cuộn	180
351		4	Túi ép dẹp, cỡ 200mm x 200m	Túi ép dẹp đóng gói dụng cụ - Chất liệu: * Màng ép bằng Polyester và Polypropylene, trọng lượng khoảng 55g/m2 * Giấy y tế, trọng lượng khoảng 60 g/m2 - Kích thước: 200mm x 200mm - Đặc điểm: chỉ thị hóa học chuyển màu đồng nhất và rõ sau khi tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn đóng gói như: FDA/CE/ EN/ ISO/ DIN - Tương thích với các phương pháp tiệt khuẩn: Hơi nước, EO...	Thùng/4 cuộn	Cuộn	215
352		4	Túi ép dẹp, cỡ 250mm x 200m	Túi ép dẹp đóng gói dụng cụ - Chất liệu: * Màng ép bằng Polyester và Polypropylene, trọng lượng khoảng 55g/m2 * Giấy y tế, trọng lượng khoảng 60 g/m2 - Kích thước: 250mm x 200mm - Đặc điểm: chỉ thị hóa học chuyển màu đồng nhất và rõ sau khi tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn đóng gói như: FDA/CE/ EN/ ISO/ DIN - Tương thích với các phương pháp tiệt khuẩn: Hơi nước, EO...	Thùng/2 cuộn	Cuộn	15
353		4	Túi ép dẹp, cỡ 300mm x 200m	Túi ép dẹp đóng gói dụng cụ - Chất liệu: * Màng ép bằng Polyester và Polypropylene, trọng lượng khoảng 55g/m2 * Giấy y tế, trọng lượng khoảng 60 g/m2 - Kích thước: 300mm x 200mm - Đặc điểm: chỉ thị hóa học chuyển màu đồng nhất và rõ sau khi tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn đóng gói như: FDA/CE/ EN/ ISO/ DIN - Tương thích với các phương pháp tiệt khuẩn: Hơi nước, EO...	Thùng/2 cuộn	Cuộn	27
354		4	Túi ép phẳng, cỡ 100mm x 50mm x 100 m	Túi ép phẳng đóng gói dụng cụ - Chất liệu: * Màng ép bằng Polyester và Polypropylene, trọng lượng khoảng 55g/m2 * Giấy y tế, trọng lượng khoảng 60 g/m2 - Kích thước: 100mm x 50mm x 100 m - Đặc điểm: chỉ thị hóa học chuyển màu đồng nhất và rõ sau khi tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn đóng gói như: FDA/CE/ EN/ ISO/ DIN - Tương thích với các phương pháp tiệt khuẩn: Hơi nước, EO...	Thùng/2 cuộn	Cuộn	206
355		4	Túi ép phẳng, cỡ 150mm x 50mm x 100 m	Túi ép phẳng đóng gói dụng cụ - Chất liệu: * Màng ép bằng Polyester và Polypropylene, trọng lượng khoảng 55g/m2 * Giấy y tế, trọng lượng khoảng 60 g/m2 - Kích thước: 150mm x 50mm x 100 m - Đặc điểm: chỉ thị hóa học chuyển màu đồng nhất và rõ sau khi tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn đóng gói như: FDA/CE/ EN/ ISO/ DIN - Tương thích với các phương pháp tiệt khuẩn: Hơi nước, EO...	Thùng/4 cuộn	Cuộn	152

STT	Mã thông tư 04	Phân nhóm TT 14	Tên danh mục	Yêu cầu đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
356		4	Túi ép phẳng, cỡ 200mm x 55mm x 100m	Túi ép phẳng đóng gói dụng cụ - Chất liệu: * Màng ép bằng Polyester và Polypropylene, trọng lượng khoảng 55g/m2 * Giấy y tế, trọng lượng khoảng 60 g/m2 - Kích thước: 200mm x 55mm x 100 m - Đặc điểm: chỉ thị hóa học chuyển màu đồng nhất và rõ sau khi tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn đóng gói như: ISO 11607 1-2: 2006, EN 868-3-5: 2007, ISO 11140-1: 2005, - Tương thích với các phương pháp tiệt khuẩn: Hơi nước, EO...	Thùng/4 cuộn	Cuộn	110
357		4	Túi ép phẳng, cỡ 300mm x 80mm x 100 m	Túi ép phẳng đóng gói dụng cụ - Chất liệu: * Màng ép bằng Polyester và Polypropylene, trọng lượng khoảng 55g/m2 * Giấy y tế, trọng lượng khoảng 60 g/m2 - Kích thước: 300mm x 80mm x 100 m - Đặc điểm: chỉ thị hóa học chuyển màu đồng nhất và rõ sau khi tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn đóng gói như: FDA/CE/ EN/ ISO/ DIN - Tương thích với các phương pháp tiệt khuẩn: Hơi nước, EO...	Thùng/2 cuộn	Cuộn	37
358		4	Túi ép phẳng, cỡ 350mm x 80mm x 100 m	Túi ép phẳng đóng gói dụng cụ - Chất liệu: * Màng ép bằng Polyester và Polypropylene, trọng lượng khoảng 55g/m2 * Giấy y tế, trọng lượng khoảng 60 g/m2 - Kích thước: 350mm x 80mm x 100 m - Đặc điểm: chỉ thị hóa học chuyển màu đồng nhất và rõ sau khi tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn đóng gói như: FDA/CE/ EN/ ISO/ DIN - Tương thích với các phương pháp tiệt khuẩn: Hơi nước, EO...	Thùng/2 cuộn	Cuộn	35
359		6	Dụng cụ nâng cổ tử cung	Dụng cụ nâng cổ tử cung, giảm áp lực mở cổ tử cung ngừa sinh non - Chất liệu: silicon, đàn hồi có thể gấp lại. - Đường kính ngoài 65 - 70mm, đường kính trong 32 - 35 mm, chiều cao 21 - 25 mm - Có lỗ thoát dịch. - Tiêu chuẩn ISO/FDA/CE	Gói/1 cái	Cái	70
360		6	Vòng tránh thai	Vòng tránh thai đặt vào tử cung để tránh thai - Chất liệu: nhựa dẻo, hình chữ T - Đặc điểm: có ống đồng khoảng 66.5 mg (ở 2 nhánh ngang và nhánh dọc), có dây có cuối nhánh dọc giúp lấy ra dễ dàng, có thước đo và ống đặt - Đóng gói tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO	Gói/50 cái	Cái	320
361		6	Vòng tránh thai chứa nội tiết	Vòng tránh thai chứa nội tiết - Chất liệu: nhựa dẻo thấm Sulfate Barium cản quang, hình dạng chữ T - Chiều dài khoảng 32mm - Đặc điểm: tận cùng của khung T là vòng nhỏ có gắn sợi dây bằng polyethylene. trong thân chứa Steroid bọc ở phía ngoài nhánh dọc chữ T, chứa 52mg levonorgestrel (LNG) và được phủ bên ngoài bởi một lớp màng polydimethylsiloxane có tác dụng điều chỉnh sự phóng thích LNG trong buồng tử cung - Đóng gói tiệt khuẩn từng cái - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE	Hộp/1 cái	Cái	270
362		6	Cảm biến đo hoạt động não khi gây mê toàn thân hoặc an thần dùng cho trẻ em	Cảm biến đo hoạt động não khi gây mê toàn thân hoặc an thần dùng cho trẻ em - Chất liệu: Tấm Polycarbonate, Tấm đệm: Đồng/ brass/Kapton, Mạch linh hoạt: Màng hình in Polysster với dung môi Ag/AgCl và dung môi đã được xử lý, Gel điện cực: Dung dịch chất lỏng, Điện cực: Nhựa Nylon xanh, Miếng xốp điện: Bột polyurethane/polyester, Điện cực: 1/32" bọt trắng polyethylene Basepad: 1/16" bọt trắng polyethylene - Kích thước: 10.5 in x 1.1 in (26.7cm x 2.8cm), trọng lượng khoảng 3.2g - Tương thích với máy BIS monitor - Tiêu chuẩn ISO/CE/FDA	Gói/1 cái	Cái	40
363		3	Ống thử chức năng đông máu dùng cho máy cầm tay tại chỗ	Ống thử chức năng đông máu dùng cho máy cầm tay tại chỗ - Chất phản ứng: silica, kaolin, phospholipid - Mức heparin đáp ứng: 1-6đv/ml máu, - Số kênh thử: 1 - Lượng máu cần thiết: 1-2 giọt, dùng xilanh 1ml - Tương thích máy Hemochron Signature Elite của Bệnh Viện - Tiêu chuẩn ISO/CE/FDA	Hộp/45 kit	hộp	45

STT	Mã thông tư 04	Phân nhóm TT 14	Tên danh mục	Yêu cầu đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
364		3	Thẻ xét nghiệm ACT	Thẻ xét nghiệm ACT bao gồm các thông số đông máu - Hỗ trợ lắp đặt máy - Tương đương loại Celite - Tiêu chuẩn ISO/CE/FDA	Gói/1 cái	Cái	1.000
365		6	Chất làm đầy dành cho vùng mắt	Chất làm đầy dành cho vùng mắt, tiêm vào lớp dưới hạ bì sát xương. - Thành phần: Hoạt chất Hyaluronic acid liên kết chéo, mức độ liên kết chéo <5%, độ cứng gel ~350Pa, 20mg/ml và lidocain 3mg/ml. Dung dịch đệm phosphate pH 7,2/ml. - Đặc tính: trơn mịn, tinh khiết vô khuẩn, trong suốt, được chứa trong ống tiêm bằng nhựa 1ml - 04 Kim tiêm bằng thép không gỉ, cỡ 27G 1/2 inch - Hiệu quả kéo dài 24 tháng - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn CE/ISO	Hộp 2 ống Ống/ 1ml	Ống	30
366		6	Chất làm đầy dành cho vùng da dưới hạ bì giữa sâu	Chất làm đầy dành cho vùng da dưới hạ bì giữa sâu - Thành phần: Hoạt chất Hyaluronic acid liên kết chéo, mức độ liên kết chéo 8%, độ cứng gel ~200Pa, 24mg/ml và lidocain 3mg/ml. Dung dịch đệm phosphate pH 7,2/ml. - Đặc tính: Dạng gel tinh khiết vô khuẩn, trong suốt, đóng trong ống tiêm bằng thủy tinh 1ml - 04 kim tiêm bằng thép không gỉ, cỡ 27G 1/2 inch - Hiệu quả kéo dài 12 tháng - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn CE/ISO	Hộp 2 ống Ống/ 1ml	Ống	30
367		6	Chất làm đầy da dùng tiêm vào lớp giữa hạ bì	Chất làm đầy da dùng tiêm vào lớp giữa hạ bì - Thành phần: Hoạt chất Hyaluronic acid liên kết chéo, mức độ liên kết chéo 6%, độ cứng gel ~170Pa, 24mg/ml và lidocain 3mg/ml. Dung dịch đệm phosphate pH 7,2/ml. - Đặc tính: Dạng gel tinh khiết, trơn mịn, vô khuẩn, trong suốt, đóng trong ống tiêm bằng nhựa 1ml. - 04 kim tiêm bằng thép không gỉ, cỡ 30G 1/2 inch - Hiệu quả kéo dài 12 tháng - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn CE/ISO	Hộp 2 ống Ống/ 1ml	Ống	30
368		6	Chất làm đầy và làm ẩm dành cho vùng da trung bì	Chất làm đầy và làm ẩm dành cho vùng da trung bì, tái tạo, khắc phục vết thâm và khiếm khuyết bề mặt ở vùng mặt và các khu vực khác cơ thể. - Thành phần: hoạt chất Hyaluronic acid ổn định 16mg/ml; Sodium Chloride, Phosphate buffer, nước cất 1ml - Kim bằng thép không gỉ, cỡ 33G, dài 4mm - Dạng gel tinh khiết, trong suốt, đóng trong ống tiêm bằng thủy tinh 1ml. - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn CE/ISO	Hộp 3 ống/1ml	Ống	10
369		3	Dụng cụ luồn chỉ nạp chỉ, bản chỉ cố định lưới gia cố sàn chậu âm đạo	Dụng cụ luồn chỉ nạp chỉ, bản chỉ cố định lưới gia cố sàn chậu âm đạo, dùng nhiều lần - Chất liệu: Thép y tế không gỉ - Tiêu chuẩn CE/ISO/FDA	Hộp/ 1 cái	Cái	1
370		3	Dụng cụ treo bộ lưới gia cố sàn âm đạo	Dụng cụ treo bộ lưới gia cố sàn âm đạo trong điều trị tiểu không tự chủ - Chất liệu bằng thép y tế, cân bằng silicon mềm - Chiều dài tổng 316 mm - Chiều dài tay cầm: 127 mm - Đường kính vòng dụng cụ: 40 mm - Tiêu chuẩn CE/ISO/FDA	Hộp/ 1 cái	Cái	2
371		6	Dung dịch chống dính sau phẫu thuật	Dung dịch chống dính sau phẫu thuật - Dung dịch chứa Sodium Hyaluronate, dạng gel - Thể tích 3ml - Tiêu chuẩn CE/ISO/FDA	Hộp/1 ống (bơm tiêm)	Ống	180
372			Khí cụ dùng chỉnh nha	Khí cụ dùng chỉnh nha, được gắn vào mặt trong răng hàm trên, có tác dụng kích thích sự phát triển của cung hàm rộng ra, điều chỉnh cung hàm phát triển sao cho cân đối với tổng thể khuôn mặt. - Chất liệu: thép không gỉ - Kích thước: Tùy theo kích thước hàm của bệnh nhân, lắp thiết kế lên hàm, phù hợp theo từng chỉ định của bác sĩ. - Hỗ trợ kỹ thuật viên phối hợp với Bác sĩ của Bệnh viện để hoàn thiện sản phẩm - Yêu cầu khi sử dụng: tương thích với mẫu hàm được nha sĩ lấy từ miệng người bệnh, không kích ứng niêm mạc miệng, để chỉnh sửa theo mỗi khuôn hàm theo nhu cầu điều trị.	Gói/1 cái	Cái	30
373		3	Bình chứa dịch 3 lít dùng trong truyền dịch nhanh	Bình chứa dịch 3 lít dùng trong truyền dịch nhanh - Bằng nhựa trong, không chứa nhôm - Thể tích 3000 ml, bộ lọc 160 micron, 3 cổng đầu vào, 1 cổng đầu ra, 2 cổng thông xả khí. - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn CE/ISO/FDA - Tương thích máy truyền dịch nhanh Belmont	Gói/1 cái	Cái	20

STT	Mã thông tư 04	Phân nhóm TT 14	Tên danh mục	Yêu cầu đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
374		3	Bình CO2 dùng cho băng đạn bắn liên tục	Bình CO2 dùng cho băng đạn bắn liên tục - Tương thích với tay cầm cùng hãng - Tiêu chuẩn CE/ISO	Hộp / 3 cái	Cái	90
375		3	Bộ phụ kiện lấy dịch dùng trong việc truyền nhanh	Bộ phụ kiện lấy dịch dùng trong việc truyền nhanh (dịch, máu...) cho người bệnh - Bằng nhựa trong, không chứa nhôm - Gồm: Bình chứa dịch 120ml với bộ lọc 250 micron và bộ lọc ky nước để loại bỏ khí. Cụm đầu 3 dây lấy dịch. Bộ trao đổi nhiệt. Buồng ngăn áp suất. Dây nối người bệnh dài 54" với cổng tiêm. - Tệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng ISO/CE/FDA - Tương thích máy truyền dịch nhanh Belmont	gói/ 1 bộ	Bộ	20
376		3	Vật liệu gắn mắc cài sử dụng trong chỉnh hình hàm mặt	Vật liệu gắn mắc cài sử dụng trong chỉnh hình hàm mặt - Thành phần: 2 tuýp composite x4g/1, ống primer:6ml/ 1 cân giữ và 60 tip quét primer - Tiêu chuẩn: ISO - Tương thích với đèn quang trùng hợp. - Yêu cầu khi sử dụng: dán tốt cho mắc cài kim loại và mắc cài sứ, cho phép điều chỉnh vị trí mắc cài, tăng thời gian làm việc, không bị trượt mắc cài, dễ dàng lấy chất gắn dư - Transbond XT hoặc tương đương	Hộp/1 ống	ống	6
377			Cùi giả kim loại	Cùi giả kim loại tái tạo cùi răng và mô chân răng liên kết với nhau thông qua chốt. Nhờ điều này mà lực nhai đi qua mào răng tới phần tái tạo cùi răng có thể dễ dàng đi xuống mô chân răng và toả ra mô nha chu xung quanh. - Chất liệu: Thép không gỉ. - Kích thước: Tùy theo kích thước hàm của bệnh nhân, lắp thiết kế lên hàm, phù hợp theo từng chỉ định của bác sĩ. - Hỗ trợ kỹ thuật viên phối hợp với Bác sĩ của Bệnh viện để hoàn thiện sản phẩm - Yêu cầu khi sử dụng: không kích ứng niêm mạc miệng	Gói/1 cái	Cái	60
378			Cung lưỡi (Hàm dưới)	Cung lưỡi dùng để duy trì sự thẳng hàng của các răng hàm dưới (36, 46) ở nguyên 1 vị trí trong quá trình niềng răng, giữ cho các răng hàm không bị xô dịch, được lưu giữ nhờ các khâu nắn chỉnh răng hoặc các chụp thép có sẵn - Chất liệu: dây blue Elgiloy. - Kích thước: Tùy theo kích thước hàm của bệnh nhân, lắp thiết kế lên hàm, phù hợp theo từng chỉ định của bác sĩ. - Hỗ trợ kỹ thuật viên phối hợp với Bác sĩ của Bệnh viện để hoàn thiện sản phẩm - Yêu cầu khi sử dụng: Đây là khí cụ cố định được gắn chặt vào cung hàm dưới, không kích ứng niêm mạc miệng, không thấm hút nước bọt, dễ dàng chỉnh sửa theo yêu cầu của nha sĩ.	Gói/1 cái	Cái	5
379			Khí cụ cố định cho các răng hàm	Khí cụ cố định cho các răng hàm (16, 26) ở hàm trên cố định ở nguyên 1 vị trí trong quá trình niềng răng, giữ cho các răng hàm không bị xô dịch. Được lưu giữ nhờ các khâu nắn chỉnh răng hoặc các chụp thép có sẵn. - Chất liệu: bằng nhựa và cung thép. - Kích thước: Tùy theo kích thước hàm của bệnh nhân, lắp thiết kế lên hàm, phù hợp theo từng chỉ định của bác sĩ. - Hỗ trợ kỹ thuật viên phối hợp với Bác sĩ của Bệnh viện để hoàn thiện sản phẩm - Yêu cầu khi sử dụng: không kích ứng niêm mạc miệng	Gói/1 cái	Cái	20
380		3	Dây cưa sọ dài 400mm	Dây cưa sọ, - Bằng thép không gỉ, mảnh xoắn có thể uốn cong, - Dài 400mm, đường kính 1.4mm - Tiêu chuẩn ISO/CE	Ông/ 5 sợi	sợi	130
381			Đệm hàm cứng	Đệm hàm cứng dùng lót bên trong hàm giả trong trường hợp hàm giả đang đeo bị lỏng không khớp với cung hàm. - Chất liệu: Nhựa Acrylic GC - Kích thước: Tùy theo kích thước hàm của bệnh nhân, lắp thiết kế lên hàm, phù hợp theo từng chỉ định của bác sĩ. - Hỗ trợ kỹ thuật viên phối hợp với Bác sĩ của Bệnh viện để hoàn thiện sản phẩm - Yêu cầu khi sử dụng: tạo nên lớp êm ái giữa hàm giả và nướu, giảm áp lực hàm giả tác động vào nướu, cải thiện độ dính và vừa khít giữa hàm giả và cung hàm, tạo cảm giác thoải mái, không vướng, không cộm, không gây tổn thương nướu và niêm mạc miệng, mùi dễ chịu, không phát sinh nhiệt.	Gói/1 cái	Cái	10

STT	Mã thông tư 04	Phân nhóm TT 14	Tên danh mục	Yêu cầu đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
382			Hàm (máng, cung) duy trì dán mặt lưỡi	Hàm (máng, cung) duy trì thường dán mặt lưỡi sử dụng cho thủ thuật làm lại khi cụ duy trì kết quả, tháo lắp hoặc cố định - Chất liệu: Nhựa biocyl đối với hàm tháo lắp, bằng thép không gỉ đối với hàm cố định. - Kích thước: Tùy theo kích thước hàm của bệnh nhân, lắp thiết kế lên hàm, phù hợp theo từng chỉ định của bác sĩ. - Hỗ trợ kỹ thuật viên khi bệnh viện có yêu cầu - Yêu cầu khi sử dụng: không kích ứng niêm mạc miệng, dễ dàng chỉnh sửa theo nhu cầu điều trị	Gói/1 cái	Cái	10
383			Hàm khung tháo lắp kim loại	Hàm khung tháo lắp, dùng cho bệnh nhân mất răng riêng lẻ. được dùng giống như một giá đỡ kết nối các răng mất với nhau tạo thành hệ thống răng giả tháo lắp có chất liệu bằng kim loại - Chất liệu: kim loại Verabond Ni 77.95%, Be 1.95%, Cr 12.6%, Mo 5%, Al 2.9%, Co 0.45% . - Kích thước: Tùy theo kích thước hàm của bệnh nhân, lắp thiết kế lên hàm, phù hợp theo từng chỉ định của bác sĩ.	Gói/1 cái	Cái	85
384			Hàm khung liên kết tháo lắp	Hàm khung tháo lắp, dùng cho bệnh nhân mất quá nhiều răng, được dùng giống như một giá đỡ kết nối các răng mất với nhau tạo thành hệ thống răng giả tháo lắp có chất liệu bằng - Chất liệu: Vật liệu khung titanium hoặc Chrome Cobalt. - Kích thước: Tùy theo kích thước hàm của bệnh nhân, lắp thiết kế lên hàm, phù hợp theo từng chỉ định của bác sĩ.	Gói/1 cái	Cái	5
385			Hàm khung tháo lắp, loại titan	Hàm khung tháo lắp, dùng cho bệnh nhân mất răng riêng lẻ. được dùng giống như một giá đỡ kết nối các răng mất với nhau tạo thành hệ thống răng giả tháo lắp có chất liệu bằng Titan - Chất liệu: Titan 100%. - Kích thước: Tùy theo kích thước hàm của bệnh nhân, lắp thiết kế lên hàm, phù hợp theo từng chỉ định của bác sĩ.	Gói/1 cái	Cái	5
386			Hàm nhựa dẻo	Hàm nhựa dẻo giúp sử dụng trong trường hợp toàn bộ răng bị mất trên cung hàm, - Chất liệu: Nhựa dẻo valplast. - Kích thước: Tùy theo kích thước hàm của bệnh nhân, lắp thiết kế lên hàm, phù hợp theo từng chỉ định của bác sĩ. - Hỗ trợ kỹ thuật viên phối hợp với Bác sĩ của Bệnh viện để hoàn thiện sản phẩm - Yêu cầu khi sử dụng: vừa khít với răng mất trên miệng người bệnh, tạo cảm giác thoải mái, không vướng, không cộm, không gây tổn thương nướu và niêm mạc miệng	Gói/1 cái	Cái	5
387			Hàm nhựa dẻo (loại 1/2 hàm)	Hàm nhựa dẻo lắp đầy khoảng trống mất răng, cải thiện chức năng ăn nhai và ngăn cản sự dịch chuyển của các răng bên cạnh, loại 1/2 của hàm - Chất liệu: Nhựa dẻo valplast. - Kích thước: Tùy theo kích thước hàm của bệnh nhân, lắp thiết kế lên hàm, phù hợp theo từng chỉ định của bác sĩ. - Hỗ trợ kỹ thuật viên phối hợp với Bác sĩ của Bệnh viện để hoàn thiện sản phẩm - Yêu cầu khi sử dụng: vừa khít với răng mất trên miệng người bệnh, tạo cảm giác thoải mái, không vướng, không cộm, không gây tổn thương nướu và niêm mạc miệng	Gói/1 cái	Cái	5
388			Hàm nhựa dẻo (loại 1/4 hàm)	Hàm nhựa dẻo lắp đầy khoảng trống mất răng, cải thiện chức năng ăn nhai và ngăn cản sự dịch chuyển của các răng bên cạnh, loại 1/4 của hàm - Chất liệu: Nhựa dẻo valplast. - Kích thước: Tùy theo kích thước hàm của bệnh nhân, lắp thiết kế lên hàm, phù hợp theo từng chỉ định của bác sĩ. - Hỗ trợ kỹ thuật viên phối hợp với Bác sĩ của Bệnh viện để hoàn thiện sản phẩm - Yêu cầu khi sử dụng: vừa khít với răng mất trên miệng người bệnh, tạo cảm giác thoải mái, không vướng, không cộm, không gây tổn thương nướu và niêm mạc miệng	Gói/1 cái	Cái	5
389			Hàm phủ trên bốn trụ implant	Hàm phủ dùng trong kỹ thuật thay thế toàn bộ răng đã mất bằng cách cấy ghép bốn trụ Implant, bốn trụ Implant được cấy ghép có vai trò như những chân răng thật giúp nâng đỡ hàm phục hình tháo lắp. - Chất liệu: Titan 100%. - Kích thước: Tùy theo kích thước hàm của bệnh nhân, lắp thiết kế lên hàm, phù hợp theo từng chỉ định của bác sĩ. - Tương thích với vật liệu cấy ghép răng Implant Titanim C1-grade 23 hoặc tương đương	Gói/1 cái	Cái	2

STT	Mã thông tư 04	Phân nhóm TT 14	Tên danh mục	Yêu cầu đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
390			Inlay - onlay sứ zirconia	Inlay- onlay dùng trong khôi phục, sửa chữa răng bị sâu hoặc bị rạn, nứt và không cần dùng đến mão răng. Inlay cũng tương tự như một miếng trám được đúc nằm bên trong những đỉnh múi răng. Còn Onlay bao phủ lên một hoặc nhiều múi răng. - Chất liệu: bột sứ E-max của IvoclarVivadent, Noritake, Ceramco3 PFZ-Dentsply - Kích thước: tùy theo kích thước và vị trí răng của bệnh nhân, phù hợp với chỉ định của Bác sĩ - Chịu lực ăn nhai lên đến 1500 Mpa - Bảo hành 10 năm - Tương thích với các bộ so màu (Vita3D, Vita classical, Socope). - Hỗ trợ kỹ thuật khi Bệnh viện có yêu cầu - Yêu cầu khi sử dụng: có khả năng đề kháng với sự lan truyền nứt gãy	Gói/1 cái	Cái	2
391		6	Kềm cắt xương	Kềm giúp lấy bớt phần xương dư, làm nhẵn các gờ xương trong quá trình phẫu thuật thủ thuật vùng hàm mặt như tạo hình xương ổ, tạo hình xương hàm, lấy mô mềm lớn... - Chất liệu: Thép không gỉ tương đương Carbide Tungstene - Kích thước: 15-25 cm, - Cấu tạo: Tay cầm gắn trực có giới hạn tạo khoảng mở cố định, đầu kềm cong 25-35 độ, nhọn vừa phải, có rãnh sắc bén giúp cắt xương dễ dàng, - Thích hợp với chu trình tiệt khuẩn khô hoặc hơi nước (nhiệt độ cao ở 132-134 độ - Hu-Friedy hoặc tương đương	Gói/1 cái	Cái	3
392			Khay cá nhân	Khay cá nhân là công cụ hỗ trợ lấy dấu chính xác nhất đối với nền hàm giả - Chất liệu: Nhựa tự cứng. - Kích thước: Tùy theo kích thước hàm của bệnh nhân, lắp thiết kế lên hàm, phù hợp theo từng chỉ định của bác sĩ. - Hỗ trợ kỹ thuật viên phối hợp với Bác sĩ của Bệnh viện để hoàn thiện sản phẩm - Yêu cầu khi sử dụng: phải vừa khít với hàm được lấy dấu trên miệng người bệnh.	Gói/1 cái	Cái	60
393		6	Khí cụ điều chỉnh khớp cắn hạng hai	Khí cụ điều chỉnh khớp cắn hạng hai (dùng cho điều trị lệch lạc khớp cắn) - Chất liệu: Thép không gỉ - Cấu tạo: một bộ bao gồm lò xo, dụng cụ kéo, ốc vặn - Chiều dài lò xo nhiều kích cỡ từ 22 đến 33mm. - Đường kính lò xo từ 0.88 đến 1.38 inch - Thích hợp với chu trình tiệt khuẩn khô hoặc hơi nước (nhiệt độ cao ở 132-134 độ) - Hoặc tương đương Forsus EZ2	Gói/1 cái	Cái	3
394			Khí cụ niềng răng không mắc cài, tháo lắp phức tạp 2 hàm	Khí cụ niềng răng không mắc cài, tác động đưa hàm dưới ra trước điều trị các trường hợp lùi cằm - Chất liệu : nhựa acrylic - Cấu tạo: đúc rời 2 khối, khối hàm trên tách rời khối hàm dưới. - Kích thước: Tùy theo kích thước hàm của bệnh nhân, lắp thiết kế lên hàm, phù hợp theo từng chỉ định của bác sĩ. - Hỗ trợ kỹ thuật viên khi Bệnh viện có yêu cầu. - Yêu cầu khi sử dụng: không kích ứng trong môi trường miệng, dễ dàng chỉnh sửa theo nhu cầu điều trị.	Gói/1 cái	Cái	5
395			Khí cụ dùng nắn chỉnh trong các trường hợp răng cắn ngược, móm	Khí cụ dùng trong nắn chỉnh trong các trường hợp răng cắn ngược, móm - Chất liệu: nhựa acrylic - Cấu tạo: gồm một khối gắn cố định vào hàm trên. - Kích thước: Tùy theo kích thước hàm của bệnh nhân, lắp thiết kế lên hàm, phù hợp theo từng chỉ định của bác sĩ.. - Hỗ trợ kỹ thuật viên khi Bệnh viện có yêu cầu - Yêu cầu khi sử dụng: không kích ứng trong môi trường miệng, dễ dàng chỉnh sửa theo nhu cầu điều trị.	Gói/1 cái	Cái	5
396			Khí cụ giúp duy trì và tránh tái phát khe hở giữa các răng còn lại sau chỉnh nha	Khí cụ dùng trong trường hợp răng khôn bị nhổ, giúp duy trì và tránh tái phát khe hở giữa các răng còn lại do nhổ răng. - Chất liệu: Nhựa tích hợp cùng móc hoặc lò xo bằng thép không gỉ để phủ lên niêm mạc miệng của hàm trên hoặc hàm dưới nhằm tạo mặt phẳng, kiểm soát độ cắn. - Kích thước: Tùy theo kích thước hàm của bệnh nhân, lắp thiết kế lên hàm, phù hợp theo từng chỉ định của bác sĩ. - Hỗ trợ kỹ thuật viên khi bệnh viện có yêu cầu	Gói/1 cái	Cái	70
397			Khí cụ niềng răng không mắc cài, tác động đưa hàm dưới ra trước nhằm kéo dài xương hàm dưới	Khí cụ niềng răng không mắc cài, tác động đưa hàm dưới ra trước nhằm kéo dài xương hàm dưới - Chất liệu: nhựa acrylic - Cấu tạo: đúc liền 1 khối, tương thích với mẫu hàm lấy từ miệng người bệnh, không kích ứng trong môi trường miệng, dễ dàng chỉnh sửa theo nhu cầu điều trị. - Hỗ trợ kỹ thuật viên khi Bệnh viện có yêu cầu	Gói/1 cái	Cái	5

STT	Mã thông tư 04	Phân nhóm TT 14	Tên danh mục	Yêu cầu đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
398			Khí cụ niềng răng không mắc cài, tác động đưa hàm dưới ra sau điều trị các trường hợp nhô hàm dưới	Khí cụ niềng răng không mắc cài, tác động đưa hàm dưới ra sau điều trị các trường hợp nhô hàm dưới - Chất liệu : nhựa acrylic - Cấu tạo: đúc liền 1 khối, khối hàm trên và khối hàm dưới liền nhau - Kích thước: Tùy theo kích thước hàm của bệnh nhân, lắp thiết kế lên hàm, phù hợp theo từng chỉ định của bác sĩ. - Hỗ trợ kỹ thuật viên khi Bệnh viện có yêu cầu. - Yêu cầu khi sử dụng: không kích ứng trong môi trường miệng, dễ dàng chỉnh sửa theo nhu cầu điều trị.	Gói/1 cái	Cái	5
399			Lưới hàm	Lưới hàm nằm bên trong hàm giả, tăng cường độ cứng, bền của hàm, hạn chế gãy. - Chất liệu: Thép không gỉ - Kích thước: Tùy theo kích thước hàm của bệnh nhân, lắp thiết kế lên hàm, phù hợp theo từng chỉ định của bác sĩ. - Hỗ trợ kỹ thuật viên phối hợp với Bác sĩ của Bệnh viện để hoàn thiện sản phẩm - Yêu cầu khi sử dụng: phải nằm ẩn hoàn toàn trong nền hàm, không ảnh hưởng trong quá trình điều chỉnh khớp cắn của hàm giả, không gây kích ứng trong miệng.	Gói/1 cái	Cái	5
400			Mắc cài đơn	Mắc cài đơn liên kết giữa hàm khung và răng giả trên khung, tạo sự cố định, bền chắc của hàm răng giả - Chất liệu: Kim loại - Kích thước: Tùy theo kích thước hàm của bệnh nhân, lắp thiết kế lên hàm, phù hợp theo từng chỉ định của bác sĩ	Gói/1 cái	Cái	10
401			Máng nhai điều trị loạn năng khớp thái dương hàm (Máng cứng)	Máng nhai hỗ trợ cho người bệnh tránh tụt nghiêng răng. - Chất liệu: Nhựa biocyl (loại cứng). - Độ dày của máng: phụ thuộc vào chỉ định điều trị đối với mỗi tình trạng bệnh - Kích thước: Tùy theo kích thước hàm của bệnh nhân, lắp thiết kế lên hàm, phù hợp theo từng chỉ định của bác sĩ. - Hỗ trợ kỹ thuật viên phối hợp với Bác sĩ của Bệnh viện để hoàn thiện sản phẩm - Yêu cầu khi sử dụng: vừa khít với hình thể tất cả răng trên miệng người bệnh, tạo cảm giác thoải mái, không vướng, không cộm, không gây tổn thương nướu và niêm mạc miệng	Gói/1 cái	Cái	220
402			Máng nhai điều trị loạn năng khớp thái dương hàm (Máng mềm)	Máng nhai hỗ trợ cho người bệnh tránh tụt nghiêng răng. - Chất liệu: Nhựa silicone. - Độ dày của máng: phụ thuộc vào chỉ định điều trị đối với mỗi tình trạng bệnh - Kích thước: Tùy theo kích thước hàm của bệnh nhân, lắp thiết kế lên hàm, phù hợp theo từng chỉ định của bác sĩ. - Hỗ trợ kỹ thuật viên phối hợp với Bác sĩ của Bệnh viện để hoàn thiện sản phẩm - Yêu cầu khi sử dụng: vừa khít với hình thể tất cả răng trên miệng người bệnh, tạo cảm giác thoải mái, không vướng, không cộm, không gây tổn thương nướu và niêm mạc miệng	Gói/1 cái	Cái	60
403			Máng hướng dẫn phẫu thuật	Máng hướng dẫn phẫu thuật dùng cho những trường hợp cấy ghép răng Implant bị mất nhiều răng liền kề hoặc trong các trường hợp phẫu thuật chỉnh hình hàm mặt, được thiết kế dạng 3D dựa trên phim chụp CT và dấu hàm của người bệnh - Chất liệu: nhựa acrylic trong suốt - Kích thước: tùy theo mẫu dấu lấy từ miệng người bệnh, phù hợp với vị trí và kích thước răng của người bệnh - Hỗ trợ kỹ thuật khi Bệnh viện có yêu cầu. - Yêu cầu khi sử dụng: Không gây kích ứng trong môi trường miệng, dễ dàng điều chỉnh theo nhu cầu điều trị	Gói/1 cái	Cái	5
404			Máng tẩy nhựa cứng	Máng chứa thuốc tẩy trắng răng. - Chất liệu: Nhựa biocyl (loại cứng). - Kích thước: Tùy theo kích thước hàm của bệnh nhân, lắp thiết kế lên hàm, phù hợp theo từng chỉ định của bác sĩ. - Hỗ trợ kỹ thuật viên phối hợp với Bác sĩ của Bệnh viện để hoàn thiện sản phẩm - Yêu cầu khi sử dụng: vừa khít với hình thể tất cả răng trên miệng người bệnh, tạo cảm giác thoải mái, không vướng, không cộm, không gây tổn thương nướu và niêm mạc miệng	Gói/1 cái	Cái	15
405			Máng tẩy nhựa mềm	Máng tẩy chứa thuốc tẩy trắng răng. - Chất liệu: Nhựa silicone. - Kích thước: Tùy theo kích thước hàm của bệnh nhân, lắp thiết kế lên hàm, phù hợp theo từng chỉ định của bác sĩ. - Hỗ trợ kỹ thuật viên phối hợp với Bác sĩ của Bệnh viện để hoàn thiện sản phẩm - Yêu cầu khi sử dụng: vừa khít với hình thể tất cả răng trên miệng người bệnh, tạo cảm giác thoải mái, không vướng, không cộm, không gây tổn thương nướu và niêm mạc miệng	Gói/1 cái	Cái	100

STT	Mã thông tư 04	Phân nhóm TT 14	Tên danh mục	Yêu cầu đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
406			Mặt dán sứ	Mặt dán sứ mỏng được dán mặt trước răng bằng một loại keo đặc biệt, trong trường hợp răng bị thưa, sức mẻ, nhiễm màu - Chất liệu: Sứ IPS e.max - Kích thước: Tùy theo kích thước răng của bệnh nhân, lắp thiết kế lên hàm, phù hợp theo từng chỉ định của bác sĩ. - Tương thích với các bộ so màu (Vita3D, Vita classical, Socope) - Hỗ trợ kỹ thuật viên phối hợp với Bác sĩ của Bệnh viện để hoàn thiện sản phẩm	Gói/1 cái	Cái	20
407			Khí cụ (ốc) nối rộng cổ định/tháo lắp	Khí cụ (ốc) dùng cố định hoặc tháo lắp, dùng để nong xương khẩu cái và nong răng tạo thêm khoảng cho cung răng. - Chất liệu: Thép không gỉ - Kích thước: Tùy theo kích thước hàm của bệnh nhân, lắp thiết kế lên hàm, phù hợp theo từng chỉ định của bác sĩ. - Hỗ trợ kỹ thuật khi Bệnh viện có yêu cầu - Yêu cầu khi sử dụng: Các bộ phận ren hoàn toàn trơn nhẵn, cứng chắc, ma sát tốt và ngăn cản bất cứ sự quay ngược lại không mong muốn nào của hàm, không kích ứng trong môi trường miệng, dễ dàng chỉnh sửa theo nhu cầu điều trị	Gói/1 cái	Cái	120
408			Răng nhựa chất liệu composite	Răng nhựa dành riêng cho phục hình tháo lắp, khôi phục hàm răng cho người cao tuổi hoặc trường hợp mất từ 3 răng trở lên hoặc mất răng toàn hàm - Chất liệu: nhựa composite - Kích thước: Tùy theo kích thước hàm của bệnh nhân, lắp thiết kế lên hàm, phù hợp theo từng chỉ định của bác sĩ. - Tương thích với các bộ so màu (Vita3D, Vita classical, Socope), - Hỗ trợ đặt máy, kỹ thuật viên so màu, chụp hình răng trực tiếp trên miệng bệnh nhân. - Yêu cầu chất lượng khi sử dụng: màu răng phải đúng theo bảng so màu Bác sĩ đã lấy trên người bệnh, tạo cảm giác thoải mái cho người sử dụng.	Gói/1 cái	Cái	120
409			Răng toàn phần Zirconia	Răng dùng để thay thế cho răng thật hoặc phục hình răng hư tổn và thực hiện chức năng ăn nhai. - Cấu tạo: gồm khung sườn và cầu mào - Chất liệu: Thoi sứ Zirconia White Peaks, bột sứ E-max, Noritake, Ceramco3 PFZ, nước nhúng sườn Amanngrirbach, 100% không hợp chất kim loại, phủ toàn bộ Zirconia mào toàn diện, không đắp sứ, sản phẩm Zirconia toàn bộ cứng hơn sứ Zirconia HT bán phần - Kích thước: theo yêu cầu của Bác sĩ phù hợp với kích thước và vị trí răng của bệnh nhân (tất cả các loại răng) - Bảo hành tối thiểu 10 năm - Tương thích với các bộ so màu (Vita3D, Vita classical, Socope), - Hỗ trợ đặt máy, kỹ thuật viên so màu, chụp hình răng trực tiếp trên miệng bệnh nhân. - Yêu cầu chất lượng khi sử dụng: màu răng phải đúng theo bảng so màu Bác sĩ đã lấy trên người bệnh, tạo cảm giác thoải mái cho người sử dụng.	Gói/1 cái	Cái	45
410			Răng mào kim loại	Răng mào dùng để thay thế cho răng thật riêng lẻ do bị hư, sức mẻ, sâu răng và thực hiện chức năng ăn nhai. - Cấu tạo: bao gồm khung sườn và mào * Khung sườn: chất liệu là hợp kim tương đương Niken-Crom * Mào: chất liệu bằng hợp kim có chứa 4 – 6% Titanium. - Kích thước: theo yêu cầu của Bác sĩ phù hợp với kích thước và vị trí răng của bệnh nhân (tất cả các loại răng). - Tương thích với các bộ so màu (Vita3D, Vita classical, Socope), - Hỗ trợ đặt máy, kỹ thuật viên so màu, chụp hình răng trực tiếp trên miệng bệnh nhân. - Yêu cầu chất lượng khi sử dụng: có tính tương hợp sinh học cao, có thể kết hợp tốt với xương, tạo cảm giác thoải mái cho người sử dụng.	Gói/1 cái	Cái	5
411			Răng sứ cercon HT	Răng sứ dùng để thay thế cho răng thật hoặc phục hình răng hư tổn và thực hiện chức năng ăn nhai. - Cấu tạo: gồm khung sườn và sứ cầu/mào - Chất liệu: * Khung sườn: vật liệu Zirconium dioxit với độ dày khoảng 0.5mm – 0.6 mm * Sứ cầu/mào: Sứ Cercon HT. Các thoi sứ được nung ở nhiệt độ cao có khả năng chịu lực nén, ép, xoắn cực lớn, đạt tới 900 Mpa (gấp 5-7 lần răng thật) - Kích thước: theo yêu cầu của Bác sĩ phù hợp với kích thước và vị trí răng của bệnh nhân (tất cả các loại răng) - Bảo hành: tối thiểu 07 năm - Tương thích với các bộ so màu (Vita3D, Vita classical, Socope), - Hỗ trợ đặt máy, kỹ thuật viên so màu, chụp hình răng trực tiếp trên miệng bệnh nhân. - Yêu cầu chất lượng khi sử dụng: màu răng phải đúng theo bảng so màu Bác sĩ đã lấy trên người bệnh, tạo cảm giác thoải mái cho người sử dụng.	Gói/1 cái	Cái	130

STT	Mã thông tư 04	Phân nhóm TT 14	Tên danh mục	Yêu cầu đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
412			Răng sứ Cercon HT nằm trên Implant	Răng sứ dùng để thay thế cho răng thật phục hình trên Implant và thực hiện chức năng ăn nhai. - Cấu tạo: gồm khung sườn và sứ cầu/mão - Chất liệu * Khung sườn: vật liệu tương đương Zirconium dioxide với độ dày khoảng 0.5mm – 0.6 mm * Sứ cầu/mão: Sứ Cercon HT. Các thỏi sứ được nung ở nhiệt độ cao có khả năng chịu lực nén, ép, xoắn cực lớn, đạt tới 900 Mpa (gấp 5-7 lần răng thật) thiết kế chuyên biệt tích hợp thân trụ răng cấy ghép (abutment) trên Implant. - Kích thước: theo yêu cầu của Bác sĩ phù hợp với kích thước và vị trí răng của bệnh nhân (tất cả các loại răng) - Bảo hành: tối thiểu 07 năm - Tương thích với các bộ so màu (Vita3D, Vita classical, Socope), vật liệu cấy ghép chân răng Implant Titanim C1-grade 23 hoặc tương đương - Hỗ trợ đặt máy, kỹ thuật viên so màu, chụp hình răng trực tiếp trên miệng bệnh nhân. - Yêu cầu chất lượng khi sử dụng: màu răng phải đúng theo bảng so màu Bác sĩ đã lấy trên người bệnh, tạo cảm giác thoải mái cho người sử dụng.	Gói/1 cái	Cái	30
413			Răng sứ kim loại	Răng sứ dùng để thay thế cho răng thật hoặc phục hình răng hư tổn và thực hiện chức năng ăn nhai. - Cấu tạo: gồm khung sườn và sứ cầu/mão - Chất liệu: * Khung sườn: hợp kim coban-crom-niken * Sứ cầu mao: sứ - Kích thước: theo yêu cầu của Bác sĩ phù hợp với kích thước và vị trí răng của bệnh nhân (tất cả các loại răng) - Bảo hành: tối thiểu 03 năm - Tương thích với các bộ so màu (Vita3D, Vita classical, Socope), - Hỗ trợ đặt máy, kỹ thuật viên so màu, chụp hình răng trực tiếp trên miệng bệnh nhân. - Yêu cầu chất lượng khi sử dụng: màu răng phải đúng theo bảng so màu Bác sĩ đã lấy trên người bệnh, có tính tương hợp sinh học cao, có thể kết hợp tốt với xương, tạo cảm giác thoải mái cho người sử dụng.	Gói/1 cái	Cái	180
414			Răng sứ titan	Răng sứ dùng để thay thế cho răng thật hoặc phục hình răng hư tổn và thực hiện chức năng ăn nhai. - Cấu tạo: gồm khung sườn và sứ cầu/mão - Chất liệu: + Khung sườn: hợp kim Ni – Crom -Titan trong đó có chứa 4-6% Titanium và được phủ một lớp men sứ Ceramco3 bên ngoài * Sứ cầu/mão: Sứ Titan. - Kích thước: theo yêu cầu của Bác sĩ phù hợp với kích thước và vị trí răng của bệnh nhân (tất cả các loại răng) - Bảo hành: tối thiểu 05 năm - Tương thích với các bộ so màu (Vita3D, Vita classical, Socope), - Hỗ trợ đặt máy, kỹ thuật viên so màu, chụp hình răng trực tiếp trên miệng bệnh nhân. - Yêu cầu chất lượng khi sử dụng: màu răng phải đúng theo bảng so màu Bác sĩ đã lấy trên người bệnh, tạo cảm giác thoải mái cho người sử dụng.	Gói/1 cái	Cái	450
415			Răng sứ Titan nằm trên Implant	Răng sứ dùng để thay thế cho răng thật phục hình trên implant và thực hiện chức năng ăn nhai, như răng thật. - Cấu tạo: gồm khung sườn và sứ cầu/mão - Chất liệu * Khung sườn: Hợp kim (Ni – Crom -Titan), trong đó có chứa 4-6% Titanium và được phủ một lớp men sứ Ceramco 3 bên ngoài * Sứ cầu/ mao răng: chất liệu sứ Titanium, thiết kế chuyên biệt tích hợp thân trụ răng cấy ghép (abutment) trên Implant. - Kích thước: theo yêu cầu của Bác sĩ phù hợp với kích thước và vị trí răng của bệnh nhân (tất cả các loại răng) - Bảo hành: tối thiểu 05 năm - Tương thích với các bộ so màu (Vita3D, Vita classical, Socope), vật liệu cấy ghép chân răng Implant Titanim C1-grade 23 hoặc tương đương - Hỗ trợ đặt máy, kỹ thuật viên so màu, chụp hình răng trực tiếp trên miệng bệnh nhân. - Yêu cầu chất lượng khi sử dụng: màu răng phải đúng theo bảng so màu Bác sĩ đã lấy trên người bệnh, tạo cảm giác thoải mái cho người sử dụng.	Gói/1 cái	Cái	35

STT	Mã thông tư 04	Phân nhóm TT 14	Tên danh mục	Yêu cầu đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
416			Răng sứ zirconia HT	Răng sứ dùng để thay thế cho răng thật hoặc phục hình răng hư tổn và thực hiện chức năng ăn nhai. - Cấu tạo: khung sườn và sứ cầu mào - Chất liệu: Thỏi sứ Zirconia White Peaks, bột sứ E-max, Noritake, Ceramco3 PFZ, nước nhúng sườn Amanngirrbach, 100% không hợp chất kim loại. - Kích thước: theo yêu cầu của Bác sĩ phù hợp với kích thước và vị trí răng của bệnh nhân (tất cả các loại răng) - Bảo hành tối thiểu 10 năm - Tương thích với các bộ so màu (Vita3D, Vita classical, Socope), - Hỗ trợ đặt máy, kỹ thuật viên so màu, chụp hình răng trực tiếp trên miệng bệnh nhân. - Yêu cầu chất lượng khi sử dụng: màu răng phải đúng theo bảng so màu Bác sĩ đã lấy trên người bệnh, tạo cảm giác thoải mái cho người sử dụng.	Gói/1 cái	Cái	150
417			Răng sứ Zirconia nằm trên Implant	Răng sứ dùng để thay thế cho răng thật phục hình trên implant và thực hiện chức năng ăn nhai. - Cấu tạo: gồm khung sườn và sứ cầu/mào - Chất liệu: Zirconia White Peaks, bột sứ E-max, Noritake, Ceramco3 PFZ, nước nhúng sườn Amanngirrbach, 100% không hợp chất kim loại, thiết kế chuyên biệt tích hợp thân trụ răng cấy ghép (abutment) trên Implant. - Kích thước: theo yêu cầu của Bác sĩ phù hợp với kích thước và vị trí răng của bệnh nhân (tất cả các loại răng) - Bảo hành: tối thiểu 10 năm - Tương thích với các bộ so màu (Vita3D, Vita classical, Socope), vật liệu cấy ghép chân răng Implant Titanium C1-grade 23 hoặc tương đương - Hỗ trợ đặt máy, kỹ thuật viên so màu, chụp hình răng trực tiếp trên miệng bệnh nhân. - Yêu cầu chất lượng khi sử dụng: màu răng phải đúng theo bảng so màu Bác sĩ đã lấy trên người bệnh, tạo cảm giác thoải mái cho người sử dụng.	Gói/1 cái	Cái	25
418			Ron mắc cài đơn	Ron mắc cài tác dụng kết nối giữa hàm khung liên kết và răng giả trên khung, tạo sự cố định, bền chắc của hàm răng giả. - Chất liệu: cao su - Kích thước: Tùy theo kích thước hàm của bệnh nhân, lắp thiết kế lên hàm, phù hợp theo từng chỉ định của bác sĩ	Gói/1 cái	Cái	5
419			Mẫu hàm 3D trong phẫu thuật	Mẫu hàm 3D trong phẫu thuật là mẫu hàm giả tương ứng phiên bản từ khuôn hàm người bệnh được thiết kế từ kết quả phim chụp cắt lớp vùng hàm mặt, khuôn dấu hàm được lấy dấu từ miệng người bệnh. - Mục đích sử dụng: Bác sĩ phẫu thuật sẽ căn cứ trên mẫu hàm 3D để lên kế hoạch cắt chỉnh xương vùng hàm mặt theo kích thước đã in từ người bệnh và tạo hình nẹp tái tạo, tạo hình máng hướng dẫn phẫu thuật phục vụ cho quá trình phẫu thuật cắt xương hàm. - Chất liệu : nhựa acrylic - Cấu tạo: đúc liền 1 khối, khối hàm trên hoặc khối hàm dưới. - Kích thước: Tùy theo kích thước hàm của bệnh nhân được in ra từ phim chụp cắt lớp và khuôn dấu hàm, phù hợp theo từng chỉ định của bác sĩ. - Hỗ trợ kỹ thuật viên khi Bệnh viện có yêu cầu. - Yêu cầu khi sử dụng: không kích ứng trong môi trường miệng, dễ dàng chỉnh sửa theo nhu cầu điều trị.	Gói/cái	Cái	15
420			Mẫu hàm 3D trong phục hình răng mất, đúc liền khối (hàm trên hoặc hàm dưới)	Mẫu hàm 3D trong phục hình là mẫu hàm giả tương ứng phiên bản từ khuôn hàm người bệnh được cấu thành từ kết quả phim chụp cắt lớp vùng hàm mặt, khuôn dấu hàm được lấy dấu từ miệng người bệnh. - Mục đích sử dụng: Bác sĩ sẽ căn cứ trên mẫu hàm 3D để lên kế hoạch phục hình răng mất theo kích thước đã in từ người bệnh hoặc lên kế hoạch cho việc thực hiện chỉnh hình vùng hàm mặt bằng khí cụ các loại. - Chất liệu : Nhựa Acrylic - Cấu tạo: đúc liền 1 khối, khối hàm trên hoặc khối hàm dưới. - Kích thước: Tùy theo kích thước hàm của bệnh nhân được in ra từ phim chụp cắt lớp và khuôn dấu hàm, phù hợp theo từng chỉ định của bác sĩ. - Hỗ trợ kỹ thuật viên khi Bệnh viện có yêu cầu. - Yêu cầu khi sử dụng: không kích ứng trong môi trường miệng, dễ dàng chỉnh sửa theo nhu cầu điều trị.	Gói/cái	Cái	500

Handwritten signature

STT	Mã thông tư 04	Phân nhóm TT 14	Tên danh mục	Yêu cầu đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
421			Mẫu hàm 3D trong phục hình răng mất, có sử dụng máy in 3D (1 hàm)	Mẫu hàm 3D trong phục hình là mẫu hàm giả tương ứng phiên bản từ người bệnh được cấu thành từ kết quả phim chụp cắt lớp trong miệng, khuôn dấu hàm được lấy từ miệng người bệnh. - Mục đích sử dụng: Bác sỹ sẽ căn cứ trên mẫu hàm 3D để lên kế hoạch phục hình răng mất theo kích thước đã in từ người bệnh hoặc lên kế hoạch cho việc thực hiện chỉnh hình vùng hàm mặt bằng khí cụ các loại. - Chất liệu : Nhựa Acrylic - Cấu tạo: đúc liền 1 khối, 01 hàm. - Kích thước: Tùy theo kích thước hàm của bệnh nhân được in ra từ phim chụp cắt lớp và khuôn dấu hàm, phù hợp theo từng chỉ định của bác sỹ. - Hỗ trợ kỹ thuật viên khi Bệnh viện có yêu cầu. - Yêu cầu khi sử dụng: không kích ứng trong môi trường miệng, dễ dàng chỉnh sửa theo nhu cầu điều trị.	Gói/cái	Cái	200
422			Mẫu hàm 3D trong phục hình răng mất, chất liệu nhựa Acrylic có sử dụng máy in 3D (2 hàm)	Mẫu hàm 3D trong phục hình là mẫu hàm giả tương ứng phiên bản từ người bệnh được cấu thành từ kết quả phim chụp cắt lớp trong miệng, khuôn dấu hàm được lấy từ miệng người bệnh. - Mục đích sử dụng: Bác sỹ sẽ căn cứ trên mẫu hàm 3D để lên kế hoạch phục hình răng mất theo kích thước đã in từ người bệnh hoặc lên kế hoạch cho việc thực hiện chỉnh hình vùng hàm mặt bằng khí cụ các loại. - Chất liệu : Nhựa Acrylic - Cấu tạo: đúc liền 1 khối, 02 hàm. - Kích thước: Tùy theo kích thước hàm của bệnh nhân được in ra từ phim chụp cắt lớp và khuôn dấu hàm, phù hợp theo từng chỉ định của bác sỹ. - Hỗ trợ kỹ thuật viên khi Bệnh viện có yêu cầu. - Yêu cầu khi sử dụng: không kích ứng trong môi trường miệng, dễ dàng chỉnh sửa theo nhu cầu điều trị.	Gói/cái	Cái	200
423			Hàm khung kết nối	Hàm khung kết nối và chịu lực như một giá đỡ tiếp nối giữa vật liệu cấy ghép chân răng và phục hình răng bên trên. - Chất liệu: Khung sườn Titanium (Khung sườn Hybrid Pure Titanium 99% nguyên khối trên Implant) phủ sứ Vita - Kích thước: Chiều dài tùy theo mẫu lấy dấu từ miệng người bệnh, phù hợp với vị trí và kích thước răng của người bệnh. - Hỗ trợ kỹ thuật khi Bệnh viện có yêu cầu - Yêu cầu khi sử dụng: Không gây kích ứng trong môi trường miệng; dễ dàng điều chỉnh theo nhu cầu điều trị	Gói/cái	Cái	3
424			Vật liệu phục hình thay thế cho răng trên implant xương gò má	Vật liệu phục hình thay thế cho răng thật phục hình trên Implant và thực hiện chức năng ăn nhai. - Cấu tạo: gồm khung sườn và sứ cầu/mão full contour - Chất liệu * Khung sườn: vật liệu tương đương Zirconia Multy player HT, Full Titanium, Cr-Co Cad/Cam nguyên khối... với độ dày khoảng 0.5mm – 0.6 mm * Sứ cầu/mão: Sứ full contour. Các thoi sứ được nung ở nhiệt độ cao có khả năng chịu lực nén, ép, xoắn cực lớn, đạt tới 900 Mpa (gấp 5-7 lần răng thật) thiết kế chuyên biệt tích hợp thân trụ răng cấy ghép (abutment) trên Implant. - Kích thước: theo mẫu hàm được lấy khuôn trong miệng người bệnh, đáp ứng yêu cầu của Bác sỹ phù hợp với kích thước và vị trí răng của bệnh nhân (tất cả các loại răng) - Bảo hành: tối thiểu 07 năm - Màu răng: Tương thích với các bộ so màu (Vita3D, Vita classical, Socope). - Hỗ trợ đặt máy, kỹ thuật viên so màu, chụp hình răng trực tiếp trên miệng bệnh nhân. - Yêu cầu chất lượng khi sử dụng: màu răng phải đúng theo bảng so màu Bác sỹ đã lấy trên người bệnh, tạo cảm giác thoải mái cho người sử dụng.	Gói/cái	Cái	42
425			Máng chỉnh nha điều trị răng mọc lệch lạc, chen chúc (mức độ đơn giản - 1 hàm)	Máng chỉnh nha sắp xếp, dịch chuyển răng mọc chen chúc <2mm, thưa kẽ <2mm, răng lệch lạc về vị trí đã được tính toán tự động bằng kế hoạch được thiết lập trên hệ thống Scan hình ảnh đa chiều, không thay đổi tương quan khớp cắn. (mức độ đơn giản) - Phạm vi thực hiện: 1 hàm - Chất liệu: nhựa tổng hợp trong suốt - Kích thước: bề dày 0.5-0.6-0.7mm tùy giai đoạn chỉnh nha. - Thời gian chỉnh nha: Dưới 3 tháng - Bảo hành: 2 năm - Hỗ trợ kỹ thuật khi Bệnh viện có yêu cầu - Yêu cầu khi sử dụng: Không gây kích ứng trong môi trường miệng; dễ dàng điều chỉnh theo nhu cầu điều trị	Gói/ khay	Gói	10

STT	Mã thông tư 04	Phân nhóm TT 14	Tên danh mục	Yêu cầu đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
426			Máng chỉnh nha điều trị răng mọc lệch lạc, chen chúc. (Mức độ trung bình - 1 hàm)	Máng chỉnh nha sắp xếp, dịch chuyển răng mọc chen chúc 3-5mm, thưa kẽ 3-5mm, răng lệch lạc về vị trí đã được tính toán tự động bằng kế hoạch được thiết lập trên hệ thống Scan hình ảnh đa chiều, thay đổi tương quan khớp cắn <2mm (mức độ trung bình) - Phạm vi thực hiện: 1 hàm - Chất liệu: nhựa tổng hợp trong suốt - Kích thước: bề dày 0.5-0.6-0.7mm tùy giai đoạn chỉnh nha. - Thời gian chỉnh nha: 4 đến 12 tháng - Bảo hành: 3 năm - Hỗ trợ kỹ thuật khi Bệnh viện có yêu cầu - Yêu cầu khi sử dụng: Không gây kích ứng trong môi trường miệng; dễ dàng điều chỉnh theo nhu cầu điều trị	Gói/ khay	Gói	5
427			Máng chỉnh nha điều trị răng mọc lệch lạc, chen chúc. (Mức độ khó - 1 hàm)	Máng chỉnh nha sắp xếp, dịch chuyển răng mọc chen chúc >5mm, thưa kẽ >5mm, răng lệch lạc về vị trí đã được tính toán tự động bằng kế hoạch được thiết lập trên hệ thống Scan hình ảnh đa chiều, thay đổi tương quan khớp cắn <2mm (mức độ khó) - Phạm vi thực hiện: 1 hàm - Chất liệu: nhựa tổng hợp trong suốt - Kích thước: bề dày 0.5-0.6-0.7mm tùy giai đoạn chỉnh nha. - Thời gian chỉnh nha: trên 12 tháng - Bảo hành: 3 năm - Hỗ trợ kỹ thuật khi Bệnh viện có yêu cầu - Yêu cầu khi sử dụng: Không gây kích ứng trong môi trường miệng; dễ dàng điều chỉnh theo nhu cầu điều trị	Gói/ khay	Gói	5
428			Máng chỉnh nha trong suốt, điều trị răng mọc lệch lạc, chen chúc (Mức độ đơn giản - 2 hàm)	Máng chỉnh nha sắp xếp, dịch chuyển răng mọc chen chúc, <2mm, thưa kẽ <2mm, răng lệch lạc về vị trí đã được tính toán tự động bằng kế hoạch được thiết lập trên hệ thống Scan hình ảnh đa chiều, không thay đổi tương quan khớp cắn (mức độ đơn giản) - Phạm vi thực hiện: 2 hàm - Chất liệu: nhựa tổng hợp trong suốt - Kích thước: bề dày 0.5-0.6-0.7mm tùy giai đoạn chỉnh nha. - Thời gian chỉnh nha: dưới 3 tháng - Thời - Bảo hành: 5 năm - Hỗ trợ kỹ thuật khi Bệnh viện có yêu cầu - Yêu cầu khi sử dụng: Không gây kích ứng trong môi trường miệng; dễ dàng điều chỉnh theo nhu cầu điều trị	Gói/ khay	Gói	10
429			Máng chỉnh nha trong suốt, điều trị răng mọc lệch lạc, chen chúc (Mức độ trung bình - 2 hàm)	Máng chỉnh nha sắp xếp, dịch chuyển răng mọc chen chúc 3-5mm, thưa kẽ 3-5mm, răng lệch lạc về vị trí đã được tính toán tự động bằng kế hoạch được thiết lập trên hệ thống Scan hình ảnh đa chiều, có dịch chuyển đi xa hàm trên <2mm. (mức độ trung bình) - Phạm vi thực hiện: 2 hàm - Chất liệu: nhựa tổng hợp trong suốt - Kích thước: bề dày 0.5-0.6-0.7mm tùy giai đoạn chỉnh nha. - Thời gian chỉnh nha: 4 đến 12 tháng - Bảo hành: 5 năm - Hỗ trợ kỹ thuật khi Bệnh viện có yêu cầu - Yêu cầu khi sử dụng: Không gây kích ứng trong môi trường miệng; dễ dàng điều chỉnh theo nhu cầu điều trị	Gói/ khay	Gói	5
430			Máng chỉnh nha điều trị răng mọc lệch lạc, chen chúc. (Mức độ khó - 2 hàm)	Máng chỉnh nha sắp xếp, dịch chuyển răng mọc chen chúc >5mm, thưa kẽ >5mm, răng lệch lạc về vị trí đã được tính toán tự động bằng kế hoạch được thiết lập trên hệ thống Scan hình ảnh đa chiều, có dịch chuyển đi xa hàm trên <2mm. (mức độ khó) - Phạm vi thực hiện: 2 hàm - Chất liệu: nhựa tổng hợp trong suốt - Kích thước: bề dày 0.7mm. - Thời gian chỉnh nha: trên 12 tháng - Bảo hành: 2 năm - Hỗ trợ kỹ thuật khi Bệnh viện có yêu cầu - Yêu cầu khi sử dụng: Không gây kích ứng trong môi trường miệng; dễ dàng điều chỉnh theo nhu cầu điều trị	Gói/ khay	Gói	5
431			Máng chỉnh nha điều trị răng mọc lệch lạc, chen chúc (Mức độ đơn giản - 1 hàm)	Máng chỉnh nha cải tiến nụ cười, sắp xếp, dịch chuyển răng mọc chen chúc và có khoảng cách hẹp, chỉnh răng đơn giản, chuẩn bị cho giai đoạn phục hình, cải thiện thẩm mỹ, điều trị toàn diện và phối hợp, đưa răng về vị trí đã được tính toán tự động bằng kế hoạch được thiết lập trên hệ thống Scan hình ảnh đa chiều. (mức độ đơn giản) - Phạm vi thực hiện: 1 hàm - Chất liệu: nhựa tổng hợp trong suốt - Kích thước: bề dày 0.7mm. - Số lượng khay: 14 khay - Bảo hành: 2 năm - Hỗ trợ kỹ thuật khi Bệnh viện có yêu cầu - Yêu cầu khi sử dụng: Không gây kích ứng trong môi trường miệng; dễ dàng điều chỉnh theo nhu cầu điều trị	Gói/ 14 khay	Gói	5

STT	Mã thông tư 04	Phân nhóm TT 14	Tên danh mục	Yêu cầu đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
432			Máng chỉnh nha điều trị răng mọc lệch lạc, chen chúc. (Mức độ trung bình - 1 hàm)	Máng chỉnh nha cải tiến nụ cười, sắp xếp, dịch chuyển răng mọc chen chúc và có khoảng cách trung bình, chỉnh răng đơn giản, chuẩn bị cho giai đoạn 2 phục hình, cải thiện thẩm mỹ, điều trị toàn diện và phối hợp, đưa răng về vị trí đã được tính toán tự động bằng kế hoạch được thiết lập trên hệ thống Scan hình ảnh đa chiều. (mức độ trung bình) - Phạm vi thực hiện: 1 hàm - Chất liệu: nhựa tổng hợp trong suốt - Kích thước: bề dày 0.7mm . - Số lượng khay: 26 khay - Bảo hành: 2 năm - Hỗ trợ kỹ thuật khi Bệnh viện có yêu cầu - Yêu cầu khi sử dụng: Không gây kích ứng trong môi trường miệng; dễ dàng điều chỉnh theo nhu cầu điều trị	Gói/ 26 Khay	Gói	5
433			Máng chỉnh nha điều trị răng mọc lệch lạc, chen chúc. (Mức độ đơn giản - 2 hàm)	Máng chỉnh nha cải tiến nụ cười, sắp xếp, dịch chuyển răng mọc chen chúc và có khoảng cách hẹp, chuẩn bị cho giai đoạn phục hình, cải thiện thẩm mỹ, điều trị toàn diện hoặc phối hợp, đưa răng về vị trí đã được tính toán tự động bằng kế hoạch được thiết lập trên hệ thống Scan hình ảnh đa chiều. (mức độ đơn giản) - Phạm vi thực hiện: 2 hàm - Chất liệu: nhựa tổng hợp trong suốt - Kích thước: bề dày 0.7mm. -Số lượng cặp khay: 14 cặp khay - Bảo hành: 3 năm - Hỗ trợ kỹ thuật khi Bệnh viện có yêu cầu - Yêu cầu khi sử dụng: Không gây kích ứng trong môi trường miệng; dễ dàng điều chỉnh theo nhu cầu điều trị	Gói/ 14 cặp khay	Gói	5
434			Máng chỉnh nha điều trị răng mọc lệch lạc, chen chúc. (Mức độ trung bình - 2 hàm)	Máng chỉnh nha cải tiến nụ cười, sắp xếp, dịch chuyển răng mọc chen chúc và có khoảng cách trung bình, chuẩn bị cho giai đoạn phục hình, cải thiện thẩm mỹ, giai đoạn 2 của quá trình điều trị toàn diện và phối hợp, đưa răng về vị trí đã được tính toán tự động bằng kế hoạch được thiết lập trên hệ thống Scan hình ảnh đa chiều. (mức độ trung bình) - Phạm vi thực hiện: 2 hàm - Chất liệu: nhựa tổng hợp trong suốt - Kích thước: bề dày 0.7mm . - Số lượng cặp khay: 26 cặp khay - Bảo hành: 3 năm - Hỗ trợ kỹ thuật khi Bệnh viện có yêu cầu - Yêu cầu khi sử dụng: Không gây kích ứng trong môi trường miệng; dễ dàng điều chỉnh theo nhu cầu điều trị	Gói/ 26 cặp Khay	Gói	5
435			Máng chỉnh nha điều trị răng mọc lệch lạc, chen chúc (Mức độ phức tạp - 2 hàm)	Máng chỉnh nha cải tiến nụ cười, sắp xếp, dịch chuyển răng mọc chen chúc và có khoảng cách nhỏ, trung bình, hoặc rộng, chuẩn bị cho giai đoạn phục hình, cải thiện thẩm mỹ, phương pháp điều trị toàn diện, đưa răng về vị trí đã được tính toán tự động bằng kế hoạch được thiết lập trên hệ thống Scan hình ảnh đa chiều. (mức độ phức tạp) - Phạm vi thực hiện: 2 hàm - Chất liệu: nhựa tổng hợp trong suốt - Kích thước: bề dày 0.7mm. -Số lượng cặp khay: Trên 25 cặp khay - Bảo hành: 5 năm - Hỗ trợ kỹ thuật khi Bệnh viện có yêu cầu - Yêu cầu khi sử dụng: Không gây kích ứng trong môi trường miệng; dễ dàng điều chỉnh theo nhu cầu điều trị	Gói/ trên 25 cặp khay	Gói	5
436			Máng duy trì kết quả sau chỉnh nha, (1 hàm)	Máng duy trì kết quả sắp xếp, dịch chuyển răng mọc chen chúc sau khi đã thực hiện chỉnh nha bằng máng trong suốt. - Phạm vi thực hiện: 1 hàm - Chất liệu: nhựa tổng hợp trong suốt - Kích thước: bề dày 0.7mm. -Số lượng : 01 khay - Bảo hành: 5 năm - Hỗ trợ kỹ thuật khi Bệnh viện có yêu cầu - Yêu cầu khi sử dụng: Không gây kích ứng trong môi trường miệng; dễ dàng điều chỉnh theo nhu cầu điều trị	Gói/ 1 khay	Cái	20
437			Máng duy trì kết quả sau chỉnh nha (1 hàm)	Máng duy trì kết quả sắp xếp, dịch chuyển răng mọc chen chúc sau khi đã thực hiện chỉnh nha bằng máng trong suốt. - Phạm vi thực hiện: 1 hàm - Chất liệu: nhựa tổng hợp trong suốt - Kích thước: bề dày 0.7mm. -Số lượng : 03 khay - Bảo hành: 5 năm - Hỗ trợ kỹ thuật khi Bệnh viện có yêu cầu - Yêu cầu khi sử dụng: Không gây kích ứng trong môi trường miệng; dễ dàng điều chỉnh theo nhu cầu điều trị	Gói/ 3 khay	Gói	5

STT	Mã thông tư 04	Phân nhóm TT 14	Tên danh mục	Yêu cầu đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
438			Máng duy trì kết quả sắp xếp, dịch chuyển răng mọc chen chúc sau khi đã thực hiện chỉnh nha bằng máng trong suốt.	- Phạm vi thực hiện: 2 hàm - Chất liệu: nhựa tổng hợp trong suốt - Kích thước: bề dày 0.7mm. - Số lượng : 03 cặp khay - Bảo hành: 5 năm - Hỗ trợ kỹ thuật khi Bệnh viện có yêu cầu - Yêu cầu khi sử dụng: Không gây kích ứng trong môi trường miệng; dễ dàng điều chỉnh theo nhu cầu điều trị	Gói/ 3 cặp khay	Gói	5
439		3	Vật liệu cấy ghép chân răng ở xương gò má	- Vật liệu cấy ghép chân răng ở xương gò má, sử dụng thay thế chân răng, trong những trường hợp nhỏ răng đặt implant và gắn phục hình tức thì. - Chất liệu: Titanium tinh khiết độ 4 - Kích thước: Đường kính 3.0, 3.5, 4.3, 5.0, 5.5mm; Chiều dài: 7, 8.5, 10, 11.5, 13, 15, 18mm. - Cấu tạo: Ren cắt hai chiều, kết nối trong, hình nón, lục giác. Xử lý bề mặt bằng quy trình hóa tia lửa điện - Yêu cầu KT: Thuận lợi cho việc chuyển hướng, đơn giản, chính xác, an toàn cho tái định vị phục hình. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE/FDA - Đóng gói tiệt khuẩn - Hỗ trợ đặt máy implant, bộ kit (dụng cụ, mũi khoan), kỹ thuật viên khi Bệnh viện yêu cầu	hộp/ cái	cái	30
440		3	Vật liệu cấy ghép chân răng thay thế chân răng, trong những trường hợp mất răng toàn hàm hoặc bán hàm hoặc có nâng xoang ghép xương	- Vật liệu cấy ghép chân răng sử dụng thay thế chân răng, trong những trường hợp mất răng toàn hàm hoặc bán hàm hoặc có nâng xoang ghép xương, để phục hồi chức năng ăn nhai. - Chất liệu: Titanium tinh khiết độ 4. - Kích thước: Đường kính 3.75, 4.3, 5.0mm; Chiều dài: 7, 8.5, 10, 11.5, 13, 15, 18mm. - Cấu tạo: Kết nối bên trong, hình nón, lục giác. Xử lý bề mặt bằng quy trình hóa tia lửa điện - Yêu cầu KT: Có thể đặt implant nghiêng đến 45°, quy trình mũi khoan đơn giản, chính xác, an toàn cho tái định vị phục hình. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE/FDA - Các bộ phận đi kèm: Có nắp đậy đi kèm - Đóng gói tiệt khuẩn - Hỗ trợ đặt máy implant, bộ kit (dụng cụ, mũi khoan), kỹ thuật viên khi Bệnh viện yêu cầu - NobelParallel Connical Connection hoặc tương đương	hộp/ cái	cái	10
441		3	Vật liệu cấy ghép chân răng, sử dụng thay thế chân răng, trong những trường hợp: nâng đỡ và tích hợp mô vùng cổ implant	- Vật liệu cấy ghép chân răng, sử dụng thay thế chân răng, trong những trường hợp: nâng đỡ và tích hợp mô vùng cổ implant, tăng tích hợp vùng xương D1, nhỏ răng đặt implant và gắn phục hình tức thì. - Chất liệu: Titanium tinh khiết độ 4 - Đường kính 3.0, 3.5, 4.3, 5.0, 5.5mm; Chiều dài: 7, 8.5, 10, 11.5, 13, 15, 18mm. - Cấu tạo: Xử lý bề mặt bằng quy trình anốt nhẹ tới anốt hóa tia lửa điện bề mặt cấu trúc nano dẫn đến bề mặt nhám và xốp. Có màu vàng, ren cắt hai chiều, kết nối trong, hình nón, lục giác. - Yêu cầu KT: Siêu ưu nước, tích hợp xương tức thì, ren cắt thuận lợi cho việc chuyển hướng, chính xác, an toàn cho tái định vị phục hình. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/FDA/CE - Tiệt khuẩn - Hỗ trợ đặt máy implant, bộ kit (dụng cụ, mũi khoan), kỹ thuật viên khi Bệnh viện yêu cầu	hộp/ cái	cái	5
442		3	Vật liệu cấy ghép chân răng, sử dụng thay thế chân răng, trong những trường hợp mất răng toàn hàm hoặc bán hàm hoặc có nâng xoang ghép xương, để phục hồi chức năng ăn nhai	- Vật liệu cấy ghép chân răng, sử dụng thay thế chân răng, trong những trường hợp mất răng toàn hàm hoặc bán hàm hoặc có nâng xoang ghép xương, để phục hồi chức năng ăn nhai, nâng đỡ và tích hợp mô vùng cổ implant, tăng tích hợp vùng xương D1. - Chất liệu: Titanium tinh khiết độ 4. - Đường kính 3.75, 4.3, 5.0mm; Chiều dài: 7, 8.5, 10, 11.5, 13, 15, 18mm. - Cấu tạo: Xử lý bề mặt bằng quy trình anốt nhẹ tới anốt hóa tia lửa điện bề mặt cấu trúc nano dẫn đến bề mặt nhám và xốp. Có màu vàng, kết nối trong, hình nón, lục giác. - Yêu cầu KT: Có thể đặt implant nghiêng đến 45°, quy trình mũi khoan đơn giản, chính xác, an toàn cho tái định vị phục hình. tích hợp xương tức thì. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE/FDA - Các bộ phận đi kèm: Có nắp đậy đi kèm - Đóng gói tiệt khuẩn - Hỗ trợ đặt máy implant, bộ kit (dụng cụ, mũi khoan), kỹ thuật viên khi Bệnh viện yêu cầu	hộp/ cái	cái	5

STT	Mã thông tư 04	Phân nhóm TT 14	Tên danh mục	Yêu cầu đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
443		3	Vật liệu cấy ghép chân răng dùng làm bản sao chân răng cấy ghép trong quy trình phục hình mào răng đối với cấy ghép chân răng xương gò má	- Vật liệu: Hợp kim Titanium - Kích thước: Đường kính 3.0, 3.5, 3.75, 4.3, 5.0, 5.5mm - Cấu tạo: Kết nối hình nón lục giác - Yêu cầu KT: Có mã màu hệ thống dễ dàng sử dụng. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE/FDA - Đóng gói triệt khuẩn, có thể tái sử dụng. - Hỗ trợ đặt máy implant, bộ kit (dụng cụ, mũi khoan), kỹ thuật viên khi Bệnh viện yêu cầu	hộp/ cái	cái	12
444		3	Bản sao chân răng cấy ghép từ trong miệng ra ngoài, cho quy trình phục hình mào răng	- Bản sao chân răng cấy ghép từ trong miệng ra ngoài, cho quy trình phục hình mào răng. - Chất liệu: Hợp kim Titanium - Đường kính 3.0, 3.5, 3.75, 4.3, 5.0, 5.5mm, Khay mở với chiều dài: 10mm, 14mm, Khay đóng với chiều dài: 9mm, 13mm - Cấu tạo: Kết nối hình nón lục giác - Yêu cầu KT: Có mã màu hệ thống dễ dàng sử dụng. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/FDA/CE - Đóng gói triệt khuẩn. - Hỗ trợ đặt máy implant, bộ kit (dụng cụ, mũi khoan), kỹ thuật viên khi Bệnh viện yêu cầu	hộp/ cái	cái	12
445		3	Nắp đáy cho trụ cấy ghép chân răng, dùng trong thủ thuật, phẫu thuật cấy ghép implant	- Nắp đáy cho trụ cấy ghép chân răng, dùng trong thủ thuật, phẫu thuật cấy ghép implant - Chất liệu: Hợp kim Titanium - Kích thước: Đường kính 3.0, 3.5, 4.3mm - Cấu tạo: Kết nối hình nón lục giác - Yêu cầu KT: Có mã màu hệ thống dễ dàng sử dụng. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/FDA/CE - Đóng gói triệt khuẩn, có thể tái sử dụng. - Hỗ trợ đặt máy implant, bộ kit (dụng cụ, mũi khoan), kỹ thuật viên khi Bệnh viện yêu cầu	hộp/ cái	cái	30
446		3	Nắp chụp lạnh thương sử dụng cho trụ cấy ghép chân răng, dùng trong thủ thuật, phẫu thuật cấy ghép implant	- Nắp chụp lạnh thương sử dụng cho trụ cấy ghép chân răng, dùng trong thủ thuật, phẫu thuật cấy ghép implant - Chất liệu: Hợp kim Titanium - Kích thước: Đường kính 3.2, 3.6, 3.8, 5.0, 6.0mm, Chiều dài: 3, 5, 7mm - Cấu tạo: Kết nối hình nón lục giác - Yêu cầu KT: Có mã màu hệ thống dễ dàng sử dụng. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/FDA/CE - Đóng gói triệt khuẩn - Hỗ trợ đặt máy implant, bộ kit (dụng cụ, mũi khoan), kỹ thuật viên khi Bệnh viện yêu cầu	hộp/ cái	cái	30
447		3	Thân trụ răng cấy ghép dùng trong những trường hợp phục hình răng đơn lẻ hướng thẳng, dán mào răng với xi măng dán trong nha khoa	- Thân trụ răng cấy ghép dùng trong những trường hợp phục hình răng đơn lẻ hướng thẳng, dán mào răng với xi măng dán trong nha khoa. - Chất liệu: Hợp kim Titanium - Kích thước: đường kính: 3.0, 3.5, 4.3, 5.0, 5.5mm, Chiều cao nướu: 1.5, 3, 4.5mm - Cấu tạo: dạng thẳng, kết nối hình nón lục giác - Yêu cầu KT: Có mã màu hệ thống dễ dàng sử dụng. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/FDA/CE - Đóng gói triệt khuẩn - Hỗ trợ đặt máy implant, bộ kit (dụng cụ, mũi khoan), kỹ thuật viên khi Bệnh viện yêu cầu	hộp/ cái	cái	20
448		3	Thân trụ răng cấy ghép dùng trong những trường hợp phục hình răng đơn lẻ hướng nghiêng 15°, dán mào răng với xi măng dán trong nha khoa	- Thân trụ răng cấy ghép dùng trong những trường hợp phục hình răng đơn lẻ hướng nghiêng 15°, dán mào răng với xi măng dán trong nha khoa. - Chất liệu: Hợp kim Titanium - Kích thước: đường kính: 3.0, 3.5, 4.3, 5.0, 5.5mm, Chiều cao nướu: 1.5, 3, 4.5mm - Cấu tạo: dạng nghiêng 15°, kết nối hình nón lục giác - Yêu cầu KT: Có mã màu hệ thống dễ dàng sử dụng. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/FDA/CE - Tiệt khuẩn, có thể tái sử dụng. - Hỗ trợ đặt máy implant, bộ kit (dụng cụ, mũi khoan), kỹ thuật viên khi Bệnh viện yêu cầu	hộp/ cái	cái	10

STT	Mã thông tư 04	Phân nhóm TT 14	Tên danh mục	Yêu cầu đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
449		3	Thân trụ răng cấy ghép dùng trong những trường hợp phục hình răng nhiều đơn vị hướng thẳng, phục hình hình bất vít	Thân trụ răng cấy ghép dùng trong những trường hợp phục hình răng nhiều đơn vị hướng thẳng, phục hình hình bất vít. - Chất liệu: Hợp kim Titanium - Kích thước: đường kính: 3.5, 4.3, 5.0, 5.5mm, Chiều cao núu: 1.5, 2.5, 3.5 4.5mm - Cấu tạo: bất vít phục hình dạng thẳng, kết nối hình nón lục giác - Yêu cầu KT: Có mã màu hệ thống dễ dàng sử dụng, bên trên thân trụ không hex dễ dàng gắn phục hình. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/FDA/CE - Đóng gói tiệt khuẩn - Hỗ trợ đặt máy implant, bộ kit (dụng cụ, mũi khoan), kỹ thuật viên khi Bệnh viện yêu cầu	hộp/ cái	cái	8
450		3	Thân trụ răng cấy ghép dùng trong những trường hợp phục hình răng nhiều đơn vị hướng nghiêng 17°/30°, phục hình hình bất vít	Thân trụ răng cấy ghép dùng trong những trường hợp phục hình răng nhiều đơn vị hướng nghiêng 17°/30°, phục hình hình bất vít. - Chất liệu: Hợp kim Titanium - Kích thước: đường kính: 3.5, 4.3, 5.0, 5.5mm, Chiều cao núu: 1.5, 2.5, 3.5 4.5mm - Cấu tạo: bất vít phục hình dạng nghiêng 17°/30°, kết nối hình nón lục giác - Yêu cầu KT: Có mã màu hệ thống dễ dàng sử dụng, bên trên thân trụ không hex dễ dàng gắn phục hình. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/FDA/CE - Đóng gói tiệt khuẩn - Hỗ trợ đặt máy implant, bộ kit (dụng cụ, mũi khoan), kỹ thuật viên khi Bệnh viện yêu cầu	hộp/ cái	cái	12
451		3	Thân trụ răng cấy ghép dùng trong những trường hợp làm răng tạm, tạo thẩm mỹ và tái tạo mô nướu	Thân trụ răng cấy ghép dùng trong những trường hợp làm răng tạm, tạo thẩm mỹ và tái tạo mô nướu. - Chất liệu: Hợp kim Titanium - Kích thước: đường kính: 3.0, 3.5, 4.3, 5.0, 5.5mm - Cấu tạo: Kết nối hình nón lục giác, có hex dùng cho một đơn vị, không hex dùng cho nhiều đơn vị - Yêu cầu KT: Có mã màu hệ thống dễ dàng sử dụng. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/FDA/CE - Đóng gói tiệt khuẩn - Hỗ trợ đặt máy implant, bộ kit (dụng cụ, mũi khoan), kỹ thuật viên khi Bệnh viện yêu cầu	hộp/ cái	cái	20
452		3	Bệ đỡ, bảo vệ và tái tạo mô mềm trong phục hình răng được gắn vào thời điểm đặt implant, bảo vệ và tái tạo mô mềm trong phục hình răng	Bệ đỡ, bảo vệ và tái tạo mô mềm trong phục hình răng được gắn vào thời điểm đặt implant, bảo vệ và tái tạo mô mềm trong phục hình răng. - Chất liệu: Hợp kim Titanium - Kích thước: đường kính: 3.5, 4.3, 5.0mm, Chiều cao núu: 1.75, 2.5mm - Cấu tạo: Kết nối trong và ngoài, lục giác - Yêu cầu KT: Có mã màu hệ thống dễ dàng sử dụng - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/FDA/CE - Đóng gói tiệt khuẩn. - Hỗ trợ đặt máy implant, bộ kit (dụng cụ, mũi khoan), kỹ thuật viên khi Bệnh viện yêu cầu	hộp/ cái	cái	20
453		3	Vật liệu cấy ghép chân răng, giải pháp thay thế cho chân răng bị mất	Vật liệu cấy ghép chân răng, giải pháp thay thế cho chân răng bị mất - Chất liệu: Titan grade 23 (Ti-6Al-4V ELI) - Kích thước: Đường kính 3.3, 3.9, 4.3, 5.0 mm, chiều dài 8,10,11.5,13,16mm - Cổ hình tam giác vát 3 cạnh - Đinh kèm mũi khoan hoàn tất (final drill), - Phục hình tạm bằng vật liệu nhựa sinh học peek trong từng cây implant, - Đóng gói tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE - Implant Titan grade 23 hoặc tương đương - Hỗ trợ đặt máy implant, bộ kit (dụng cụ, mũi khoan), kỹ thuật viên khi Bệnh viện yêu cầu	hộp/ 1cái	Cái	120
454		3	Mắc cài sứ nắn chỉnh răng, dành cho thủ thuật chỉnh nha vùng răng nanh	Mắc cài sứ nắn chỉnh răng, dành cho thủ thuật chỉnh nha vùng răng nanh. - Chất liệu: Sứ U/L 5x5 - Kích thước: khe 0.022 inch (0.56 mm). Để mắc cài 80 Gauge. - Một bộ bao gồm 20 mắc cài - Thiết kế nhỏ gọn, chắc chắn, bo tròn góc cạnh, hình dạng cánh cong vòm thoải mái cho bệnh nhân. Có chấm màu và đường chéo màu tham khảo giúp dễ dàng định vị và gắn mắc cài. Đường màu tham khảo có thể lấy đi dễ dàng sau khi gắn mắc cài. Để mắc cài có rãnh giúp việc tháo mắc cài đơn giản, bằng cách kẹp theo chiều gần xa. - Tương thích với các dây cung niti, SS; dây thun các loại trong danh mục. - Chịu được tiệt khuẩn khô, hơi nước, nhiệt độ cao (trên 135 độ) - Tiêu chuẩn ISO/ CE - Hoặc tương đương loại Clarity™ Ultra Self-Ligating Brackets	Bộ/ 20 cái	Bộ	20

STT	Mã thông tư 04	Phân nhóm TT 14	Tên danh mục	Yêu cầu đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
455		6	Dây thép chỉnh nha có công dụng kéo răng trở về vị trí mong muốn theo chỉ định điều trị, dây hình vòm	Dây thép chỉnh nha có công dụng kéo răng trở về vị trí mong muốn theo chỉ định điều trị Chất liệu: Nitinol Heat-Activated là một chất được kích hoạt nhiệt, dây có hình vòm siêu đàn hồi để nhất trong số dây Nitinol đem lại lực liên tục giúp di chuyển răng một cách hiệu quả giảm sự khó chịu tối thiểu cho bệnh nhân. • Có thể được làm lạnh hoặc ướp lạnh để làm mềm hơn, dây dẻo hơn để dễ dàng tham gia • Cung cấp lực liên tục nhẹ • Lực kích hoạt xảy ra xung quanh nhiệt độ cơ thể • Có sẵn ở các kích thước hình vuông làm cho nó trở nên tuyệt vời để kiểm soát mô-men xoắn sớm • Giữ uốn cong tốt khi uốn cong trong nước nóng - Tiêu chuẩn ISO/CE	Hộp /10 Dây	Dây	120
456		6	Dây thép chỉnh nha có công dụng kéo răng trở về vị trí mong muốn theo chỉ định điều trị lệch lạc răng trên cung hàm	Dây thép chỉnh nha có công dụng kéo răng trở về vị trí mong muốn theo chỉ định điều trị lệch lạc răng trên cung hàm, - Chất liệu niken-titan như một giải pháp thay thế cải tiến cho không gây gỉ sét. Loại dây hình vòm tiếp tục cung cấp độ co giãn tuyến tính và khả năng uốn cong của cường độ cao, phạm vi làm việc đàn hồi và các lực nhẹ hơn mà chỉ niken titan mới có thể tạo ra ngay từ lúc bắt đầu và liên tục một cách linh hoạt nhất. • Phạm vi làm việc liên tục, lâu dài • 40% lực của steel không gỉ - Tiêu chuẩn ISO/CE	Hộp /10 Dây	Dây	120
457		6	Dây thép chỉnh nha có công dụng kéo răng trở về vị trí mong muốn theo chỉ định điều trị	Dây thép chỉnh nha có công dụng kéo răng trở về vị trí mong muốn theo chỉ định điều trị - Chất liệu: Nitinol Heat-Activated là một dây quần siêu đàn hồi được kích hoạt bằng nhiệt. Nó là loại dây Nitinol dễ điều chỉnh nhất và nó cung cấp lực liên tục, giúp di chuyển răng một cách hiệu quả mà giảm sự khó chịu tối thiểu cho bệnh nhân. • Có thể được làm lạnh hoặc làm lạnh dẫn đến dây mềm hơn, dẻo hơn cho tham gia dễ dàng • Cung cấp lực liên tục nhẹ • Kích hoạt lực xảy ra xung quanh nhiệt độ cơ thể • Có sẵn ở các kích thước hình vuông, làm cho nó trở nên tuyệt vời để kiểm soát mô-men xoắn sớm • Khả năng giữ nếp uốn tốt khi uốn cong - Tiêu chuẩn ISO/CE	Hộp /10 Dây	Dây	120
458		6	Dây thép chỉnh nha hàm trên, dưới vuông, chữ nhật	Dây thép chỉnh nha có công dụng kéo răng trở về vị trí mong muốn theo chỉ định điều trị - Chất liệu Nitinol Super-Elastic dễ sử dụng và duy trì lực liên tục ảnh hưởng với phạm vi giữa Nitinol Kích hoạt nhiệt và Nitinol Classic. • Cung cấp lực liên tục nhẹ • Đặc điểm tương tác dễ dàng • Kiểm soát mô-men xoắn sớm tốt - Tiêu chuẩn ISO/CE	Hộp /10 Dây	Dây	120
459		6	Dây thép chỉnh nha có công dụng kéo răng trở về vị trí mong muốn theo chỉ định điều trị, hình tròn	Dây thép chỉnh nha có công dụng kéo răng trở về vị trí mong muốn theo chỉ định điều trị, hình tròn - Chất liệu: Thép không gỉ, Archwire - mang lại sự cân bằng, dễ uốn • Độ bền kéo tầm trung - Tiêu chuẩn ISO/ CE	Hộp /10 Dây	Dây	120
460		6	Dây thép chỉnh nha có công dụng kéo răng trở về vị trí mong muốn theo chỉ định điều trị, hình chữ nhật	Dây thép chỉnh nha có công dụng kéo răng trở về vị trí mong muốn theo chỉ định điều trị, hình chữ nhật - Chất liệu thép không gỉ Archwire - mang lại sự cân bằng dễ uốn • Độ bền kéo tầm cao - Tiêu chuẩn ISO/CE	Hộp /10 Dây	Dây	120
461		6	Thun chuỗi có tác dụng như dây chằng đàn hồi có bảo vệ liên tục	Thun chuỗi có tác dụng như dây chằng đàn hồi có bảo vệ liên tục. - Chất liệu: bằng cao su nhân tạo • Kích cỡ: 15 ft. (457 cm) trên mỗi suốt chỉ, cắt khuôn • Hiện thị hồi hợp màu cho dễ dàng xác định chủng loại, kích cỡ cần dùng • Lực trung bình - Tiêu chuẩn ISO/CE	4.57m/ gói	Gói	30
462		6	Thun buộc mắc cài trong thủ thuật chỉnh hình hàm mặt	Thun buộc mắc cài trong thủ thuật chỉnh hình hàm mặt - Dây chằng dễ buộc, được thiết kế với độ uốn cong 45 độ, giúp cho việc móc mắc cài với nhau trở nên dễ dàng và hiệu quả. - Hình dạng góc cạnh làm giảm phạm vi chuyển động cần thiết, cấu tạo: thắt khùng. - Giảm tối đa tiếp xúc của công cụ đặt với môi của bệnh nhân, tạo cảm giác thoải mái và giảm đau tối thiểu. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE	100 thanh /gói	Gói	30

STT	Mã thông tư 04	Phân nhóm TT 14	Tên danh mục	Yêu cầu đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
463		6	Thun buộc mắc cài trong thủ thuật chỉnh hình hàm mặt, răng mọc lệch lạc, hô, móm	Thun buộc mắc cài trong thủ thuật chỉnh hình hàm mặt, răng mọc lệch lạc, hô, móm - Chất liệu: cao su nhân tạo - Cấu tạo: 2 loại A-1 hoặc A-2, gồm nhiều vòng thun tròn trên một thanh, màu bạc và màu xám • 60 vòng mỗi thanh • A-1 có đường kính ngoài 0,125 in. (3,2 mm) • A-2 có đường kính ngoài 0,94 in. (2,4 mm) - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE	Gói/13 thanh	Gói	30
464		6	Thun tách kẽ răng, tạo khoảng giữa các răng trong điều trị chỉnh nha, răng mọc lệch lạc, chen chúc, hô, móm	Thun tách kẽ răng, tạo khoảng giữa các răng trong điều trị chỉnh nha, răng mọc lệch lạc, chen chúc, hô, móm. - Chất liệu: cao su nhân tạo - Hai kích thước: (3,7) (4,4) mm. Đường kính ngoài 145.175 inch S1 S2 - Màu sắc: nhiều màu phù hợp lựa chọn thẩm mỹ từ người bệnh - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE	Gói/ 80 cái	Gói	30
465			Răng nhựa dành riêng cho phục hình tháo lắp, khôi phục hàm răng cho người cao tuổi hoặc trường hợp mất từ 3 răng trở lên hoặc mất răng toàn hàm (loại I)	Răng nhựa dành riêng cho phục hình tháo lắp, khôi phục hàm răng cho người cao tuổi hoặc trường hợp mất từ 3 răng trở lên hoặc mất răng toàn hàm (loại I) - Chất liệu: nhựa nha khoa - Kích thước: Tùy theo kích thước hàm của bệnh nhân, lắp thiết kế lên hàm, phù hợp theo từng chỉ định của bác sĩ. - Tương thích với các bộ so màu (Vita3D, Vita classical, Socope), - Hỗ trợ đặt máy, kỹ thuật viên so màu, chụp hình răng trực tiếp trên miệng bệnh nhân. - Yêu cầu chất lượng khi sử dụng: màu răng phải đúng theo bảng so màu Bác sĩ đã lấy trên người bệnh, tạo cảm giác thoải mái cho người sử dụng.	Gói/ Cái	cái	550
466			Răng nhựa dành riêng cho phục hình tháo lắp, khôi phục hàm răng cho người cao tuổi hoặc trường hợp mất từ 3 răng trở lên hoặc mất răng toàn hàm (loại II)	Răng nhựa dành riêng cho phục hình tháo lắp, khôi phục hàm răng cho người cao tuổi hoặc trường hợp mất từ 3 răng trở lên hoặc mất răng toàn hàm (loại II) - Chất liệu: nhựa nha khoa - Kích thước: Tùy theo kích thước hàm của bệnh nhân, lắp thiết kế lên hàm, phù hợp theo từng chỉ định của bác sĩ. - Tương thích với các bộ so màu (Vita3D, Vita classical, Socope), - Hỗ trợ đặt máy, kỹ thuật viên so màu, chụp hình răng trực tiếp trên miệng bệnh nhân. - Yêu cầu chất lượng khi sử dụng: màu răng phải đúng theo bảng so màu Bác sĩ đã lấy trên người bệnh, tạo cảm giác thoải mái cho người sử dụng.	Gói/ Cái	cái	10
467			Răng nhựa dành riêng cho phục hình tháo lắp, khôi phục hàm răng cho người cao tuổi hoặc trường hợp mất từ 3 răng trở lên hoặc mất răng toàn hàm (loại III)	Răng nhựa dành riêng cho phục hình tháo lắp, khôi phục hàm răng cho người cao tuổi hoặc trường hợp mất từ 3 răng trở lên hoặc mất răng toàn hàm (loại III) - Chất liệu: nhựa nha khoa - Kích thước: Tùy theo kích thước hàm của bệnh nhân, lắp thiết kế lên hàm, phù hợp theo từng chỉ định của bác sĩ. - Tương thích với các bộ so màu (Vita3D, Vita classical, Socope), - Hỗ trợ đặt máy, kỹ thuật viên so màu, chụp hình răng trực tiếp trên miệng bệnh nhân. - Yêu cầu chất lượng khi sử dụng: màu răng phải đúng theo bảng so màu Bác sĩ đã lấy trên người bệnh, tạo cảm giác thoải mái cho người sử dụng.	Gói/ Cái	cái	1.600
468			Hàm phù dùng trong kỹ thuật thay thế toàn bộ răng đã mất bằng cách cấy ghép trụ Implant, trụ Implant được cấy ghép có vai trò như những chân răng thật giúp nâng đỡ hàm phục hình tháo lắp.	Hàm phù dùng trong kỹ thuật thay thế toàn bộ răng đã mất bằng cách cấy ghép trụ Implant, trụ Implant được cấy ghép có vai trò như những chân răng thật giúp nâng đỡ hàm phục hình tháo lắp. - Chất liệu: Titan 100%. - Kích thước: Tùy theo kích thước hàm của bệnh nhân, lắp thiết kế lên hàm, phù hợp theo từng chỉ định của bác sĩ. - Tương thích với vật liệu cấy ghép răng - Tương đương loại Implant Titanim C1-grade 23 hoặc tương đương	Gói/ Cái	cái	2
469		3	Đầu gắn ống soi dùng hỗ trợ kỹ thuật EMRC trong nội soi tiêu hóa, bằng nhựa mềm	Đầu gắn ống soi dùng hỗ trợ kỹ thuật EMRC trong nội soi tiêu hóa, - Bằng nhựa mềm, - Đường kính ngoài ≤ 18.1 mm, góc vát xiên, có rãnh cố định lõng thụt, - Tiệt khuẩn, - Tiêu chuẩn ISO/ CE, - Tương thích ống soi Olympus tại bệnh viện	5 cái/ hộp	Cái	10
470		3	Đầu gắn ống soi dùng hỗ trợ kỹ thuật ESD trong nội soi tiêu hóa, bằng nhựa mềm	Đầu gắn ống soi dùng hỗ trợ kỹ thuật ESD trong nội soi tiêu hóa, - Bằng nhựa mềm, - Chiều dài từ đầu cuối ống soi ≤ 4 mm, có lỗ bên. - Đường kính ngoài từ 11.4mm - 15.0mm, - Tiệt khuẩn, - Tiêu chuẩn ISO/ CE - Tương thích ống soi Olympus tại Bệnh viện	10 cái/ hộp	Cái	20

STT	Mã thông tư 04	Phân nhóm TT 14	Tên danh mục	Yêu cầu đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
471		3	Dao cắt hút dưới niêm mạc đầu cách điện dùng hỗ trợ thủ thuật ESD trong nội soi tiêu hóa, bằng ceramic	Dao cắt hút dưới niêm mạc đầu cách điện dùng hỗ trợ thủ thuật ESD trong nội soi tiêu hóa, - Bằng ceramic, - Chiều dài làm việc 1650mm- 2300mm, chiều dài dao 3.3mm - 3.5mm, đường kính đầu cuối cách điện ≤ 1.7 mm, có đầu cuối cách điện Đầu dao thiết kế đặc biệt nhỏ hơn, tăng độ an toàn cho thực quản và đại tràng, vỏ ngoài cách điện, điện cực hình đĩa. - Đường kính kênh dụng cụ tối thiểu 2,8mm, - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/ CE, - Tương thích ống soi Olympus tại bệnh viện	1 cái/ hộp	Cái	5
472		3	Dao cắt hút dưới niêm mạc hình núm, có tưới rửa dùng hỗ trợ thủ thuật ESD trong nội soi tiêu hóa, bằng nhựa và kim loại	Dao cắt hút dưới niêm mạc hình núm, có tưới rửa dùng hỗ trợ thủ thuật ESD trong nội soi tiêu hóa, - Bằng nhựa và kim loại, - Đường kính dao ≥ 0.3 mm, chiều dài làm việc 1950mm -2300mm, chiều dài dao cắt 1.8mm - 2.0mm, có đầu cuối cách điện, chiều cao của núm khi thu ngắt lại chỉ còn ≤ 0.1 mm để hỗ trợ đánh dấu và cầm máu an toàn, đầu dao có thể kéo dài hoặc thu ngắn lại, có kênh nước phụ . - Đường kính kênh dụng cụ tối thiểu 2,8mm, - Tiết khuẩn, - Tiêu chuẩn ISO/ CE, - Tương thích ống soi Olympus tại bệnh viện	1 cái/ hộp	Cái	5
473		3	Dao cắt hút dưới niêm mạc loại đầu hình tam giác dùng hỗ trợ thủ thuật POEM trong nội soi tiêu hóa, bằng nhựa và kim loại	Dao cắt hút dưới niêm mạc loại đầu hình tam giác dùng hỗ trợ thủ thuật POEM trong nội soi tiêu hóa, - Bằng nhựa và kim loại - Chiều dài 1600mm - 1650mm, chiều dài đoạn đầu hình tam giác ≥ 0.4 mm, chiều dài dao cắt 4.5mm - 4.7mm, lưỡi dao có hình tam giác, có kênh tưới rửa . - Đường kính kênh dụng cụ tối thiểu 2,8mm, - Tiết khuẩn, - Tiêu chuẩn ISO/ CE, - Tương thích ống soi Olympus tại bệnh viện	1 cái/ hộp	Cái	5
474		3	Kẹp cầm máu điện dùng hỗ trợ thủ thuật ESD với khả năng cầm máu nhanh và đáng tin cậy trong nội soi tiêu hóa, bằng nhựa và kim loại	Kẹp cầm máu điện dùng hỗ trợ thủ thuật ESD với khả năng cầm máu nhanh và đáng tin cậy trong nội soi tiêu hóa, - Bằng nhựa và kim loại, chiều dài làm việc 1650mm - 2300 mm, độ mở ngàm 4mm - 6,5mm, hỗ trợ tính năng xoay, thiết kế ngàm chống trượt để bám chắc vào điểm chảy máu - Đường kính kênh dụng cụ tối thiểu 2,8/3,2mm, - Tiết khuẩn, - Tiêu chuẩn ISO/ CE - Tương thích ống soi Olympus tại bệnh viện	1 cái/ hộp	Cái	12
475		4	Bộ kênh dụng cụ mở rộng dùng hỗ trợ kỹ thuật EMR, ESD trong nội soi tiêu hóa, bằng silicon	Bộ kênh dụng cụ mở rộng dùng hỗ trợ kỹ thuật EMR, ESD trong nội soi tiêu hóa, - Bằng silicon, Chiều dài kênh mở rộng: 120cm - 122cm (đối với ống soi dài 103cm -105cm) và 183cm - 185cm (đối với ống soi dài 160-170cm), có vòi sử dụng dễ dàng cho ống soi đường kính ≤ 10 mm. Khẩu độ của đầu cuối: đường kính 5.8 - 13.5mm. - Ngõ vào dụng cụ có thiết kế kiểu Luer-lock, - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn CE/ISO - Tương thích ống soi Olympus tại bệnh viện	1 cái/ hộp	Cái	10
476		6	Bộ kit đo độ Oxy bão hòa tĩnh mạch liên tục trong chạy tuần hoàn ngoài cơ thể	Bộ kit đo độ Oxy bão hòa tĩnh mạch liên tục trong chạy tuần hoàn ngoài cơ thể, - Bằng nhựa PC, - Kích thước: 75 x 110 x 29mm, trọng lượng 100 g, đường kính ống dùng cảm biến: 3/8;1/4;1/2, - Phương pháp đo SvO2, Hb, Hct, Tv: Phát quang, đo nhiệt độ bằng cảm biến nhiệt hồng ngoại, tốc độ dòng máu qua 100-5000 ml/ phút, áp lực tối đa 1 bar, - Tiết khuẩn, - Tiêu chuẩn ISO/CE - Hỗ trợ đặt máy tại bệnh viện	gói / 1 cái	Cái	23

STT	Mã thông tư 04	Phân nhóm TT 14	Tên danh mục	Yêu cầu đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
477		6	Bộ kit đo độ Oxy bão hòa động mạch liên tục trong chạy tuần hoàn ngoài cơ thể	Bộ kit đo độ Oxy bão hòa động mạch liên tục trong chạy tuần hoàn ngoài cơ thể, - Bảng nhựa PC, - Kích thước: 75 x 110 x 29mm, trọng lượng 100 g, đường kính ống dùng cảm biến: 3/8;1/4;1/2, - Phương pháp đo PaO ₂ , Ta: Phát quang, đo nhiệt độ bằng cảm biến nhiệt hồng ngoại, tốc độ dòng máu qua 100-7000 ml/ phút, áp lực tối đa 1 bar - Tiệt khuẩn, - Tiêu chuẩn ISO/CE - Hỗ trợ đặt máy tại bệnh viện	gói / 1 cái	Cái	23
478		6	Dây nối dùng kết nối với ống thông từ bệnh nhân với hệ thống dẫn lưu trong phẫu thuật tim	Dây nối dùng kết nối với ống thông từ bệnh nhân với hệ thống dẫn lưu trong phẫu thuật tim, - Bảng Silicon, trong suốt, không chứa DEHP và DOP, - Đường kính 1/4x1/16(0,2-0,6cm) - Tiêu chuẩn ISO/CE	Cuộn/ 50 mét	Mét	1.500
479		4	Kim lấy thuốc dùng pha thuốc, rút thuốc nhiều lần	Kim lấy thuốc dùng pha thuốc, rút thuốc nhiều lần. - Có 2 màng lọc 0.45µm lọc không khí và 5µm lọc tiểu phân, - Có van một chiều giúp tránh rò rỉ thuốc khi chai bị dốc ngược, - Tiệt khuẩn, - Tiêu chuẩn ISO/CE/FDA	Hộp/ 50 cái	Cái	6.700
480		4	Bộ dây truyền kèm túi chứa dịch dùng kiểm soát đau	Bộ dây truyền kèm túi chứa dịch dùng kiểm soát đau, dùng chứa thuốc giảm đau kiểm soát đau sau mổ, - Túi chứa bằng silicon mềm, không có DEHP, không latex, - Túi chứa được thuốc giảm đau đến 200ml, truyền dịch chống gập màu vàng dài 150cm, - Có sensor cảm biến áp lực, đoạn để ép dịch truyền, bộ phận loại bỏ không khí kích thước 0,2 micron hoặc 1,2 micron, - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/CE - Hỗ trợ đặt máy tại bệnh viện	Gói/ 1 bộ	Bộ	240
481		3	Bộ mở khí quản 2 nòng dùng mở khí quản qua da ở trẻ em	Bộ mở khí quản 2 nòng dùng mở khí quản qua da ở trẻ em để hỗ trợ thông khí, bằng PVC, Kích cỡ - ID: 3.5, OD 5.3mm, chiều dài: 47mm. - ID: 4.0mm, OD: 5.9mm, chiều dài: 54mm. - ID: 4.5mm, OD: 6.5mm, Chiều dài: 54mm. - ID: 5.0mm, OD: 7.0mm, chiều dài: 57mm. - ID: 5.5 mm, OD: 7.5mm, chiều dài: 58mm. - ID: 6.0mm, OD: 8.7mm, chiều dài: 64mm. - ID: 6.5mm, OD: 8.7mm, chiều dài: 64mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/ CE/ FDA	1 bộ/ gói	bộ	5
482		4	Dung dịch điều trị các vết loét, vết thương mạn tính, chậm lành	Dung dịch điều trị các vết loét, vết thương mạn tính, chậm lành, - Hỗn dịch chứa vi cầu polystyrene tích điện âm nồng độ 4.5x10 ⁶ vi cầu/ml, trong 22% glycerol và nước cất pha tiêm, - Thể tích 7.5 ml, - Tiệt khuẩn, - Tiêu chuẩn ISO/CE/FDA,	hộp/ lọ	lọ	24
483		6	Bộ lọc vi khuẩn lọc hạt khí giữa ống hút và bơm trong hệ thống hút áp lực âm	Bộ lọc vi khuẩn lọc hạt khí giữa ống hút và bơm trong hệ thống hút áp lực âm, - Màng PTFE và PP - Đường kính 50mm, - Tiêu chuẩn ISO/CE/FDA - Tương thích vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm, can chứa cùng loại, - Hỗ trợ đặt máy tại bệnh viện	Gói/ cái	Cái	24
484		3	Điện cực tích hợp ống nội khí quản, đường kính 7 ± 0,05mm	Điện cực tích hợp ống nội khí quản dùng để theo dõi tín hiệu từ dây thanh trong quá trình phẫu thuật sọ não - Thiết kế: Kết nối dạng touch-proof - Kích thước: Đường kính 7 ± 0,05mm, chiều dài dây cáp 2 ± 0,05 m. - Tiêu chuẩn: ISO/ CE - Tương thích với máy dò thần kinh Neuro-IOM 32B. - Tương đương điện cực Integrated Laryngeal Electrodes	1 cái/ gói	Cái	5

STT	Mã thông tư 04	Phân nhóm TT 14	Tên danh mục	Yêu cầu đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
485		3	Điện cực tích hợp ống nội khí quản, đường kính 8 ± 0,05mm	Điện cực tích hợp ống nội khí quản dùng để theo dõi tín hiệu từ dây thanh trong quá trình phẫu thuật sọ não - Thiết kế: Kết nối dạng touch-proof - Kích thước: Đường kính 8 ± 0,05mm, chiều dài dây cáp 2 ± 0,05 m. - Tiêu chuẩn: ISO/ CE - Tương thích với máy dò thần kinh Neuro-IOM 32B. - Tương đương điện cực Integrated Laryngeal Electrodes	1 cái/ gói	Cái	5
486		4	Nút tai bọt biển	Nút tai bọt biển dùng để giảm thiểu âm thanh trong quá trình phẫu thuật sọ não - Kích thước: 8-13 mm, chiều dài từ đầu nối ống truyền âm đến đầu nút tai bọt biển 26 mm. - Tiêu chuẩn: ISO/ CE - Tương thích với máy dò thần kinh Neuro-IOM 32B. - Tương đương Foam eartips	50 cái/ gói	Cái	5
487		4	Miếng chống dính trong phẫu thuật tim	Miếng chống dính trong phẫu thuật tim, - Thành phần chất đồng trùng hợp của polymer L-lactide-co-D và polymer L-lactide theo tỷ lệ 70:30 , - Kích cỡ: 100x130x0.02mm, - Tự tiêu bằng cơ chế thủy phân và chuyển hóa thành CO2 + H2O bài tiết ra khỏi cơ thể - Duy trì độ bền cơ học (lớn hơn 80%) trong 8 tuần đầu tiên sau phẫu thuật, - Tiệt khuẩn, - Tiêu chuẩn ISO/CE/FDA	miếng/ Hộp	Miếng	20
488		6	Que cấy dùng để lấy mẫu bệnh phẩm, vòng cấy 1µ, tiệt khuẩn	Que cấy dùng để lấy mẫu bệnh phẩm, khúm khuẩn, cấy phân lập trong kỹ thuật nuôi cấy định danh vi khuẩn, - Bảng nhựa PP, vòng cấy 1µ, - Một đầu thẳng và và 1 đầu tròn, - Tiệt khuẩn	gói/ 25 cái	cái	6.000
489		6	Hộp chứa tube trữ lạnh 1.5 - 2.0 ml	Hộp chứa tube trữ lạnh để đựng tube lưu chủng vi khuẩn - Bảng nhựa PP, - Tube 1.5 -2.0mL, - Hộp vuông có nắp cài, 10 x 10 (100 lỗ) - Chịu nhiệt độ từ -90 đến 121oC	gói/ 5 cái	cái	300
490		6	Đầu que cấy vi sinh, vòng 1ul	Đầu que cấy vi sinh dùng để lấy mẫu bệnh phẩm, khúm khuẩn, cấy phân lập trong kỹ thuật nuôi cấy định danh vi khuẩn - Bảng kim loại, một đầu cấy thẳng, một đầu cấy vòng 1ul, dài 50mm, - Chịu nhiệt: 250oC	Gói/ 10 cái	cái	480
491		6	Cán que cấy dùng cho cấy vi sinh, dài 255mm	Cán que cấy dùng cho cấy vi sinh, - Bảng kim loại, cán que cấy tương thích với đầu que cấy, có tay cầm bằng nhựa. Dài 255 mm. - Chịu nhiệt: 250oC	Gói/ cái	cái	48
492		6	Nhíp dùng trong y tế, dài 16cm	Nhíp dùng trong y tế, dùng kẹp đĩa giấy kháng sinh trong vi sinh, - Bảng thép không gỉ, dài 16 cm. - Chịu nhiệt: 250oC	Gói/ cái	cái	12
493		6	Ống nghiệm 12x75 mm	Ống nghiệm dùng đựng bệnh phẩm y tế, - Bảng nhựa PS trong suốt, có nắp PS nắp ấn trong màu trắng, - Kích thước 12x75 mm - Tiệt khuẩn	Gói/ 100 cái	cái	12.000
494		6	Hộp dùng chứa môi trường, dinh dưỡng phân lập và định danh vi khuẩn sau khi điều chế	Hộp dùng chứa môi trường, dinh dưỡng phân lập và định danh vi khuẩn sau khi điều chế, - Bảng nhựa PP trong suốt, hộp tròn có nắp, nắp và thân đĩa phẳng, - Đường kính 60mm, - Tiệt khuẩn	thùng/ 500 cái	cái	12.000
495		6	Que lấy bệnh phẩm, dài 17cm	Que lấy bệnh phẩm y tế, thân gỗ, 1 đầu gòn, đựng trong ống nghiệm nhựa, - Dài 17 cm. - Tiệt khuẩn	gói/100 cái	cái	12.000
496		6	Tube trữ lạnh, thể tích 2ml	Tube trữ lạnh dùng chứa, bảo quản tế bào, mẫu và dung dịch ở nhiệt độ -90 đến 121, - Bảng nhựa PP, thiết kế nắp vận trọng, ren vận trọng của thân ống vừa khớp với ren vận ngoài của nắp ở dạng xoắn, đáy tròn, - Thể tích 2ml, - Tiệt khuẩn	gói/50 cái	cái	3.000
497		6	Ống đựng dung dịch, thể tích 1000ml	Ống đựng dung dịch dùng để đựng thể tích dung dịch trong việc điều chế môi trường dinh dưỡng, phân lập và định danh vi khuẩn - Bảng nhựa PP trong suốt, có chia vạch, - Thể tích: 1000ml, - Chịu nhiệt 121°C, chống hầu hết các loại hóa chất ăn mòn	hộp/cái	cái	12
498		6	Ống đựng dung dịch, thể tích 500ml	Ống đựng dung dịch dùng để đựng thể tích dung dịch trong việc điều chế môi trường dinh dưỡng, phân lập và định danh vi khuẩn - Bảng nhựa PP trong suốt, có chia vạch, - Thể tích: 500ml, - Chịu nhiệt 121°C, chống hầu hết các loại hóa chất ăn mòn	hộp/cái	cái	12

STT	Mã thông tư 04	Phân nhóm TT 14	Tên danh mục	Yêu cầu đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
499		6	Nam châm khuấy từ	Nam châm khuấy từ dùng trộn dung dịch cho máy khuấy từ, máy khuấy từ gia nhiệt, - Bảng kim loại phủ PTFE, chống ăn mòn, kháng axit và kiềm, - Kích thước: dài 50mm x rộng 8mm, - Chịu nhiệt.	gói/cái	cái	12
500		6	Ổng đong dung dịch, thể tích 25ml	Ổng đong dung dịch dùng để đong thể tích dung dịch trong việc điều chế môi trường dinh dưỡng, phân lập và định danh vi khuẩn - Bảng thủy tinh trong suốt, có chia vạch, - Thể tích: 25ml, - Chịu nhiệt 121°C, chống hầu hết các loại hóa chất ăn mòn	hộp/2 cái	cái	12
501		6	Bình cầu thủy tinh dùng để chứa, đun, hấp và điều chế môi trường trong vi sinh, thể tích 1000ml	Bình cầu thủy tinh dùng để chứa, đun, hấp và điều chế môi trường trong vi sinh, - Thể tích 1000ml, Cao 200mmx Đường kính dưới 131mmx Đường kính trên 42mm, - Đáy bằng miệng hẹp, - Chịu nhiệt 250oC, chống hầu hết các loại hóa chất ăn mòn	hộp/cái	cái	12
502		6	Bình cầu thủy tinh dùng để chứa, đun, hấp và điều chế môi trường trong vi sinh, thể tích 500ml	Bình cầu thủy tinh dùng để chứa, đun, hấp và điều chế môi trường trong vi sinh, - Thể tích 500ml, Cao 170mmx Đường kính dưới 105mmx Đường kính trên 34mm, - Đáy bằng miệng hẹp, - Chịu nhiệt 250oC, chống hầu hết các loại hóa chất ăn mòn	hộp/cái	cái	12
503		6	Bình cầu thủy tinh dùng để chứa, đun, hấp và điều chế môi trường trong vi sinh, thể tích 250ml	Bình cầu thủy tinh dùng để chứa, đun, hấp và điều chế môi trường trong vi sinh, - Thể tích 250ml, cao 140mm x đường kính dưới 85mmx Đường kính trên 34mm, - Đáy bằng miệng hẹp, - Chịu nhiệt 250oC, chống hầu hết các loại hóa chất ăn mòn	hộp/cái	cái	12
504		6	Chai thủy tinh chia vạch dùng để chứa, đun, hấp và điều chế môi trường trong vi sinh, thể tích 1000ml	Chai thủy tinh chia vạch dùng để chứa, đun, hấp và điều chế môi trường trong vi sinh, - Bảng thủy tinh, có nắp vặn bằng nhựa PP, vòng đệm nhựa PP giúp không đọng nước, - Thể tích 1000ml, thân có chia vạch, - Chịu nhiệt 250oC, chống hầu hết các loại hóa chất ăn mòn.	hộp/cái	cái	12

STT	Mã thông tư 04	Phân nhóm TT 14	Tên danh mục	Yêu cầu đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
505		6	Chai thủy tinh chia vạch dùng để chứa, đun, hấp và điều chế môi trường trong vi sinh, thể tích 500ml	Chai thủy tinh chia vạch dùng để chứa, đun, hấp và điều chế môi trường trong vi sinh, - Bảng thủy tinh, có nắp vận bằng nhựa PP, vòng đệm nhựa PP giúp không đọng nước, - Thể tích 500ml, thân có chia vạch, - Chịu nhiệt 250oC, chống hầu hết các loại hóa chất ăn mòn.	hộp/cái	cái	12
506		6	Giấy chỉ thị nhiệt cỡ 50m x 19mm	Giấy chỉ thị nhiệt dùng chỉ thị nhiệt trong hấp ướn, - Bảng giấy, có chất thay đổi màu sắc khi ở 121oC trong 10-15 phút, - Cỡ 50m x 19mm	gói/cái	cái	12
507		6	Ống ly tâm dùng chứa mẫu, thể tích 1.5ml, 1.7ml, 2ml	Ống ly tâm dùng chứa mẫu, dung môi trong quá trình ly tâm bằng nhựa PP trong suốt, - Thể tích 1.5ml, 1.7ml, 2ml, - Tiệt khuẩn, - Chịu nhiệt -80oC đến 121oC, chống hầu hết các loại hóa chất ăn mòn	gói/ 500 cái	cái	6.000
508		6	Ống hút thủy tinh dùng để hút môi trường, hóa chất	Ống hút thủy tinh dùng để hút môi trường, hóa chất trong vi sinh - Bảng thủy tinh, - Thể tích 25ml, thân có chia vạch đo chính xác đến vạch cuối cùng, - Chịu nhiệt : 250oC, chống hầu hết các loại hóa chất ăn mòn	gói/cái	cái	12
509		6	Nắp đai ống nhựa PCR	Nắp đai ống nhựa PCR dùng để đậy đai ống nhựa PCR, tương thích với đai 8 tube x 0,2ml - Bảng nhựa trong suốt, - Thích hợp cho tín hiệu huỳnh quang của máy Realtime.	hộp/ 120 cái	Cái	2.040

STT	Mã thông tư 04	Phân nhóm TT 14	Tên danh mục	Yêu cầu đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
510		6	Dãi ống nhựa PCR dùng chứa mẫu	Dãi ống nhựa PCR dùng chứa mẫu, dung môi trong quá trình PCR, dãi 8 tube x 0,2ml, - Bảng nhựa PP trong suốt, - Thích hợp cho tín hiệu huỳnh quang của máy Realtime	hộp/ 120 cái	Cái	2.040
511		6	Khay giếng nhựa PCR	Khay giếng nhựa PCR dùng cho tách chiết DNA, RNA - Bảng nhựa PP trong suốt, khay 96 giếng đáy sâu, - Tương thích với máy tách chiết tự động loại máy tách được 72-96 mẫu/lần	hộp/ 100 cái	Cái	2.000
512		6	Đầu côn dùng hút mẫu	Đầu côn dùng hút mẫu, dung môi trong quá trình tách chiết DNA, RNA - Bảng nhựa PP, - Có một đầu mỏng, mảnh - Thể tích 300ul, - Tương thích với máy tách chiết tự động loại 72-96 mẫu/lần,	hộp/ 5760 cái	Cái	5.760
513		6	Ống đựng mẫu đo áp suất thẩm thấu	Ống đựng mẫu đo áp suất thẩm thấu dùng để chứa mẫu đo áp suất thẩm thấu, - Bảng nhựa - Tiêu chuẩn ISO, - Tương thích với máy đo áp suất thẩm thấu Osmomat 3000	1000 cái/gói	cái	12.000

STT	Mã thông tư 04	Phân nhóm TT 14	Tên danh mục	Yêu cầu đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
514		6	Môi trường vận chuyển và bảo quản vi sinh vật	Môi trường vận chuyển và bảo quản vi sinh vật - Chuyên chở, bảo quản mẫu bệnh phẩm viruses, chlamydia, mycoplasma hoặc ureaplasma để phục vụ xét nghiệm PCR/ real-time PCR - Thành phần: (1) Ống môi trường bảo quản (3 ml): đệm Hank, Gelatin, HEPES, Amphotericin B, BSA, Sucrose, Sodium, Bicarbonate, Colistin, L-Cysteine, Đỏ phenol, L- Glutamic Acid, Vancomycin. - Cộng hợp vàng: H.pylori Ag tinh khiết cao - keo vàng: $1.0 \pm 0.2 \mu\text{g}$; (2) Dụng cụ lấy mẫu: 1 tấm bông lấy mẫu hầu họng/tỵ hầu, 1 tấm bông lấy mẫu hầu họng - Bao gồm: 1 ống nghiệm, 2 tấm bông - Duy trì hoạt tính các VSV ít nhất 48 giờ ở nhiệt độ 20-25°C và 2-8°C: adenovirus, cytomegalovirus, echovirus type 30, herpes simplex virus type 1, herpes simplex virus type 2, influenza A, parainfluenza 3, respiratory syncytial virus, varicella-zoster virus, Chlamydia pneumoniae, Chlamydia trachomatis, Mycoplasma hominis, Mycoplasma pneumoniae and Ureaplasma urealyticum - Tiêu chuẩn ISO - Hạn dùng ≥ 12 tháng	50 ống /hộp	Ống	5.000
515		3	Ống đo quang độ bão hòa oxy và hematocrit	Ống đo quang độ bão hòa oxy và hematocrit - Chất liệu: nhựa PVC - Đường kính đầu nối 1/2", 3/8", 1/4" - Cấu tạo: ống được phủ lớp heparine chống huyết khối - Tiêu chuẩn chất lượng: CE - Tương thích máy theo dõi độ bão hòa oxy và hematocrit Biotrend	Hộp/ 12 cái	Cái	300
516		3	Ống mẫu sử dụng đo độ đông máu trong tuần hoàn ngoài cơ thể	Ống mẫu sử dụng đo độ đông máu trong tuần hoàn ngoài cơ thể - Thành phần: có 2 kênh xác định thời gian đông máu và thay đổi Heparin, với dung dịch hỗn hợp có chứa Kaolin giúp hợp nhất với máu - Tiêu chuẩn CE - Tương thích máy đo độ đông máu ACT-Medtronic (máy bệnh viện) - Tương đương ACT Disposable Test Cartridges - Tiêu chuẩn ISO/CE/FDA	Hộp/50 cái	Cái	2.400
517		3	Ống nghiệm lấy máu chân không chứa chống đông Sodium Citrate 3,2% 1.8ml	Ống nghiệm chân không chứa dung dịch chất chống đông: Sodium Citrate 3.2%, thể tích 1.8ml - Chất liệu ống: PET, chống sốc, trong suốt, tránh va chạm gây nứt trong quá trình vận chuyển, lấy máu, bảo quản và xét nghiệm - Nắp màu xanh dương gồm 2 phần: Phần bằng cao su butyl để duy trì chân không và dễ cầm kim trong quá trình lấy máu; phần nắp bằng nhựa PE để bảo vệ, chống nứt vỡ, có rãnh nhỏ, không bị trơn, trượt tay khi thao tác. - Nhấn được làm bằng nhựa plastic tránh biến đổi và hao hụt chất chống đông - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/CE	Khay/50 ống	ống	60.000
518		3	Đầu tip xanh 1-1000 ul	Đầu tip xanh bằng polyetylen 1-1000 ul - Thiết kế tương thích với tất cả các micropipet - Tương đương loại Corning Universal Fit	Gói/ 1000 cái	Cái	66.000
519		3	Đầu tip vàng có khóa, 1-200 μL	Đầu tip vàng có khóa - Kích thước: 1-200 μL - Tương thích với giá đỡ cùng hàng - Đóng gói trong các túi polyetylen có thể khóa lại được.	Gói/ 1000 cái	Cái	166.000

STT	Mã thông tư 04	Phân nhóm TT 14	Tên danh mục	Yêu cầu đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
520		3	Màng đo và hiệu chỉnh Bilirubin qua da	Màng đo và hiệu chỉnh dùng đo nồng độ Bilirubin qua da. - Bảng nhựa cứng Polyethylene, sử dụng 1 lần. - Tiêu chuẩn chất lượng CE - Tương thích máy Bilichek	Gói/50 cái	Cái	1.100

CHỈ MINH

[Signature]

